

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Phần Sau Quyển Thượng

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 377

Hán dịch: Sa môn Nhược-na-bạt-đà-la
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Huệ Dung (04-2009)
Biên tập: Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daiTangvietnam.com>

Email info@daiTangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 377 《大般涅槃經後分》
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 377 《Đại bát Niết bàn Kinh hậu phân》
【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 377 《Đại bát Niết bàn Kinh sau phần》
【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.14 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14
【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.14 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14
【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.14 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14
【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯
【biên tập thuyết minh】bổn tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập
【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập
【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供
【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung
【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung
【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)
【kỳ tha sự hạng】bổn tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)
【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

大般涅槃經後分卷上
Đại-bát Niết bàn Kinh hậu phân quyển thượng

Kinh Đại Bát Niết Bàn
(Phần Cuối Quyển Thượng)

大唐南海波濤國沙門若那跋陀羅譯

Đại Đường Nam hải ba lãng quốc Sa-môn Nhưc na-bạt-đà-la dịch
Sa-môn Nhưc-na-bạt-đà-la, người nước Ba Lãng thuộc vùng Nam Hải,
dịch vào đời Đại Đường

橋陳如品餘

Kiều Trần Như phẩm dư
Phẩm: Kiêu Trần Như

爾時須跋陀羅。

Nhĩ thời Tu Bạt Đà-la。

Lúc bấy giờ, Tu-bạt-đà-la

從佛聞說大般涅槃甚深妙法。而得法眼見法清淨。愛護正法已捨邪見。

tòng Phật văn thuyết Đại bát Niết bàn thậm thâm diệu Pháp. nhi đắc Pháp nhãn kiến Pháp thanh tịnh. ái hộ chánh Pháp dĩ xả tà kiến.

nghe Phật thuyết về kinh Đại Bát Niết-bàn thâm sâu vi diệu, liền đắc Pháp nhãn thanh tịnh, ưa thích ủng hộ chánh pháp, trừ bỏ tà kiến,

於佛法中深信堅固。即從如來欲求出家。

ư Phật Pháp trung thâm tín kiên cố. tức tòng Như Lai dục cầu xuất gia.

có lòng tin sâu vững chắc đối với Phật Pháp, rồi đến chỗ Như Lai muốn cầu xin xuất gia.

佛言。善哉善哉。須跋陀羅善。來比丘。

Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Tu Bạt Đà-la thiện. lai Tỳ-kheo.

Phật dạy: Hay thay, hay thay! Tu-bạt-đà-la, thiện lai Tỳ-kheo!

悅可聖心善入佛道。於是須跋陀羅。

duyệt khả Thánh tâm thiện nhập Phật đạo. ư thị Tu Bạt Đà-la.

Làm vui tâm thánh, khéo nhập Phật đạo. Lúc ấy Tu-bạt-đà-la

歡喜踊躍忻慶無量。即時鬚髮自落而作沙門。

hoan hỉ dưng dục hân khánh vô lượng. tức thời tu phát tự lạc nhi tác Sa-môn.

vui mừng hớn hở vô lượng, tức thời râu tóc tự rụng mà làm vị Sa-môn,

法性智水灌注心原。無復縛著。漏盡意解得羅漢果。

Pháp tánh trí thủy quán chú tâm nguyên. vô phục phục trứ. lậu tận ý giải đắc la hán quả.

dòng nước trí tuệ pháp tánh rót vào nguồn tâm, không còn sự trói buộc, các lậu đã hết, tâm khai ý giải, được chứng quả A-la-hán.

須跋陀羅既證果已。

Tu Bạt Đà-la ký chứng quả dĩ.

Tu-bạt-đà-la đã chứng quả rồi,

即前佛所瞻仰尊顏頭面禮足。偏袒右肩右膝著地長跪合掌。

tức tiền Phật sở chiêm ngưỡng tôn nhan đầu diện lễ túc. Thiên đàn hữu kiên hữu

tất trứ địa trường quy hợp chưởng.

liền đến trước Phật chiêm ngưỡng tôn nhan và đánh lễ dưới chân đức Phật, trích

áo bày vai bên phải, gối phải sát đất, quỳ thẳng chấp tay,

悲喜交流深自悔責在昔罪咎。而白佛言。世尊。

bi hỉ giao lưu thâm tự hồi trách tại tích tội cũ. nhi bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

vui buồn lẫn lộn, tự trách tội lỗi trước đây của mình rồi bạch đức Phật rằng:

Thưa đức Thế Tôn!

恨我毒身久劫已來常相欺惑。令我長沒無明邪見。

hận ngã độc thân cửu kiếp dĩ lai thường tương khi hoặc. linh ngã trường một vô minh tà kiến.

con hối hận thân con từ kiếp lâu xa đến nay thường lừa dối mê hoặc, khiến con

chìm mãi trong vô minh tà kiến,

淪溺三界外道法中。痛哉苦哉為害滋甚。

luân nịch tam giới ngoại đạo Pháp trung. thông tai khổ tai vi hại tư thậm.

đắm sâu trong pháp của ngoại đạo nơi ba cõi. Buồn thay, khổ thay bị tổn hại nhiều,

今大喜慶。蒙如來恩得入正法。世尊。

kim Đại hỉ khánh. mông Như Lai ân đắc nhập chánh Pháp. Thế Tôn.

nay con rất vui mừng, xin Như Lai cho phép con được học Chánh pháp. Bạch đức Thế Tôn!

智慧大海慈愍無量。竊自惟忖。

trí tuệ Đại hải từ mẫn vô lượng. thiết tự duy thốn.

bạc có trí tuệ lớn như biển cả, từ bi vô lượng, con tự suy nghĩ!

累劫碎軀未能報此須臾之恩。須跋陀羅說是語已。

luy kiếp toái khu vị năng báo thử tu du chi ân. Tu Bạt Đà-la thuyết thị ngữ dĩ.

dầu trải qua nhiều kiếp cũng chưa thể báo đáp ân này trong muôn một. Tu-bạt-đà-la nói lời này xong

悲泣流淚不能自裁。復白佛言。世尊。我年老邁餘命無幾。

bi khắp lưu lệ bất năng tự tài. phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn. ngã niên lão mại dư mạng vô ki.

thì buồn bã rơi lệ mà bạch Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn! Con tuổi đã già mạng sống không còn bao lâu, 未脫眾苦行苦遷逼。唯願世尊。

vị thoát chúng khổ hành khổ Thiên bức. duy nguyện Thế Tôn.

chưa thoát được các khổ, bị các khổ bức bách, xin nguyện Thế Tôn

少住教誡哀愍救護莫般涅槃。爾時世尊默然不許。

thiểu trụ giáo giới ai mãn cứu hộ mạc bát Niết-bàn. nhĩ thời Thế Tôn mặc nhiên bất hứa.

thương xót cứu vớt cho con, nán lại chút ít để dạy dỗ cho con, chớ nhập Niết-bàn vội. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn im lặng không đáp.

須跋陀羅不果所請。愁憂熱惱高聲唱曰。

Tu Bạt Đà-la bất quả sở thỉnh. sầu ưu nhiệt não cao thanh xướng viết.

Tu-bạt-đà-la thỉnh cầu không được, lại ưu sầu áo não mà lớn tiếng than rằng:

苦哉苦哉。世間虛空。世間虛空。

khổ tai khổ tai. thế gian hư không. thế gian hư không.

Khổ thay khổ thay, thế gian trống rỗng, thế gian trống rỗng!

如何於今大怖即至熱惱流行。哀哉哀哉。眾生福盡正慧眼滅。

như hà ư kim Đại phộ tức chí nhiệt não lưu hành. ai tai ai tai. chúng sanh phúc tận chánh tuệ nhãn diệt.

Tại sao hôm nay lại sợ hãi đầy khổ não thế. Buồn thay, buồn thay, chúng sanh phước đức đã hết, con mắt Chánh tuệ đã diệt.

復更流淚悲號哽咽。遍體血現發聲大哭。

phục cánh lưu lệ bi hiệu ngạnh yết. biến thể huyết hiện phát thanh Đại khốc.

Lại nữa Tu-bạt-đà-la lại nghẹn ngào buồn rầu khóc lóc, toàn thân đỏ bừng, lớn tiếng kêu khóc!

於如來前舉身投地。慌亂濁心昏迷悶絕。

ư Như Lai tiền cử thân đầu địa. hoảng loạn trực tâm hôn mê muộn tuyệt.

Trước Như Lai mà vật vã thân mình dưới đất, tâm thần hoang mang mê loạn,

久乃蘇醒涕淚哽咽。而白佛言。世尊。

cửu nãi tô tỉnh thể lệ ngạnh yết. nhi bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

giây lâu mới tỉnh rồi nghẹn ngào rơi lệ mà bạch đức Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn!

我今不忍見於如來入般涅槃。中心痛切難任裁抑。

ngã kim bất nhẫn kiến ư Như Lai nhập bát Niết-bàn. trung tâm thống thiết nan nhậm tài ức.

Nay con không nỡ nhìn thấy Như Lai nhập Niết-bàn, trong tâm đau xót khó kiềm chế được.

我自何能與此坏器毒身共住。

ngã tự hà năng dữ thử khôi khí độc thân cộng trụ.

Con tự làm sao có thể ở chung với thân thể đầy dơ bẩn này,

今前寧可先自速滅。唯願世尊。後當涅槃。爾時須跋陀羅。

kim tiền ninh khả tiên tự tốc diệt. duy nguyện Thế Tôn. hậu đương Niết-bàn. nhĩ thời Tu Bạt Đà-la.

thà con tự diệt trước, xin nguyện Thế Tôn hãy nhập Niết-bàn sau. Lúc bấy giờ Tu-bạt-đà-la

說是語已悲戀哽咽。於是時頃即入涅槃。

thuyết thị ngữ dĩ bi戀哽咽. 於是時頃即入涅槃.

nói lời này rồi lại buồn bã nghẹn ngào, ngay chốc lát liền nhập Niết-bàn.

爾時不可說不可說無數億恒河沙諸大菩

Nhĩ thời bất khả thuyết bất khả thuyết vô số ức hằng hà sa chu Đại Bồ
Lúc bấy giờ có vô số ức hằng hà sa Bất khả thuyết chu đại Bồ-tát,
薩比丘比丘尼。一切世間天人阿修羅等。

tát Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni. nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-la đấng.
các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la v.v...
同聲唱言。苦哉苦哉。如何正覺一旦捨離。

đồng thanh xướng ngôn. khổ tai khổ tai. như hà chánh giác nhất đán xả ly.
đồng thanh nói rằng: Khổ thay khổ thay, một mai đấng Chánh Giác xa lìa
無主無歸無依無趣。追思戀慕悲感號泣。

vô chủ vô quy vô y vô thú. truy tu luyện mộ bi cảm hiệu khắp.
thì chúng ta không có chủ, không có chỗ quay về nương tựa, không có chỗ để hướng
đến, rồi tất cả đều buồn bã cảm động khóc lóc,
互相執手搥胸悶絕迷失諸方。哀憫三千大千世界。

hỗ tương chấp thủ trừu hung muộn tuyệt mê thất chu phương. ai đồng tam Thiên Đại
Thiên thế giới。

cùng nắm tay đấm ngực mê loạn, làm kinh động cả ba ngàn Đại Thiên thế giới。

爾時世尊。出八種聲普告大眾。

Nhĩ thời Thế Tôn. xuất bát chủng thanh phổ cáo Đại chúng。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, phát ra tám loại âm thanh mà bảo đại chúng rằng:
莫大號哭猶如嬰兒。各相裁抑勿自亂心。

mạc Đại hiệu khóc do như anh nhi. các tướng tài ức vật tự loạn tâm.
chớ khóc lóc giống như trẻ con, mỗi người tự kiềm chế chớ để loạn tâm,
汝等於此行苦生死大海。勤修淨心莫失念慧。

nhữ đẳng ư thử hành khổ sanh tử Đại hải. tinh cần tu tịnh tâm mạc thất niệm tuệ.
các ông ở nơi biển khổ sanh tử này phải siêng tu tịnh tâm chớ để thất niệm
疾求正智速出諸有。三界受身苦輪無際。

tật cầu chánh trí tốc xuất chu hữu. tam giới thọ thân khổ luân vô tế.
phải mau cầu chánh trí, mau ra khỏi các hữu, nếu thọ thân trong ba cõi thì sự
khổ liên miên không dứt。

無明郎主恩愛魔王。役使身心策為僮僕。

vô minh túc chủ ân ái ma Vương. dịch sử thân tâm sách vi đồng bộc.
Vô minh là ông chủ, ân ái là ma vương, đem thân tâm trói buộc mà làm nô bộc,
遍緣境界造生死業。貪恚狂癡念念傷害。無量劫來常受苦惱。

biên duyên cảnh giới tạo sanh tử nghiệp. tham nhuế cuồng si niệm niệm thương hại.
vô lượng kiếp lai thường thọ khổ não。

duyên theo cảnh giới mà tạo nghiệp sanh tử, tham sân cuồng si, niệm niệm tổn hại,
từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ khổ não。

何有智者不反斯原。汝等當知。

hà hữu trí giả bất phản tu nguyên. nhữ đẳng đương tri。

Người có trí sao không trở về cội nguồn! Các ông phải biết,
我曠劫來已入大寂。無陰界入永斷諸有。

ngã khoáng kiếp lai dĩ nhập Đại tịch. vô uẩn giới nhập vĩnh đoạn chu hữu.
từ vô thi kiếp đến nay ta đã nhập tịch diệt, không có năm ấm, mười hai nhập,
mười tám giới, vĩnh viễn đoạn trừ các hữu,
金剛寶藏常樂我淨。我今於此顯難思議現方便力。

Kim cương bảo tạng thường lạc ngã tịnh. ngã kim ư thử hiển nan tu nghị hiện
phương tiện lực。

là kim cương bảo tạng thường lạc ngã tịnh. Nay ta ở đây mà hiển bày lực phương
tiện khó nghĩ bàn,

入大涅槃示同世法。

nhập Đại Niết-bàn thị đồng thế Pháp。

nhập Đại Niết-bàn thị hiện như pháp thể gian,

欲令眾生知身如電生戀慕心。生死瀑河漂流速疾。

dục linh chúng sanh tri thân như điện sanh luyến mộ tâm. sanh tử bộc hà phiêu lưu tốc tạt.

muốn khiến chúng sanh biết rõ thân như ánh chớp mà sanh tâm luyến mộ, sông lớn sanh tử chảy mạnh mau chóng,

諸行輪轉法應如是。如來涅槃甚深甚深不可思議。

chư hành luân chuyển Pháp ứng như thị. Như Lai Niết-bàn thậm thâm thậm thâm bất khả tư nghị.

các hành luân chuyển pháp là như vậy. Như Lai Niết-bàn là thâm sâu không thể nghĩ bàn,

乃是諸佛菩薩境界。非諸聲聞緣覺所知。

nãi thị chư Phật Bồ-tát cảnh giới. phi chư thanh văn duyên giác sở tri.

chính là cảnh giới của chư Phật, Bồ-tát, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác.

佛復告諸大眾。是須跋陀羅。

Phật phục cáo chư Đại chúng. thị Tu Bạt Đà-la.

Phật lại bảo các đại chúng: Ông Tu-bạt-đà-la này,

已曾供養恒河沙佛。於諸佛所深種善根。

dĩ tăng cúng dường hằng hà sa Phật. ư chư Phật sở thâm chủng thiện căn.

đã từng cúng dường hằng hà sa chư Phật, đã sâu trồng căn lành nơi chư Phật,

以本願力常在尼乾外道法中。出家修行。

dĩ bản nguyện lực thường tại ni kiền ngoại đạo Pháp trung. xuất gia tu hành.

do bản nguyện lực mà thường ở trong pháp ngoại đạo Ni-kiền-tử để xuất gia tu hành,

以方便慧誘進邪見失道眾生令入正智。須跋陀羅乘本願力。

dĩ phương tiện tuệ dụ tiến tà kiến thất đạo chúng sanh linh nhập chánh trí. Tu Bạt Đà-la thừa Bản Nguyện lực.

dùng trí tuệ phương tiện để dẫn dắt chúng sanh lạc vào tà kiến khiến quay lại nhập vào chánh trí, Tu-bạt-đà-la nương theo bản nguyện lực

今得遇我最後涅槃得聞正法。

kim đắc ngộ ngã tối hậu Niết-bàn đắc văn chánh Pháp.

mà nay được gặp Ta lúc sắp Niết-bàn, được nghe chánh pháp,

既聞正法得羅漢果。既得果已復入涅槃。

ký văn chánh Pháp đắc La hán quả. ký đắc quả dĩ phục nhập Niết-bàn.

nghe chánh pháp rồi đắc quả La hán, đã đắc quả rồi lại nhập Niết-bàn.

自我得道度阿若憍陳如。最後涅槃度須跋陀羅。

tự ngã đắc đạo độ A Nhã Kiều Trần Như. tối hậu Niết-bàn độ Tu Bạt Đà-la.

Từ khi ta đắc đạo độ A-nhã Kiều-trần-như, đến lúc sắp Niết-bàn độ Tu-bạt-đà-la, 吾事究竟無復施為。設我久住無異今也。

ngô sự cứu cánh vô phục thí vi. thiết ngã cửu trụ vô dị kim dã.

việc ta làm đã rốt ráo, không còn độ ai nữa, giả sử ta ở đời lâu thì cũng không khác gì hôm nay.

爾時世尊說是語已。即噓長歎唱言。善哉善哉。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị ngữ dĩ. tức hư trường thán xướng ngôn. Thiện tai Thiện tai.

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lời này rồi, liền cất tiếng khen rằng: Hay thay hay thay!

須跋陀羅為報佛恩。汝等大眾。

Tu Bạt Đà-la vì báo Phật ân. nhữ đẳng Đại chúng.

Tu-bạt-đà-la vì báo ân Phật, đại chúng các ông

應當供養其屍安立塔廟。爾時大眾。惆悵慘結掩淚裁抑。

ung đương cúng dường kỳ thi an lập tháp miếu. nhĩ thời Đại chúng. trừ trưởng
thâm kết yểm lệ tài úc.

phải nên cúng dường thi thể ông và an lập tháp miếu. Lúc bấy giờ đại chúng buồn
bã đau đớn rồi ngăn dòng lệ,

即依佛教以香木蘇油茶毘其屍。

túc y Phật giáo dĩ hương mộc tô du Trà-tỳ kỳ thi.

theo lời Phật dạy dùng gỗ dầu thom để làm lễ Trà-tỳ thi thể.

須跋陀羅當焚屍時。即於火中放大光明現十八變。

Tu Bạt Đà-la đương phần thi thời. túc ư hỏa trung phóng Đại quang-minh hiện thập
bát biến.

Lúc thi thể Tu-bạt-đà-la đang cháy thì trong lửa bỗng phát ra ánh sáng lớn, hiện
mười tám thứ biến hóa:

身上出水身下出火。右脇出火左脇出水。

thân thượng xuất thủy thân hạ xuất hỏa. hữu hiệp xuất hỏa tả hiệp xuất thủy.

Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, bên hông phải ra lửa bên hông trái ra nước,
小復現大大復現小滿虛空中。爾時無量大眾。

tiểu phục hiện Đại Đại phục hiện tiểu mãn hư không trung. nhĩ thời vô lượng Đại
chúng.

nhỏ lại hiện lớn lớn lại hiện nhỏ đầy cả hư không. Lúc bấy giờ vô lượng Đại
chúng

及諸外道邪見眾生。發菩提心得入正見。

cập chư ngoại đạo tà kiến chúng sanh. phát Bồ-đề tâm đắc nhập chánh kiến.

và các chúng sanh ngoại đạo tà kiến đều phát tâm Bồ-đề, thâm nhập chánh kiến.

須跋陀羅現神變已還復火中荼毘已訖。

Tu Bạt Đà-la hiện Thần biến dĩ hoàn phục hỏa trung Trà-tỳ dĩ cật.

Tu-bạt-đà-la hiện thần biến xong lại trở vào trong lửa, lễ Trà-tỳ xong rồi,
是時大眾悲感傷悼。收取舍利起塔供養。

thị thời Đại chúng bi cảm thương điếu. thu thủ Xá-lợi khởi tháp cúng dường.
bấy giờ đại chúng đau xót thấu tận lòng và xây tháp cúng dường.

大般涅槃經

Đại bát Niết bàn Kinh

Kinh Đại Bát Niết Bàn

遺教品第一

di giáo phẩm đệ nhất

Phẩm Thứ Một: Di Giáo.

爾時佛告阿難普及大眾。

Nhĩ thời Phật cáo A-nan phổ cập Đại chúng.

Lúc bấy giờ Phật bảo A-nan và các đại chúng:

吾滅度後汝等四眾。當勤護持我大涅槃。

ngô diệt độ hậu nhữ đẳng Tứ Chúng. đương tinh cần hộ trì ngã Đại Niết-bàn.

Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng các ông phải siêng năng hộ trì Kinh Đại Niết-bàn.
我於無量萬億阿僧祇劫。修此難得大涅槃法。今已顯說。

ngã ư vô lượng vạn ức a-tăng-thị kiếp. tu thử nan đắc Đại Niết-bàn Pháp. kim dĩ
hiển thuyết.

Ta ở nơi vô lượng vạn ức a-tăng-kỳ kiếp đã tu pháp Đại Niết-bàn khó được này,
nay đã tuyên thuyết,

汝等當知。

nhữ đẳng đương tri.

các ông phải biết!

此大涅槃乃是十方三世一切諸佛金剛寶藏。常樂我淨周圓無缺。

thử Đại Niết-bàn nãi thị thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Kim cương bảo tạng. thường lạc ngã tịnh châu viên vô khuyết.

Pháp Đại Niết-bàn này chính là Bảo tạng Kim cương ba đời mười phương chư Phật, tròn đầy thường lạc ngã tịnh không thiếu sót.

一切諸佛於此涅槃而般涅槃。最後究竟理極無遺。

nhất thiết chư Phật u thử Niết-bàn nhi bát Niết-bàn. tối hậu cứu cánh lý cực vô di.

Hết thầy chư Phật đều ở nơi pháp Niết-bàn này mà nhập Niết-bàn, rốt ráo sau cùng không còn thừa,

諸佛於此放捨身命。故名涅槃。汝等。

chư Phật u thử phóng xả thân mạng. cố danh Niết-bàn. nhữ đẳng.

chư Phật ở nơi pháp này mà xả bỏ thân mạng, cho nên gọi là Niết-bàn. Các ông欲得決定真報佛恩。疾得菩提諸佛摩頂。

dục đắc quyết định chân báo Phật ân. tật đắc Bồ-đề chư Phật ma đỉnh.

muôn chân thật báo đáp ân Phật thì phải mau chóng chứng được Bồ-đề, được chư Phật xoa đầu thọ ký,

世世所生不失正念。十方諸佛常現其前。

thế thế sở sanh bất thất chánh niệm. thập phương chư Phật thường hiện kỳ tiền. đời đời sanh ra chỗ nào cũng không mất chánh niệm, mười phương chư Phật thường hiện trước mặt,

晝夜守護令一切眾得出世法。當勤修習此涅槃典。

trú dạ thủ hộ linh nhất thiết chúng đắc xuất thế Pháp. đương tinh cần tu tập thử Niết-bàn điển.

ngày đêm giữ gìn khiến tất cả chúng được pháp xuất thế, phải siêng năng tu tập Kinh điển Niết-bàn.

佛復告阿難。

Phật phục cáo A-nan.

Phật lại bảo A-nan:

吾未成佛示入鬱頭藍弗外道法中。修學四禪八定受行其教。

ngô vị thành Phật thị nhập Uất Đầu Lam Phát ngoại đạo Pháp trung. tu học Tứ-thiền bát định thọ hành kỳ giáo.

Lúc Ta chưa thành Phật thì thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của ông Uất-đầu-lam-phát mà tu học tứ phần bát định, thực hành theo giáo pháp ấy,

吾成佛來毀咎其法漸漸誘進。最後須跋陀羅皆入佛道。

ngô thành Phật lai hủy thử kỳ Pháp tiệm tiệm dụ tiến. tối hậu Tu Bạt Đà-la giai nhập Phật đạo.

khi Ta thành Phật rồi thì Ta đến chỉ chỗ sai lầm của pháp ấy và dần dần dẫn dắt. Sau cùng Tu-bạt-đà-la đã thâm nhập Phật đạo.

如來以大智炬燒邪見幢。

Như Lai dĩ Đại trí cụ thiêu tà kiến tràng.

Như Lai dùng đuốc trí tuệ lớn mà thiêu đốt tràng phan tà kiến,

如乾草葉投大火焰。阿難。今我親戚諸釋種子吾甚憂念。

như kiên thảo diệp đầu Đại hỏa diệm. A-nan. kim ngã thân thích chư thích chủng tử ngô thậm ưu niệm.

như ném cỏ lá khô vào trong lửa lớn. A-nan! Nay Ta rất lo lắng cho dòng họ Thích của Ta!

我涅槃後汝當精勤。以善教誡我諸眷屬。

ngã Niết-bàn hậu nhữ đương tinh tinh cần. dĩ thiện giáo giới ngã chư quyền thuộc. Sau khi Ta Niết-bàn ông phải siêng năng khéo léo để răn dạy các quyền thuộc của Ta,

授與妙法深心誨誘。勿得調戲放逸散心。

thụ dĩ diệu Pháp thâm tâm hồi dụ. vật đắc điều hí phóng dật tán tâm.

trao cho họ pháp vi diệu, phải dạy dỗ dẫn dắt, chớ để họ buông lung tán tâm
入諸境界受行邪法。未脫三界世間痛苦。

nhập chư cảnh giới thọ hành tà Pháp. vị thoát tam giới thế gian thống khổ.
đi vào các cảnh giới mà thọ nhận tà kiến, khi chưa thoát khỏi sự thống khổ ở thế
gian nơi ba cõi

早求出離於此五濁愛欲之中。應生憂畏無救護想。

tảo cầu xuất ly u thử ngũ trước ái dục chi trung. ung sanh ưu úy vô cứu hộ tương.
thì phải sớm cầu xuất ly ái dục trong đời ác năm trước, nên sanh ý tưởng sợ hãi
không người cứu hộ.

一失人身難可追復。畢此一形常須警察。

nhất thất nhân thân nan khả truy phục. tất thử nhất hình thường tu cảnh sát.
Một khi mất thân người thì khó được trở lại, suốt đời này phải thường nhất nhỡ,
無常大鬼情求難脫。憐愍眾生莫相殺害。

vô thường Đại quý tình cầu nan thoát. liên mẫn chúng sanh mạc tướng sát hại.
quý lớn vô thường thật khó thoát khỏi, phải thương xót chúng sanh chớ có sát hại,
乃至蠢動應。施無畏。身業清淨常生妙土。

nãi chí xuẩn động ung. thí vô úy. thân nghiệp thanh tịnh thường sanh diệu độ.
cho đến loài trùng nhỏ cũng nên bố thí sự vô úy. Thân nghiệp thanh tịnh thì
được sanh về cõi vi diệu,

口業清淨離諸過惡。莫食肉莫飲酒。調伏心蛇令入道果。

khẩu nghiệp thanh tịnh ly chư quá ác. mạc thực nhục mạc ẩm tửu. điều phục tâm xà
linh nhập đạo quả.

khẩu nghiệp thanh tịnh thì được xa lìa các lỗi lầm xấu ác, không được ăn thịt
uống rượu, nên điều phục tâm ý khiến thâm nhập đạo quả.

深思行業善惡之報。如影隨形。

thâm tư hành nghiệp thiện ác chi báo. như ảnh tùy hình.

Suy nghĩ kỹ về hành nghiệp, quả báo thiện ác là như bóng theo hình,
三世因果循環不失。此生空過後悔無追。

tam thế nhân quả tuần hoàn bất thất. thử sanh không quá hậu hồi vô truy.
nhân quả ba đời xoay vần không mất, đời nay trôi qua thì sau hồi hận không kịp,
涅槃時至示教如是。

Niết-bàn thời chí thị giáo như thị.

giờ Niết-bàn đã đến, Ta chỉ dạy như vậy.

爾時阿難聞佛語已。身心戰動情識茫然。

Nhĩ thời A-nan văn Phật ngữ dĩ. thân tâm chiến động tình thức mang nhiên.
Lúc bấy giờ A-nan nghe Phật dạy rồi thì thân tâm loạn động, tình thức mơ màng,
悲哽啞咽深沒憂海。舉體迷悶昏亂濁心。

bi ngạnh âm yết thâm một ưu hải. cử thể mê muộn hôn loạn trước tâm.

buồn bã nghẹn ngào chìm sâu trong sự ưu phiền, toàn thân mê muộn trong tâm tán
loạn,

投如來前猶如死人。爾時阿泥樓逗安慰阿難。

đầu Như Lai tiền do như tử nhân. Nhĩ thời A-nê-lâu-đậu an úy A-nan.

ở trước Như Lai mà như người chết. Lúc bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà an ủi A-nan,
輕其愁心而語之言。咄哉何為愁苦。

khinh kỳ sầu tâm nhi ngữ chi ngôn. đốt tai hà vi sầu khổ.

làm vui đi tâm ưu sầu mà nói rằng: Than ôi! tại sao lại sầu khổ,

如來涅槃時至。今日雖有明旦則無。

Như Lai Niết-bàn thời chí. kim nhật tuy hữu minh đán tắc vô.

giờ Như Lai Niết-bàn đã đến, hôm nay tuy có ánh sáng mà ngày mai thì không!

汝依我語諮啟如來如是四問。

nhữ y ngã ngữ ti khai Như Lai như thị tứ vấn.

Ông phải nghe lời Ta mà đến hỏi Như Lai bốn việc này:

佛涅槃後六群比丘行污他家惡性車匿。云何共住而得示教。

Phật Niết-bàn hậu lục quần Tỳ-kheo hành ô tha gia ác tánh Xa-nặc. vân hà cộng trụ nhi đắc thị giáo.

Sau khi Phật Niết-bàn thì nhóm lục quần Tỳ-kheo làm việc ô uế nhà người, Tỳ-kheo Xa-nặc có tánh ác, làm sao cùng ở chung mà chỉ dạy?

如來在世以佛為師。世尊滅後以何為師。

Như Lai tại thế dĩ Phật vi sư. Thế Tôn diệt hậu dĩ hà vi sư.

Khi Như Lai trụ thế thì Phật là thầy, sau khi Phật diệt độ thì lấy ai làm thầy?

若佛在世依佛而住。如來既滅依何而住。

nhược Phật tại thế y Phật nhi trụ. Như Lai ký diệt y hà nhi trụ.

Nếu Phật ở đời thì nương Phật mà ở Phật mà ở, Phật đã diệt độ thì nương vào đâu mà ở?

如來滅後結集法藏。一切經初安何等語。

Như Lai diệt hậu kết tập Pháp tạng. nhất thiết Kinh sơ an hà đẳng ngữ.

Sau khi Như Lai diệt độ, các đệ tử kiết tập Kinh tạng, tất cả Kinh nên bắt đầu bằng câu gì?

爾時阿難如從夢中聞阿泥樓逗。安慰其心令致四問。

Nhĩ thời A-nan như tòng mộng trung văn A-nê-lâu-đậu. an úy kỳ tâm linh trí tú vấn.

Lúc bấy giờ A-nan như từ trong mộng mà nghe A-nậu-lâu-đà A-nan an ủi thân tâm và khiến đến Như Lai hỏi bốn việc thì

漸得醒悟哀不自勝。具陳上問而以白佛。

tiệm đắc tỉnh ngộ ai bất tự thắng. cụ trần thượng vấn nhi dĩ bạch Phật.

A-nan dần tỉnh ngộ rồi không ngăn được buồn thương, trình bày đủ những câu hỏi ấy lên đức Phật.

佛告阿難。何為憂苦悲哀乃爾。諸佛化周。

Phật cáo A-nan. hà vi ưu khổ bi ai nãi nhĩ. chư Phật hóa châu.

Phật dạy: A-nan! Tại sao sầu khổ bi thương như vậy, chư Phật hóa hiện viên mãn,施為已訖法歸是處。善哉善哉。阿難。

thí vi dĩ cật Pháp quy thị xứ. Thiện tai Thiện tai. A-nan.

giáo hóa đã xong thì quay về chỗ cũ. Hay thay hay thay! A-nan,

汝致四問為最後問。能大利益一切世間。汝等諦聽。

nhữ trí tú vấn vi tối hậu vấn. năng Đại lợi ích nhất thiết thế gian. nhữ đẳng đế thính.

Ông hỏi bốn điều ấy là lời sau cùng, có thể làm lợi ích lớn cho tất cả thế gian! các ông hãy lắng nghe,

善思念之。唯然世尊。願樂欲聞。佛告阿難。

thiện tư niệm chi. duy nhiên Thế Tôn. nguyện lạc dục văn. Phật cáo A-nan.

khéo suy nghĩ kỹ. A-nan thưa rằng: Xin vâng Thế Tôn, chúng con muốn nghe. Phật dạy A-nan!

如汝所問。

như nhữ sở vấn.

như lời ông hỏi,

佛涅槃後六群比丘惡性車匿行污他家。云何共住而得示教。阿難。

Phật Niết-bàn hậu lục quần Tỳ-kheo ác tánh Xa-nặc hành ô tha gia. vân hà cộng trụ nhi đắc thị giáo. A-nan.

sau khi Phật Niết-bàn thì nhóm Lục quần Tỳ-kheo, ác tánh Xa-nặc làm ô uế nhà người, làm sao cùng ở chung mà chỉ dạy. A-nan,

車匿比丘其性鄙惡。我涅槃後漸當調伏。

Xa-nặc Tỳ-kheo kỳ tánh bỉ ác. ngã Niết-bàn hậu tiệm đương điều phục.

Tỳ-kheo Xa-nặc tánh tình thô ác, sau khi Ta Niết-bàn phải dần dần điều phục

其心柔和捨本惡性。阿難。我弟難陀。

kỳ tâm nhu hòa xả bỏ ác tánh. A-nan, ngã đệ Nan đà.

khiến tâm được nhu hòa xả bỏ ác tánh. A-nan! em của Ta là Nan-đà

具極重欲其性鄙惡。如來以善方便示教利喜。

cụ cục trọng dục kỳ tánh bi ác. Như Lai dĩ thiện phương tiện thị giáo lợi hi.

ái dục sâu nặng tánh tình thô ác, Như Lai dùng phương tiện khéo léo mà chỉ dạy khiến được lợi ích,

知其根性以波若慧。為說十二因緣。所謂無明緣行。

tri kỳ căn tánh dĩ ba nhược tuệ. vi thuyết thập nhị nhân duyên. sở vị vô minh duyên hành.

biết căn tánh ấy nên dùng trí tuệ bát nhã mà thuyết giảng mười hai nhân duyên, đó là vô minh duyên hành,

行緣識。乃至老死憂悲苦惱。皆是無明憎愛叢林。

hành duyên thức. nãi chí lão tử ưu bi khổ não. giai thị vô minh tăng ái tòng lâm.

hành duyên thức, cho đến lão tử ưu bi khổ não, đều là rừng rậm vô minh yêu ghét, 一切行苦彌滿三界遍流六道。

nhất thiết hành khổ di mãn tam giới biến lưu lục đạo.

tất cả hành là khổ đầy cả ba cõi, đi khắp sáu đường,

大苦根本無明所起。以波若慧示以性淨諦觀根本。

Đại khổ căn bản vô minh sở khởi. dĩ ba nhược tuệ thị dĩ tánh tịnh để quán căn bản.

căn bản của khổ là do vô minh khởi ra, Ta dùng trí tuệ bát nhã khai thị khiến tánh tình thanh tịnh quán xét rõ căn bản

即斷諸有過患無明。根本滅故無明滅。

tức đoạn chư hữu quá hoạn vô minh. căn bản diệt cố vô minh diệt.

liền đoạn trừ các hữu khổ nạn từ vô minh, do căn bản diệt nên vô minh diệt,

無明滅則行滅。乃至老死憂悲苦惱皆滅。

vô minh diệt tắc hành diệt. nãi chí lão tử ưu bi khổ não giai diệt.

vô minh diệt nên hành diệt, cho đến lão tử ưu bi khổ não đều diệt.

得此觀時攝心定住即入三昧。以三昧力得入初禪。

đắc thử quán thời nhiếp tâm định trụ tức nhập tam muội. dĩ tam muội lực đắc nhập Sơ-thiền.

Lúc đắc pháp quán này thì nhiếp tâm trụ vào định tức thâm nhập Tam-muội, do lục Tam-muội này mà được nhập cõi Sơ-thiền,

漸漸次第入第四禪。繼心正念如是修習。

tiệm tiệm thứ đệ nhập đệ Tứ-thiền. kế tâm chánh niệm như thị tu tập.

dần dần thâm nhập vào cõi Tứ-thiền, tâm tiếp tục chánh niệm như vậy mà tu tập,

然後自當得證上果離三界苦。阿難。爾時難陀比丘。

nhĩ hậu tự đương đắc chứng thượng quả ly tam giới khổ. A-nan. nhĩ thời Nan đà Tỳ-kheo.

sau đó tự chúng đắc quả vô thượng xa lìa tam giới khổ. A-nan! Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà

深生信心依我教法勤心修習。

thâm sanh tín tâm y ngã giáo Pháp tinh cần tâm tu tập.

sanh lòng tin thâm sâu, y theo giáo pháp Ta mà chuyên tâm tu tập,

不久即得阿羅漢果。阿難。我涅槃後汝當依我教法正觀。

bất cửu tức đắc A-la-hán quả. A-nan. ngã Niết-bàn hậu nhữ đương y ngã giáo Pháp chánh quán.

không bao lâu tức đắc quả A-la-hán. Nay A-nan! Sau khi Ta Niết-bàn, ông phải nương theo pháp chánh quán Ta dạy

教示六群車匿比丘。深心依此清淨正法。

giáo thị lục quần Xa-nặc Tỳ-kheo. thâm tâm y thử thanh tịnh chánh Pháp。

mà chỉ bày cho nhóm lục quần Tỳ-kheo, thâm tâm nương vào Chánh Pháp Thanh Tịnh này

不久自當得證上果。阿難。當知皆因無明。

bất cừ tự đương đắc chứng thượng quả。A-nan。 đương tri giai nhân vô minh。 thì không bao lâu sẽ chứng đắc quả Vô Thượng。 A-nan! Phải biết tất cả đều do vô minh

增長三界生死大樹。飄沒愛河眾苦長夜。

tăng trường tam giới sanh tử Đại thụ。 phiêu một ái hà chúng khổ trường dạ。 mà tăng trường gốc rễ sanh tử trong ba cõi, chìm đắm nơi sông ái dục, chịu các khổ trong đêm dài tăm tối,

黑闇崖下繞生死柱。六識為枝妄念為本。

hắc ám nhai hạ nhiều sanh tử trụ。 lục thức vi chi vọng niệm vi bản。

Hắc ám bao vây khắp quanh, bám lấy sanh tử, sáu thức là cành, vọng niệm là gốc, vô minh波浪心識策使。遊戲六塵種苦惱芽。無能制者。

vô minh ba lãng tâm thức sách sử。 du hí lục trần chúng khổ não nha。 vô năng chế giả。

vô minh nổi sóng bó buộc tâm thức, dạo chơi với sáu trần gieo mầm khổ não, không thể kiềm chế,

自在如王。是故我言無明郎主念念傷害。

tự-tại như Vương。 thị cố ngã ngôn vô minh tức chủ niệm niệm thương hại。

tự tại như vua, cho nên ta nói vô minh làm chủ, niệm niệm tổn hại

眾生不覺輪轉生死。阿難。

chúng sanh bất giác luân chuyển sanh tử。 A-nan。

mà chúng sanh không giác ngộ sanh tử luân hồi。 A-nan!

一切眾生為此無明起諸愛結。我見覆蔽八萬四千。

nhất thiết chúng sanh vi thử vô minh khởi chư ái kết。 ngã kiến phúc tế bát vạn tứ thiên。

Tất cả chúng sanh vì vô minh này mà khởi các ái dục, ta thấy che lấp cả tám vạn bốn ngàn

煩惱郎主役使其身。身心破裂不得自在。阿難。

phiền não 郎 chủ dịch sử kỳ thân。 thân tâm phá liệt bất đắc tự-tại。 A-nan。

phiền não làm chủ sai khiến thân hình, khiến thân tâm không được tự tại。 A-nan!

無明若滅三界都盡。以是因緣名出世人。阿難。

vô minh nhược diệt tam giới đô tận。 dĩ thị nhân duyên danh xuất thế nhân。 A-nan。

Nếu vô minh diệt thì ba cõi đều diệt, do nhân duyên này nên gọi là người xuất thế。 A-nan!

若能諦觀十二因緣。究竟無我深入本淨。

nhược năng đế quán thập nhị nhân duyên。 cứu cánh vô ngã thâm nhập bản tịnh。

Nếu có thể quán xét rõ mười hai nhân duyên là rốt ráo vô ngã, thâm nhập vào căn bản thanh tịnh,

即能遠離三界大火。阿難。如來是真語者說誠實言。

tức năng viễn li tam giới Đại hỏa。 A-nan。 Như Lai thị chân ngữ giả thuyết thành thật ngôn。

liền có thể xa lìa nhà lửa ba cõi。 A-nan! Như Lai là chân thật ngữ, nói lời thành thật,

最後付囑汝當修行。阿難。如汝所問。

tối hậu phó chúc nữ đương tu hành。 A-nan。 như nữ sở vấn。

phó chúc sau cùng, ông nên tu hành。 A-nan! Như lời ông hỏi,

佛去世後以何為師者。阿難。尸波羅蜜戒是汝大師。

Phật khứ thế hậu dĩ hà vi sư giả。 A-nan。 Thi-ba-la-mật giới thị nữ Đại sư。

sau khi Phật diệt độ thì lấy ai làm thầy! Đây A-nan: giới Ba-la-mật là thầy của các ông,

依之修行能得出世甚深定慧。阿難。

y chi tu hành năng đắc xuất thế thâm thâm định tuệ. A-nan.
nuơng vào giới mà tu hành thì có thể được thiền định thâm sâu, trí tuệ xuất thế,
A-nan!

如汝所問。佛涅槃後依何住者。阿難。

như như sở vấn. Phật Niết-bàn hậu y hà trụ giả. A-nan.
Như lời ông hỏi, sau khi Ta Niết-bàn nuơng vào đâu mà trụ. Này A-nan!
依四念處嚴心而住。觀身性相同於虛空。名身念處。

y tứ niệm xứ nghiêm tâm nhi trụ. quán thân tánh tướng đồng hư không. danh thân niệm xứ.

nên nuơng vào Tứ niệm xứ, trang nghiêm thân mà trụ. Quán thân và tánh tướng ấy giống như hư không, đó gọi là Thân niệm xứ.

觀受不在內外不住中間。名受念處。

quán thọ bất tại nội ngoại bất trụ trung gian. danh thọ niệm xứ.
Quán thọ không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, đó gọi là Thọ niệm xứ.

觀心但有名字名字性離。名心念處。

quán tâm đãn hữu danh tự danh tự tánh ly. danh tâm niệm xứ.
Quán tâm chỉ có danh tự, tánh danh tự xa lìa, đó gọi là Tâm niệm xứ.

觀法不得善法不得不善法。名法念處。阿難。一切行者。

quán pháp bất đắc thiện pháp bất đắc bất thiện pháp. danh pháp niệm xứ. A-nan.
nhất thiết hành giả.

Quán pháp không được pháp thiện, không được pháp bất thiện, đó gọi là Pháp niệm xứ. A-nan! Tất cả hành

應當依此四念處住。阿難。如汝所問。如來滅後結集法藏。

ung đương y thủ tứ niệm xứ trụ. A-nan. như như sở vấn. Như Lai diệt hậu kết tập Pháp tạng.

nên nuơng vào Tứ niệm xứ này mà trụ. A-nan! Như lời ông hỏi, sau khi Như Lai diệt độ mà kết tập pháp tạng,

一切經初安何等語者。阿難。

nhất thiết Kinh sơ an hà đẳng ngữ giả. A-nan.
tất cả Kinh nên bắt đầu bằng câu gì? Này A-nan!

如來滅後結集法藏。一切經初。

Như Lai diệt hậu kết tập Pháp tạng. nhất thiết Kinh sơ.

Sau khi Như Lai diệt độ mà kết tập Kinh tạng, tất cả các Kinh

當安如是我聞一時佛住某方某處與諸四眾而說是經。

đương an như thị ngã văn nhất thời Phật trụ mõ phương mõ xứ dữ chư Tứ Chúng nhi thuyết thị Kinh.

nên bắt đầu bằng câu "Tôi nghe như thế này, một thuở đức Phật ở tại nơi ấy, chỗ ấy, cùng với bốn chúng mà thuyết kinh này".

爾時阿難復白佛言。若佛在世若涅槃後。

Nhĩ thời A-nan phục bạch Phật ngôn. nhược Phật tại thế nhược Niết-bàn hậu.
Lúc bấy giờ A-nan lại bạch Phật rằng: Như Phật còn ở đời hoặc sau khi Niết-bàn
有信心檀越。以金銀七寶一切樂具奉施如來。

hữu tín tâm đản việt. dĩ kim ngân thất bảo nhất thiết lạc cụ phụng thí Như Lai.
có đản-việt tín tâm đem vàng bạc, bảy báu, tất cả đồ dùng mà dâng cúng Như Lai
云何舉置。佛告阿難。若佛現在所施佛物。

vân hà cử trí. Phật cáo A-nan. nhược Phật hiện tại sở thí Phật vật.
thì sẽ sắp đặt như thế nào? Phật dạy: A-nan, nếu Phật còn ở đời mà đem các vật
dụng dâng cúng cho Phật

僧眾應知。若佛滅後一切信心所施佛物。

tăng chúng ung tri. nhược Phật diệt hậu nhất thiết tín tâm sở thí Phật vật.

thì chúng tăng phải biết, nếu sau khi Phật diệt độ mà người có tín tâm đem dâng cúng vật dụng lên Phật

應用造佛形像。及造佛衣七寶幡蓋。

ung dụng tạo Phật hình tượng. cấp tạo Phật y thất bảo phiên cái.

thì nên dùng để tạo hình tượng Phật, hoặc làm tràng phan bảy báu cúng Phật, 買諸香油寶花以供養佛。除供養佛。餘不得用。

mãi chư hương du bảo hoa dĩ cúng dường Phật. trừ cúng dường Phật. dư bất đắc dụng。

mua các dầu thơm, hoa báu để cúng dường Phật, trừ việc cúng dường Phật còn không được dùng vào các việc khác,

用者即犯盜佛物罪。阿難復白佛言。

dụng giả tức phạm đạo Phật vật tội. A-nan phục bạch Phật ngôn.

nếu dùng tức phạm tội trộm vật của Phật. A-nan lại bạch Phật rằng:

若佛現在若復有人以金銀七寶房舍殿堂妻子奴婢衣服飲

nhược Phật hiện tại nhược phục hữu nhân dĩ kim ngân thất bảo phòng xá điện đường thê tử nô tì y phục ẩm

nếu Phật còn ở đời mà có người dùng vàng bạc, bảy báu, phòng xá, điện đường, vợ con, nô tỳ, y phục, thức ăn,

食一切樂具。深心恭敬禮拜供養如來。

thực nhất thiết lạc cụ. thâm tâm cung kính lễ bái cúng dường Như Lai.

cùng tất cả vật dụng mà cung kính lễ bái cúng dường Như Lai;

佛涅槃後。若復有人。

Phật Niết-bàn hậu. nhược phục hữu nhân.

hoặc sau khi Phật Niết-bàn nếu lại có người

以金銀七寶妻妾奴婢衣服飲食一切樂具。

dĩ kim ngân thất bảo thê thiếp nô tì y phục ẩm thực nhất thiết lạc cụ.

dùng vàng bạc, bảy báu, thê thiếp, nô tỳ, y phục, thức ăn cùng tất cả vật dụng

供養如來形像深心恭敬禮拜供養。世尊。如是二人深心供養。

cúng dường Như Lai hình tượng thâm tâm cung kính lễ bái cúng dường. Thế Tôn. như thị nhị nhân thâm tâm cúng dường。

mà cúng dường hình tượng Như Lai, có tâm cung kính lễ bái cúng dường. Bạch đức Thế Tôn! Hai người như vậy đều tín tâm cúng dường,

所得福德何者為多。佛告阿難。如是二人。

sở đắc phúc đức hà giả vi đa. Phật cáo A-nan. như thị nhị nhân.

thì phước đức ai có nhiều hơn? Phật dạy: A-nan! Hai người như vậy

皆以深心供養。所得福德其福無異。何以故。雖佛滅後。

giai dĩ thâm tâm cúng dường. sở đắc phúc đức kỳ phúc vô dị. hà dĩ cố. tuy Phật diệt hậu。

đều đem tín tâm mà cúng dường thì phước đức có được là như nhau không khác, vì sao vậy? Tuy Phật diệt độ,

法身常存。是以深心供養其福正等。

Pháp thân thường tồn. thị dĩ thâm tâm cúng dường kỳ phúc chánh đẳng。

mà Pháp thân là thường còn, cho nên đem tín tâm cúng dường thì phước đức ngang nhau.

阿難復白佛言。若佛現在。若復有人。

A-nan phục bạch Phật ngôn. nhược Phật hiện tại. nhược phục hữu nhân。

A-nan lại bạch Phật rằng: Nếu Phật còn ở đời mà có người

還以深心如上供養恭敬如來。佛涅槃後。若復有人。

hoàn dĩ thâm tâm như thượng cúng dường cung kính Như Lai. Phật Niết-bàn hậu。

nhược phục hữu nhân。

lại dùng tín tâm như trên mà cung kính cúng dường Như Lai, sau khi Phật Niết-bàn nếu lại có người

還以深心如上供養恭敬全身舍利。世尊。

hoàn dĩ thâm tâm như thượng cúng dường cung kính toàn thân xá-lợi. Thế Tôn.
cũng dùng tín tâm như trên mà cung kính cúng dường xá-lợi toàn thân. Bạch đức
Thế Tôn!

如是二人所得福德何者為多。佛告阿難。

như thị nhị nhân sở đắc phúc đức hà giả vi đa. Phật cáo A-nan.

Hai người như vậy ai có phước đức nhiều hơn? Phật dạy: A-nan!

如是二人得福正等。功德廣大無量無邊。

như thị nhị nhân đắc phúc chánh đẳng. công đức quảng Đại vô lượng vô biên.

Hai người như vậy có phước đức là ngang nhau, công đức rộng lớn vô lượng vô biên,
乃至畢苦其福不盡。阿難復白佛言。若佛現在。若復有人。

nãi chí tất khổ kỳ phúc bất tận. A-nan phục bạch Phật ngôn. nhược Phật hiện tại.
nhược phục hữu nhân.

cho đến tận cùng mà phước đức không hết. A-nan lại bạch Phật rằng: Nếu Phật còn
ở đời mà có người

如上深心一切供養恭敬如來。佛涅槃後。

như thượng thâm tâm nhất thiết cúng dường cung kính Như Lai. Phật Niết-bàn hậu.

dùng tín tâm như trên mà cung kính cúng dường Như Lai, sau khi Phật Niết-bàn

若復有人。如上深心供養恭敬半身舍利。世尊。

nhược phục hữu nhân. như thượng thâm tâm cúng dường cung kính bán thân xá-lợi.

Thế Tôn.

nếu lại có người dùng tín tâm như trên mà cung kính cúng dường xá lợi nửa thân.

Bạch đức Thế Tôn!

如是二人所得福德何者為多。佛告阿難。

như thị nhị nhân sở đắc phúc đức hà giả vi đa. Phật cáo A-nan.

Hai người như vậy ai có phước đức nhiều hơn? Phật dạy: A-nan!

如是二人深心供養得福無異。

như thị nhị nhân thâm tâm cúng dường đắc phúc vô dị.

Hai người như vậy đều tín tâm cúng dường nên có phước đức như nhau không khác,

所得福德無量無邊。阿難。若佛滅後。若復有人。

sở đắc phúc đức vô lượng vô biên. A-nan. nhược Phật diệt hậu. nhược phục hữu nhân.

phước đức có được là vô lượng vô biên. A-nan! Nếu sau khi Phật diệt độ mà có
người

深心供養如來舍利四分之一。八分之一。十六分之一。

thâm tâm cúng dường Như Lai xá-lợi tứ phân chi nhất. bát phân chi nhất. thập lục
phân chi nhất.

đem tín tâm cúng dường xá lợi Như Lai chỉ một phần tư, một phần tám, một phần
mười sáu,

百分之一。千分之一。萬分之一。

bách phân chi nhất. thiên phân chi nhất. vạn phân chi nhất.

một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn,

恒河沙分之一。乃至如芥子許。

hằng hà sa phân chi nhất. nãi chí như giới tử hứa.

một phần hằng hà sa, cho đến như hạt cải,

皆以深心供養恭敬尊重讚歎。若佛現在。若復有人。

giai dĩ thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán. nhược Phật hiện tại.

nhược phục hữu nhân.

đều đem tín tâm cung kính cúng dường tôn trọng tán thán. Nếu Phật còn ở đời mà
có người

深心供養恭敬如來。如是二人所得福德皆悉無異。

thâm tâm cúng dường cung kính Như Lai. như thị nhị nhân sở đắc phúc đức giai tất

vô dị。

dùng tín tâm cung kính cúng dường Như Lai, như vậy hai người đều có phước đức như nhau không khác,

其福無量不可稱計。阿難當知。若佛現在。若涅槃後。

kỳ phước vô lượng bất khả xưng kể. A-nan đương tri. nhược Phật hiện tại. nhược Niết-bàn hậu.

phước ấy là vô lượng không thể tính kể. A-nan phải biết, hoặc Phật còn ở đời, hoặc sau khi Niết-bàn,

若復有人深心恭敬供養禮拜尊重讚歎。

nhược phục hữu nhân thâm tâm cung kính cúng dường lễ bái tôn trọng tán thán. nếu lại có người đem tín tâm cung kính cúng dường, lễ bái tôn trọng tán thán,如是二人所得福德無二無別。

như thị nhị nhân sở đắc phước đức vô nhị vô biệt。

như vậy hai người đều có phước đức như nhau không khác.

佛告阿難及諸大眾。我涅槃後。天上人間一切眾生。

Phật cáo A-nan cập chư Đại chúng. ngã Niết-bàn hậu. Thiên thượng nhân gian nhất thiết chúng sanh.

Phật bảo A-nan và các đại chúng: sau khi Ta Niết-bàn, tất cả chúng sanh ở cõi Trời hay nhân gian,

得我舍利悲喜交流哀感欣慶。恭敬禮拜深心供養。

đắc ngã xá-lợi bi hi giao lưu ai cảm hân khánh. cung kính lễ bái thâm tâm cúng dường。

thấy được xá lợi Ta rồi buồn vui lẫn lộn, thương cảm mừng rỡ, cung kính lễ bái tín tâm mà cúng dường,

得無量無邊功德。阿難。

đắc vô lượng vô biên công đức. A-nan.

thì có được vô lượng vô biên công đức. A-nan!

若見如來舍利即是見佛。見佛即是見法。見法即是見僧。

nhược kiến Như Lai xá-lợi tức thị kiến Phật. kiến Phật tức thị kiến Pháp. kiến Pháp tức thị kiến tăng。

Nếu thấy xá lợi Như Lai tức là thấy Phật, thấy Phật tức là thấy Pháp, thấy pháp tức là thấy Tăng

見僧即見涅槃。阿難。當知以是因緣。

kiến tăng tức kiến Niết-bàn. A-nan. đương tri dĩ thị nhân duyên。

thấy Tăng tức là thấy Niết-bàn. A-nan! Phải biết do nhân duyên này

三寶常住無有變易。能為眾生作歸依處。

Tam bảo thường trụ vô hữu biến dịch. năng vi chúng sanh tác quy y xứ。

nên Tam bảo là thường trụ không có biến đổi, có thể làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh.

阿難復白佛言。佛涅槃後。

A-nan phục bạch Phật ngôn. Phật Niết-bàn hậu。

A-nan lại bạch Phật rằng: sau khi Phật Niết-bàn,

一切大眾依何法則茶毘如來而得舍利深心供養。佛告阿難。我般涅槃。

nhất thiết Đại chúng y hà Pháp tắc Trà-tỳ Như Lai nhi đắc xá-lợi thâm tâm cúng dường. Phật cáo A-nan. ngã bát Niết-bàn。

tất cả đại chúng nương theo pháp nào để làm lễ Trà-tỳ Như Lai, có được xá lợi để cúng dường? Phật dạy: A-nan! Sau khi Ta Niết-bàn,

汝等大眾當依轉輪聖王茶毘方法。阿難復白。

nhữ đẳng Đại chúng đương y Chuyển luân Thánh Vương Trà-tỳ phương Pháp. A-nan phục bạch。

đại chúng các ông phải nương theo phương pháp Trà-tỳ Chuyển luân Thánh vương mà làm. A-nan lại thưa:

轉輪聖王茶毘法則其事云何。佛告阿難。

Chuyển luân Thánh Vương Trà-tỳ Pháp tắc kỳ sự vân hà. Phật cáo A-nan.
Phương pháp Trà-tỳ bậc Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào? Phật dạy: A-nan,
轉輪聖王命終之後。經停七日乃入鐵棺。

Chuyển luân Thánh Vương mạng chung chi hậu. Kinh đình thất nhật nãi nhập thiết
quan.

Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, để yên bảy ngày mới bỏ vào quan bằng
sắt,

既入棺已即以微妙香油注滿棺中。閉棺令密。

ký nhập quan dĩ tức dĩ vi diệu hương du chú mãn quan trung. bế quan linh mật.
bỏ vào qua rồi liền dùng dầu thơm vi diệu rưới đầy trong quan, đóng nắp quan lại
cho kín,

復經七日。從棺中出以諸香水灌洗沐浴。

phục Kinh thất nhật. tòng quan trung xuất dĩ chư hương thủy quán tẩy mộc dục.
lại để qua bảy ngày, đem ra rồi dùng các thứ nước thơm rưới lên tắm gội,
既灌洗已燒眾名香而以供養。

ký quán tẩy dĩ thiêu chúng danh hương nhi dĩ cúng dường.

tắm gội xong lại đốt các hương thơm để cúng dường,

以兜羅綿遍體觀身。然後即以無價上妙白[疊*毛]千張。

dĩ đầu la miên biến thể sấn thân. nhiên hậu tức dĩ vô giá thượng diệu bạch điệp
thiên trương.

dùng đầu la miên quấn quanh thân thể, sau đó dùng ngàn bức vải trắng vi diệu vô
giá

次第相重遍纏王身。既已纏訖以眾香油滿鐵棺中。

thứ đệ tương trọng biến triển Vương thân. ký dĩ triển cật dĩ chúng hương du mãn
thiết quan trung.

lần lượt quấn quanh thân Vua, rồi dùng các thứ dầu thơm rưới đầy trong kim quan,
聖王之身爾乃入棺。密閉棺已。

Thánh Vương chi thân nhĩ nãi nhập quan. mật bế quan dĩ.

Sau đó bỏ thân Thánh Vương vào quan, đập nắp quan lại cho kín

載以香木七寶車上。其車四面垂諸瓔珞。

tái dĩ hương mộc thất bảo xa thượng. kỳ xa tứ diện tùy chư anh lạc.

dùng gỗ thơm bảy báu chất lên trên xe, xung quanh của xe treo các chuỗi anh lạc,
一切寶絞莊嚴其車。無數花幡七寶幢蓋。

nhất thiết bảo giáo trang nghiêm kỳ xa. vô số hoa phiên thất bảo tràng cái.

dùng các thứ báu để trang nghiêm xe kia, cùng vô số tràng phan bảo cái bằng bảy
báu,

一切妙香一切天樂圍繞供養。爾乃純以眾妙香木表裏文飾。

nhất thiết diệu hương nhất thiết Thiên nhạc vây quanh cúng dường. nhĩ nãi thuần
dĩ chúng diệu hương mộc biểu lý văn sức.

dùng tất cả hương thơm, tất cả nhạc trời vây quanh mà cúng dường, rồi dùng các
gỗ thơm vi diệu chất lên,

微妙香油茶毘轉輪聖王之身。

vi diệu hương du Trà-tỳ Chuyển luân Thánh Vương chi thân.

rưới các dầu thơm mà làm lễ Trà-tỳ thân Chuyển luân thánh vương,

茶毘已訖收取舍利。於都城內四衢道中起七寶塔。

Trà-tỳ dĩ cật thu thủ xá-lợi. ư đô thành nội tứ cù đạo trung khởi thất bảo tháp.
Trà-tỳ xong thân lượm xá lợi, dựng tháp bảy báu ngay ngã tư đường phía trong
thành,

塔開四門安置舍利。一切世間所共瞻仰。阿難。

tháp khai tứ môn an trí xá-lợi. nhất thiết thế gian sở cộng chiêm ngưỡng. A-nan.
tháp có bốn cửa để an trí xá lợi và để cho tất cả thế gian cùng chiêm ngưỡng. A-
nan!

其轉輪王以少福德紹此王位。

kỳ chuyển luân Vương dĩ thiểu phúc đức thiêu thử Vương vị.
Chuyển luân vương có ít phúc đức mà được kế thừa ngôi vị,
未脫諸有具足五欲。妻妾姪女惡見三毒。

vị thoát chư hữu cụ túc ngũ dục. thê thiếp thãi nữ ác kiến tam độc.
chưa thoát khỏi các hữu, có đủ năm thứ dục lạc, thê thiếp cung nữ đủ tham sân si
ác kiến,

一切煩惱諸結使等未斷一毫。命終之後世間猶乃如是法則。

nhất thiết phiền não chư kết sử đẳng vị đoạn nhất hào. mạng chung chi hậu thê
gian do nãi như thị Pháp tắc.

tất cả phiền não trói buộc, chưa đoạn trừ một tơ hào kết sử, sau khi mạng chung
mà người thê gian còn dùng phép tắc như vậy,

起塔供養一切瞻仰。阿難。

khởi tháp cúng dường nhất thiết chiêm ngưỡng. A-nan.

xây tháp cúng dường cho tất cả cùng chiêm ngưỡng. A-nan,

何況如來已於無量無邊無數阿僧祇劫。永捨五欲妻妾姪女。

hà huống Như Lai dĩ ư vô lượng vô biên vô số a tăng thị kiếp. vĩnh xả ngũ dục
thê thiếp thê nữ.

huống là Như Lai ở nơi vô lượng vô biên vô số A-tăng-kỳ kiếp đã xả bỏ năm thứ
dục cùng thê thiếp cung nữ,

於世間法已作霜霰。難勤能勤。難行能行。

ư thế gian Pháp dĩ tác sương tuyết. nan tinh cần năng tinh cần. nan hành năng hành.

đối với pháp thế gian đã không màng tới, điều khó siêng năng đã gắng siêng năng,
điều khó làm có thể làm,

一切菩薩出世苦行勤苦修習。

nhất thiết Bồ-tát xuất thế khổ hành tinh cần khổ tu tập.

chuyên cần tu tập khổ hạnh của tất cả Bồ-tát xuất thế,

十方三世一切諸佛所行之道甚深微妙清淨戒定慧解脫解

thập phương tam thế nhất thiết chư Phật sở hạnh chi đạo thậm thâm vi diệu thanh
tịnh giới định tuệ giải thoát giải

đạo thâm sâu vi diệu của mười phương ba đời chư Phật thực hành định, tuệ, giải
thoát,

脫知見六波羅蜜。無不具足。

thoát tri kiến lục Ba-la-mật. vô bất cụ túc.

giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật, không pháp nào là không có đủ,

修習如來十力大悲四無所畏。三解脫門十八大空。

tu tập Như Lai thập lực Đại bi tứ vô sở úy. tam giải thoát môn thập bát Đại
không.

tu tập mười lực của đức Như Lai, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, mười
tám đại không,

六通五眼。三十七品十八不共法。

lục thông ngũ nhãn. tam thập thất phẩm thập bát bất cộng Pháp.

sáu pháp thần thông, năm thứ mắt huệ, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười tám pháp
bất cộng,

三十二相八十種好。一切諸佛壽命。一切淨佛國土。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. nhất thiết chư Phật thọ mạng. nhất thiết
tịnh Phật quốc độ.

ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tất cả thọ mạng chư Phật, tất cả cõi
nước Phật thanh tịnh,

一切成就眾生。一切難行苦行。一切攝善法戒。

nhất thiết thành tựu chúng sanh. nhất thiết nan hành khổ hạnh. nhất thiết nhiếp
thiện Pháp giới.

tất cả thành tựu chúng sanh, tất cả hạnh khổ khó làm, tất cả nhiếp thiện pháp giới,

一切攝眾生戒。一切攝律儀戒。一切功德。

nhất thiết nhiếp chúng sanh giới. nhất thiết nhiếp luật nghi giới. nhất thiết công đức.

tất cả nhiếp chúng sanh giới, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả công đức,

一切智慧。一切莊嚴。一切大願。一切方便。

nhất thiết trí tuệ. nhất thiết trang nghiêm. nhất thiết Đại nguyện. nhất thiết phương tiện.

tất cả trí tuệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện,

如是等不可思議福德智慧。皆已成就無不具足。

như thị đẳng bất khả tư nghị phúc đức trí tuệ. giai dĩ thành tựu vô bất cụ túc.

như vậy những phước đức trí tuệ không thể nghĩ bàn, đều đã thành tựu, không pháp nào không đầy đủ;

斷除一切不善。斷除一切煩惱。

đoạn trừ nhất thiết bất thiện. đoạn trừ nhất thiết phiền não.

đoạn trừ tất cả bất thiện, đoạn trừ tất cả phiền não,

斷除一切煩惱餘習。通達四諦十二因緣。

đoạn trừ nhất thiết phiền não dư tập. thông đạt tứ đế thập nhị nhân duyên.

đoạn trừ tất cả phiền não còn sót lại, thông đạt bốn đế, mười hai nhân duyên.

於菩提樹降伏四魔成就種智。如是妙法悉修習已。

ư Bồ-đề thụ hàng phục tứ ma thành tựu chủng trí. như thị diệu Pháp tất tu tập dĩ.

Ở nơi cây Bồ-đề mà hàng phục bốn ma, thành tựu chủng trí, các pháp vi diệu như vậy đều tu tập rồi,

爾乃一切諸佛唱言。善哉善哉。同以法性智水灌法身頂。

nhĩ nãi nhất thiết chu Phật xướng ngôn. Thiện tai Thiện tai. đồng dĩ Pháp tánh trí thủy quán Pháp thân đỉnh.

tất cả chu Phật đều xướng lời rằng: Hay thay hay thay! rồi đồng dùng nước pháp tánh mà rưới trên đỉnh pháp thân,

乃成阿耨多羅三藐三菩提。以是因緣。

nãi thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. dĩ thị nhân duyên.

sau đó mới thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, do nhân duyên này

我今號天人師十方種覺至極世尊。

ngã kim hiệu Thiên Nhơn Sư Thập Phương Chủng Giác Chí Cực Thế Tôn.

nên nay Ta có hiệu là Thiên Nhân Sư Thập Phương Chủng Giác Chí Cực Thế Tôn.

天上人間無與等者。等視眾生如羅睺羅。

Thiên thượng nhân gian vô dữ đẳng giả. đẳng thị chúng sanh như la hầu la.

Trên đời và nhân gian không ai sánh bằng, Ta xem tất cả chúng sanh đều như La-hầu-la,

故名如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫

cổ danh Như Lai Ứng-cúng Chánh-biến-tri Minh-hạnh-Túc Thiện-thệ Thế-gian-giải

Vô-thượng-sĩ Điều-ngự Trượng-phu

cho nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian

Giải Vô thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu

天人師佛世尊。憐愍世間化緣周畢。

Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn. liên mẫn thế gian hóa duyên châu tất.

Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn thương xót thế gian mà hóa độ viên mãn,

為眾生故今入涅槃。隨世間法如轉輪王。

vì chúng sanh cố kim nhập Niết-bàn. tùy thế gian Pháp như chuyển luân Vương.

vì chúng sanh nên nay nhập Niết-bàn, lại tùy thuận pháp thế gian như Chuyển Luân Thánh Vương,

為令眾生普得供養。阿難。我入涅槃如轉輪王。

vi linh chúng sanh phổ đặc cúng dường. A-nan, ngã nhập Niết-bàn như chuyển luân Vương.

vì khiến chúng sanh đều được cúng dường. A-nan! Ta nhập Niết-bàn thì nên làm như pháp của Chuyển Luân Thánh Vương,
經停七日乃入鐵棺。

Kinh đình thất nhật nãi nhập thiết quan.
để yên bảy ngày mới bỏ vào quan bằng sắt,
以妙香油注滿棺中密蓋棺門。其棺四面應以七寶間雜莊嚴。

dĩ diệu hương du chú mãn quan trung mật cái quan môn. kỳ quan tứ diện ung dĩ thất bảo gian tạp trang nghiêm.

dùng dầu thơm rưới đầy trong quan rồi đậy lại cho kín, xung quanh quan nên dùng bảy báu để trang nghiêm,
一切寶幢香花供養。經七日已復出鐵棺。

nhất thiết bảo tràng hương hoa cúng dường. kinh thất nhật dĩ phục xuất thiết quan.

dùng tất cả phan báu và hương hoa để cúng dường, trải qua bảy ngày rồi dỡ nắp quan tài ra,

既出棺已應以一切眾妙香水。灌洗沐浴如來之身。

ký xuất quan dĩ ung dĩ nhất thiết chúng diệu hương thủy. quán tẩy mộc dục Như Lai chi thân.

dỡ quan ra rồi nên dùng tất cả nước hương thơm rưới lên tắm gội thân của Như Lai
既灌洗已以上妙兜羅綿遍體纏身。

ký quán tẩy dĩ dĩ thượng diệu châu la miên biến thể triển thân.

tắm gội rồi thì dùng bông châu la miên thượng diệu quần quanh thân thể,
次以微妙無價白[疊*毛]千張。

thứ dĩ vi diệu vô giá bạch [điệp *mao] thiên trương.

lại dùng ngàn tấm vải trắng vi diệu vô giá

復於綿上纏如來身又入鐵棺。復以微妙香油盛滿棺中閉棺令密。

phục ư miên thượng triển Như Lai thân hựu nhập thiết quan. phục dĩ vi diệu hương du thịnh mãn quan trung bế quan linh mật.

quần quanh thân Như Lai bên trên bông châu la miên rồi bỏ vào quan, lại dùng dầu thơm vi diệu rưới đầy quan rồi đậy lại cho kín.

爾乃純以微妙牛頭梅檀沈水一切香木盛七寶

nhĩ nãi thuần dĩ vi diệu ngư đầu chiêm đàn trầm thủy nhất thiết hương mộc thịnh thất bảo

Sau đó dùng các thứ gỗ vi diệu như ngư đầu, chiêm đàn, trầm thủy, các thứ gỗ thơm mà chất đầy lên xe bảy báu,

車。一切眾寶以為莊嚴。載以寶棺至茶毘所。

xa. nhất thiết chúng bảo dĩ vi trang nghiêm. tải dĩ bảo quan chí Trà-tỳ sở.

dùng tất cả thứ báu để trang nghiêm rồi đưa đến chỗ làm lễ Trà-tỳ,
無數寶幢。無數寶蓋。無數寶衣。無數天樂。

vô số bảo tràng. vô số bảo cái. vô số bảo y. vô số Thiên nhạc.

vô số tràng phan báu, vô số bảo cái, vô số y báu, vô số nhạc trời,
無數香花。周遍虛空悲哀供養。

vô số hương hoa. châu biến hư không bi ai cúng dường.

vô số hương hoa khắp đầy cả hư không thương cảm mà cúng dường,

一切天人無數大眾。應各以梅檀沈水微妙香油茶毘如來。

nhất thiết Thiên Nhơn vô số Đại chúng. ung các dĩ chiêm đàn trầm thủy vi diệu hương du Trà-tỳ Như Lai.

tất cả Trời, Người, vô số đại chúng, mỗi người nên dùng hương trầm thủy, chiêm đàn, các dầu thơm vi diệu mà Trà-tỳ Như Lai

哀號戀慕茶毘已訖。

ai hiệu luyện mộ Trà-tỳ dĩ cật.

thương cảm luyện mộ làm lễ Trà-tỳ xong,

天人四眾收取舍利盛七寶瓶。於都城内四衢道中。

Thiên Nhơn Tứ chúng thu thủ Xá-lợi thịnh thất bảo bình. ư đô thành nội tứ cù đạo trung.

trời người bốn chúng râu lược xá lợi đựng trong bình bảy báu, rồi ở nơi ngã tư đường trong thành

起七寶塔供養舍利。能令眾生得大功德。

khởi thất bảo tháp cúng dường Xá-lợi. năng linh chúng sanh đắc Đại công đức.

mà xây tháp bảy báu để cúng dường Xá-lợi, có thể khiến các chúng sanh có được công đức lớn,

離三有苦至涅槃樂。阿難當知。

ly tam hữu khổ chí Niết-bàn lạc. A-nan đương tri.

xa lìa khổ não ở ba cõi mà đến sự vui Niết-bàn. A-nan phải biết!

一切四眾起佛舍利七寶塔已。應當更起三塔供養。所謂辟支佛塔。

nhất thiết Tứ Chúng khởi Phật Xá-lợi thất bảo tháp dĩ. ưng đương canh khởi tam tháp cúng dường. sở vị Bích-chi-phật tháp.

tất cả hàng tứ chúng xây tháp xá lợi Phật bằng bảy báu rồi, thì nên xây thêm ba tháp để cúng dường, đó là tháp Bích-chi-phật,

阿羅漢塔。轉輪王塔。為令世間知歸依故。

A-la-hán tháp. Chuyển Luân Vương tháp. vì linh thể gian tri quy y cố.

tháp A-la-hán và tháp Chuyển Luân Vương, vì khiến thể gian biết chỗ để quy y vậy.

阿難白佛言。如來出世悲愍眾生。

A-nan bạch Phật ngôn. Như Lai xuất thế bi mẫn chúng sanh.

A-nan bạch Phật rằng: Như Lai xuất hiện nơi thế gian là vì thương xót chúng sanh, hiển thị đại lực đại悲 vô sở ngại. 十二因緣四諦之法三解脫門。

hiển thị thập lục Đại bi tứ vô sở úy. thập nhị nhân duyên tứ đế chi Pháp tam giải thoát môn.

hiển bày mười lục, đại từ bi, bốn pháp vô sở úy, mười hai nhân duyên, Tứ đế, ba môn giải thoát,

八種梵音雷震三界。五色慈光遍照六道。

bát chủng Phạm Âm lôi chấn tam giới. ngũ sắc từ quang biến chiếu lục đạo.

dùng tám thứ âm thanh chấn động ba cõi phóng ánh hào quang năm sắc chiếu khắp sáu đường,

隨順眾生心業所轉。或得四果三乘所行。

tùy thuận chúng sanh tâm nghiệp sở chuyển. hoặc đắc Tứ-quả Tam-thừa sở hạnh.

tùy thuận chúng sanh mà xoay chuyển tâm nghiệp, hoặc thực hành pháp Tam thừa mà chúng được Bốn quả,

或證無漏無為緣覺之道。或入無滅無生菩薩之地。

hoặc chúng vô lậu vô vi Duyên-giác chi đạo. hoặc nhập vô diệt vô sanh Bồ-tát chi địa.

hoặc chúng đạo vô lậu vô vi của Duyên giác, hoặc chúng nhập cõi vô diệt vô sanh của Bồ-tát,

或得無量諸陀羅尼。或得五眼。或得六通。

hoặc đắc vô lượng chư Đà-la-ni. hoặc đắc ngũ nhãn. hoặc đắc lục thông.

hoặc được vô lượng Đà-la-ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được sáu pháp thần thông, hoặc thoát ba ác. hoặc ra khỏi tám nạn. hoặc xa lìa sự khổ của Trời

hoặc thoát tam ác. hoặc xuất bát nạn. hoặc ly nhân Thiên tam giới chi khổ.

hoặc thoát khỏi ba đường ác, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc xa lìa sự khổ của Trời Người trong ba cõi.

如來慈力清淨。如來解脫法門不可思議。

Như Lai từ lực thanh tịnh. Như Lai giải thoát Pháp môn bất khả tư nghị.

Như Lai có sức từ bi thanh tịnh, pháp môn giải thoát của Như Lai là không thể nghĩ bàn,

乃至涅槃一切世間人天四眾起七寶塔。

nãi chí Niết-bàn nhất thiết thế gian nhân Thiên Tứ chúng khởi thất bảo tháp. cho đến khi Niết-bàn thì tất cả thế gian, Trời, Người, bốn chúng xây tháp bảy báu,

供養舍利得大功德。能令眾生脫三界苦入正解脫。

cúng dường xá-lợi đắc Đại công đức. năng linh chúng sanh thoát tam giới khổ nhập chánh giải thoát。

cúng dường Xá-lợi thì có công đức lớn, có thể khiến chúng sanh thoát khỏi sự khổ nơi ba cõi mà thâm nhập giải thoát,

以是因緣。佛般涅槃。一切世間人天大眾。

dĩ thị nhân duyên. Phật bát Niết-bàn. nhất thiết thế gian nhân Thiên Đại chúng. do nhân duyên này nên khi Phật Niết-bàn thì tất cả thế gian Trời, Người, đại chúng

報佛甚深無量慈恩。起七寶塔供養舍利。

báo Phật thậm thâm vô lượng từ ân. khởi thất bảo tháp cúng dường Xá-lợi。

vì báo đáp tứ ân thâm sâu vô lượng của Phật nên xây tháp bảy báu để cúng dường Xá-lợi,

理應如是。世尊。其餘三塔於諸眾生得何等利。

lý ưng như thị. Thế Tôn. kỳ dư tam tháp ư chư chúng sanh đắc hà đẳng lợi。

về lý thì nên làm như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Còn ba tháp kia thì đối với chúng sanh có những lợi ích gì

而令起立恭敬供養。佛告阿難。其辟支佛。

nhĩ linh khởi lập cung kính cúng dường. Phật cáo A-nan. kỳ Bích-chi-phật。

mà Phật khiến tạo lập cung kính cúng dường? Phật dạy A-nan: hàng Bích-chi-phật 悟法因緣入深法性。已脫諸有一切過患。

ngộ Pháp nhân duyên nhập thâm Pháp tánh. dĩ thoát chư hữu nhất thiết quá hoạn。

chúng ngộ pháp Nhân-duyên mà thâm nhập pháp tánh, đã thoát khỏi tất cả hoạn nạn trong các hữu,

能為人天而作福田。以是因緣起塔供養。

năng vi nhân Thiên nhi tác phúc điền. dĩ thị nhân duyên khởi thất cúng dường。

có thể làm ruộng phước cho Trời Người, do nhân duyên này nên xây tháp cúng dường, 所得福德次於如來。能令眾生皆得妙果。阿難。

sở đắc phúc đức thứ ư Như Lai. năng linh chúng sanh giai đắc diệu quả. A-nan。

phước đức có được là gần bằng phước cúng dường Như Lai, có thể khiến chúng sanh đắc quả vi diệu. A-nan!

其阿羅漢。於三界中生分已盡。不受後有梵行已立。

kỳ A-la-hán. ư tam giới trung sanh phân dĩ tận. bất thọ hậu hữu phạm hành dĩ lập。

Hàng A-la-hán đã đoạn phần sanh tử trong ba cõi, phạm hạnh đã lập không còn thọ thân sau,

能為世間而作福田。是故應當起塔供養。

năng vi thế gian nhi tác phúc điền. thị cố ưng đương khởi thất cúng dường。

có thể làm ruộng phước cho thế gian, vì vậy phải xây tháp cúng dường。

所得福德次辟支佛。亦令眾生皆得解脫。阿難。

sở đắc phúc đức thứ Bích-chi-phật. diệc linh chúng sanh giai đắc giải thoát. A-nan。

Phước đức có được gần bằng phước cúng dường Bích-chi-phật, cũng khiến chúng sanh đều được giải thoát. A-nan!

其轉輪王。雖未解脫三界煩惱。

kỳ chuyển luân Vương. tuy vị giải thoát tam giới phiền não。

Chuyển Luân Vương kia, tuy chưa được giải thoát phiền não trong ba cõi,

福德力故治四天下。而以十善化育群生。

phúc đức lực cố trị tứ Thiên hạ. nhi dĩ Thập thiện hóa dục quần sanh.
nhưng có lực phước đức cai trị thiên hạ, lại dùng mười điều thiện giáo hóa quần sanh,

是諸眾生之所尊敬。以是四眾起塔供養。

thị chư chúng sanh chi sở tôn kính. dĩ thị Tứ Chúng khởi tháp cúng dường.
là chỗ tin kính của các chúng sanh, cho nên bốn chúng phải xây tháp cúng dường,
所得福德亦復無量。

sở đắc phúc đức diệc phục vô lượng.

phước đức có được cũng là vô lượng.

阿難白佛言。佛般涅槃。一切四眾。

A-nan bạch Phật ngôn. Phật bát Niết-bàn. nhất thiết Tứ Chúng.

A-nan bạch Phật rằng: Sau khi Phật Niết-bàn thì tất cả bốn chúng

當於何所荼毘如來得收舍利。唯願示教。佛告阿難。

đương ư hà sở Trà-tỳ Như Lai đắc thu Xá-lợi. duy nguyện thị giáo. Phật cáo A-nan.
nên Trà-tỳ Như Lai nơi nào để thu lượm Xá-lợi, xin Ngài chỉ dạy: Phật dạy: A-nan!

佛般涅槃。一切四眾。若於拘尸城內荼毘如來。

Phật bát Niết-bàn. nhất thiết Tứ Chúng. nhược ư câu thi thành nội Trà-tỳ Như Lai.
Sau khi Phật Niết-bàn, thì tất cả bốn chúng nếu Trà-tỳ Như Lai trong thành Câu-thi-na,

其城中人皆紹王位。則相討罰諍訟無量。

kỳ thành trung nhân giai thiệu Vương vị. tắc tướng thảo phạt tránh tụng vô lượng.
người trong thành ấy đều kế thừa ngôi Vua mà đánh nhau kiện tụng vô lượng,
亦令一切得福階差。阿難。

diệc linh nhất thiết đắc phúc giai sai. A-nan.

cũng khiến tất cả phước đức đều mất. A-nan!

一切四眾可於城外荼毘如來。為令世間得福等故。阿難白佛言。

nhất thiết Tứ Chúng khả ư thành ngoại Trà-tỳ Như Lai. vi linh thể gian đắc phúc
đẳng cố. A-nan bạch Phật ngôn.

Tất cả bốn chúng nên Trà-tỳ Như Lai bên ngoài thành Câu-thi-na, vì khiến thể
gian được phước đức vậy. A-nan bạch Phật rằng:

佛入涅槃荼毘已訖。

Phật nhập Niết-bàn Trà-tỳ dĩ cật.

Khi Phật Niết-bàn và làm lễ Trà-tỳ xong rồi,

一切四眾收取舍利安置寶瓶。當於何所起七寶塔。

nhất thiết Tứ chúng thu thủ Xá-lợi an trí bảo bình. đương ư hà sở khởi thất bảo
tháp.

tất cả bốn chúng thu lượm xá lợi A-nan để trong bình bảy báu, rồi xây tháp bảy
báu sẽ ở nơi nào?

一切皆得深心供養。唯願示教。佛告阿難。

nhất thiết giai đắc thâm tâm cúng dường. duy nguyện thị giáo. Phật cáo A-nan.

Tất cả đều được thâm tâm cúng dường, xin Ngài chỉ bảo. Phật dạy A-nan!

佛般涅槃荼毘既訖。一切四眾收取舍利置七寶瓶。

Phật bát Niết-bàn Trà-tỳ ký cật. nhất thiết Tứ Chúng thu thủ Xá-lợi trí thất bảo
bình.

Khi Phật Niết-bàn và làm lễ Trà-tỳ xong rồi, tất cả bốn chúng thu lượm xá lợi
A-nan đặt trong bình bảy báu,

當於拘尸那伽城內四衢道中起七寶塔。高十三層。

đương ư Câu-thi-na dà thành nội tứ cù đạo trung khởi thất bảo tháp. cao thập tam
tầng.

nên xây tháp bảy báu ngay ngã tư đường trong thành Câu-thi-na, tháp cao mười ba tầng,

上有相輪。一切妙寶間雜莊嚴。

thượng hữu tướng luân. nhất thiết diệu bảo gian tạp trang nghiêm.

phía trên có tướng bánh xe, dùng tất cả các thứ báu vi diệu xen lẫn để trang nghiêm,

一切世間眾妙花幡而嚴飾之。四邊欄楯七寶合成。

nhất thiết thế gian chúng diệu hoa phiến nhi nghiêm sức chi. tứ biên lan thuẫn thất bảo hợp thành.

dùng các tràng phan vi diệu của tất cả thế gian mà trang sức, xung quanh có lan can làm bằng bảy báu hợp thành,

一切莊校靡不周遍。其塔四面面開一門。

nhất thiết trang 校 mĩ bất châu biên. kỳ tháp tứ diện diện khai nhất môn.

trang hoàng tất cả không chỗ nào thiếu sót, bốn mặt tháp nên mở bốn cửa

層層間次窓牖相當。安置寶瓶如來舍利。

tầng tầng gian thứ song dĩ tướng đương. an trí bảo bình Như Lai Xá-lợi.

giữa các tầng đều có cửa sổ tương đương, Xá-lợi Như Lai đặt trong bình báu,

天人四眾瞻仰供養。阿難。其辟支佛塔應十一層。

Thiên Nhơn Tứ Chúng chiêm ngưỡng cúng dường. A-nan. kỳ Bích-chi-phật tháp ung thập nhất tầng.

trời, Người, bốn chúng đều được chiêm ngưỡng cúng dường. A-nan! Tháp Bích-chi-phật nên cao mười một tầng,

亦以眾寶而嚴飾之。阿難。其阿羅漢塔成以四層。

diệc dĩ chúng bảo nhi nghiêm sức chi. A-nan. kỳ A-la-hán tháp thành dĩ tứ tầng.

cũng dùng các thứ báu mà trang hoàng cúng dường Tháp. A-nan! Tháp A-la-hán kia nên làm bốn tầng,

亦以眾寶而嚴飾之。阿難。其轉輪王塔。

diệc dĩ chúng bảo nhi nghiêm sức chi. A-nan. kỳ Chuyển-luân Vương tháp.

cũng dùng các thứ báu mà trang hoàng cúng dường Tháp kia. A-nan! Tháp của Chuyển Luân Vương

亦七寶成。無復層級。何以故。

diệc thất bảo thành. vô phục tầng cấp. hà dĩ cố.

cũng do bảy thứ báu mà thành, nhưng lại không có tầng cấp, vì sao vậy?

未脫三界諸有苦故。爾時阿泥樓逗白佛言。

vị thoát tam giới chư hữu khổ cố. nhĩ thời A-nê-lâu-đậu bạch Phật ngôn.

Vì chưa thoát khỏi sự khổ nơi ba cõi vậy. Lúc bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà bạch đức Phật rằng:

佛涅槃後荼毘已訖。一切天人四部大眾。

Phật Niết-bàn hậu Trà-tỳ dĩ cật. nhất thiết Thiên Nhơn tứ bộ Đại chúng.

Sau khi Phật Niết-bàn và Trà-tỳ xong, tất cả Trời, Người cùng bốn bộ đại chúng
如何分布如來舍利而得供養。爾時佛告阿泥樓逗。

như hà phân bố Như Lai Xá-lợi nhi đắc cúng dường. nhĩ thời Phật cáo A-nê-lâu-đậu.

làm sao để phân chia Xá-lợi Như Lai mà được cúng dường? Lúc bấy giờ Phật bảo A-nậu-lâu-đà rằng:

我般涅槃汝等天人取佛舍利。

ngã bát Niết-bàn nhữ đẳng Thiên Nhơn thủ Phật Xá-lợi.

Sau khi Ta Niết-bàn, chúng Trời Người các ông lấy Xá-lợi của đức Phật,

以平等心分布三界一切六道世間供養。爾時釋提桓因白佛。

dĩ ình đẳng tâm phân bố tam giới nhất thiết lục đạo thế gian cúng dường. nhĩ thời thích đề hoàn nhân bạch Phật.

rồi dùng tâm bình đẳng mà phân chia khiến tất cả chúng sanh nơi sáu đường ba cõi đều được cúng dường. Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn bạch đức Phật rằng:
我今從佛敬請如來半身舍利。

Ngã kim tòng Phật kính thỉnh Như Lai bán thân Xá-lợi。

Nay con xin kính thỉnh nửa thân xá lợi của Như Lai,
而我深心願供養故。佛告天帝。如來等視眾生如羅睺羅。

nhi ngã thâm tâm nguyện cúng dường cố。Phật cáo Thiên đế。Như Lai đẳng thị chúng sanh như la hầu la。

con nguyện đem tâm thành kính cúng dường。Phật dạy Thiên đế! Như Lai xem tất cả chúng sanh đều như La-hầu-la,

汝不應請半身舍利。何以故。平等利祐諸眾生故。

nhữ bất ưng thỉnh bán thân Xá-lợi。hà dĩ cố。bình đẳng lợi hữu chư chúng sanh cố。ông không nên thỉnh nửa thân Xá-lợi của Như Lai vì sao vậy? Vì muốn lợi ích bình đẳng cho các chúng sanh。

佛告天帝。我今與汝右邊上頷一牙舍利。

Phật cáo Thiên đế。ngã kim dữ nhữ hữu biên thượng hàm nhất nha Xá-lợi。

Phật lại dạy: Thiên-đế! Nay Ta cho ông một cái răng Xá-lợi phía bên phải,
可於天上起塔供養。能令汝得福德無盡。

khả ư Thiên thượng khởi tháp cúng dường。năng linh nhữ đắc phúc đức vô tận。

ông có thể đem về cõi Trời mà xây tháp cúng dường, có thể khiến ông được phước đức vô lượng。

爾時天人一切大眾。悲哀流淚不能自裁。

nhĩ thời Thiên Nhơn nhất thiết Đại chúng。bi ai lưu lệ bất năng tự tài。

Lúc bấy giờ Trời Người tất cả Đại chúng đều buồn thương rơi lệ không thể ngăn được!

爾時世尊普告四眾。佛般涅槃。

Nhĩ thời Thế Tôn phổ cáo Tứ chúng。Phật bát Niết-bàn。

Lúc ấy Thế Tôn bảo tất cả bốn chúng: Phật nhập Niết-bàn,

汝等天人莫大愁惱。何以故。佛雖涅槃而有舍利常存供養。

nhữ đẳng Thiên Nhơn mạc đại sầu não。hà dĩ cố。Phật tuy Niết-bàn nhi hữu Xá-lợi thường tồn cúng dường。

hàng Trời Người các ông chớ có sầu não vì sao vậy? Tuy đức Phật Niết-bàn mà còn có Xá-lợi để cúng dường。

復有無上法寶。修多羅藏。毘那耶藏。

Phục hữu vô thượng Pháp bảo。Tu-đa-la tạng。Tì-na-da tạng。

Lại có pháp bảo vô thượng, Tạng Kinh, Tạng Luật,

阿毘達磨藏。以是因緣。三寶四諦常住於世。

A-tì Đạt-ma tạng。dĩ thị nhân duyên。Tam Bảo tứ đế thường trụ ư thế。

Tạng luận, do nhân duyên này mà Tam Bảo Tứ Đế được thường trụ ở đời,

能令眾生深心歸依。何以故。供養舍利即是佛寶。

năng linh chúng sanh thâm tâm quy y。hà dĩ cố。cúng dường Xá-lợi tức thị Phật bảo。

có thể khiến cho chúng sanh có chỗ quy y vì sao vậy? Cúng dường Xá-lợi tức là Phật bảo,

見佛即見法身。見法即見賢聖。

kiến Phật tức kiến Pháp thân。kiến Pháp tức kiến Hiền Thánh。

thấy Phật tức là thấy Pháp thân, thấy Pháp tức là thấy Thánh hiền,

見賢聖故即見四諦。見四諦故即見涅槃。

kiến hiền Thánh cố tức kiến tứ đế。kiến tứ đế cố tức kiến Niết-bàn。

thấy Thánh hiền tức là thấy Tứ Đế, thấy Tứ Đế tức là thấy Niết-bàn,

是故當知三寶常住無有變易。能為世間作歸依故。

thị cố đương tri Tam Bảo thường trụ vô hữu biến dịch. năng vi thể gian tác quy y cố.

cho nên biết rằng Tam bảo là thường trụ không có biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả thể gian.

佛復告諸大眾。汝等莫大愁苦。我今於此垂欲涅槃。

Phật phục cáo chư Đại chúng. nhữ đẳng mặc Đại sầu khổ. ngã kim ư thử thù dục Niết-bàn.

Phật lại bảo các đại chúng: Các nữ giới chớ có ưu sầu, nay Ta ở đây sắp muốn Niết-bàn,

若戒若歸若常無常。

nhược giới nhược quy nhược thường vô thường.

các ông đối với các pháp hoặc giới, hoặc quy, hoặc thường, hoặc vô thường, 三寶四諦六波羅蜜十二因緣。有所疑者當速發問為究竟問。

Tam Bảo tứ đế lục ba la mật thập nhị nhân duyên. hữu sở nghi giả đương tốc phát vấn vi cứu cánh vấn.

Tam bảo, Tứ đế, sáu ba-la-mật, mười hai nhân duyên, nếu có chỗ nào nghi ngờ sẽ nhanh phát hỏi cho rõ ráo,

佛涅槃後無復疑悔。三過告眾。

Phật Niết-bàn hậu vô phục nghi hối. tam quá cáo chúng.

để sau khi Phật Niết-bàn thì không còn nghi ngờ hối hận. Phật nói với đại chúng ba lần,

爾時四眾憂悲苦惱哽咽流淚。痛切中心追思戀慕愁毒悶絕。

nhĩ thời Tứ Chúng ưu bi khổ não ngạnh yết lưu lệ. thống thiết trung tâm truy tu luyện mộ sầu độc muộn tuyệt.

mà lúc ấy bốn chúng đều ưu sầu khổ não nghẹn ngào rơi lệ, trong tâm đau đớn lưu luyện phiền muộn.

佛神力故掩淚寂然無發問者。何以故。

Phật Thần lực cố yếm lệ tịch nhiên vô phát vấn giả. hà dĩ cố.

Do thần lực của Phật nên đều im lặng mà không ai hỏi gì, tại vì sao?

一切四眾已於戒歸三寶四諦。

nhất thiết Tứ chúng dĩ ư giới quy Tam bảo Tứ đế.

Vì tất cả bốn chúng đã quy y Tam bảo, đối với pháp Tứ đế,

通達曉了無有疑故。爾時世尊知諸四眾無復餘疑歎言。

thông đạt hiểu liễu vô hữu nghi cố. Nhĩ thời Thế Tôn tri chư Tứ Chúng vô phục dư nghi thán ngôn.

đều hiểu rõ thông suốt không còn nghi ngờ. Lúc bấy giờ Thế Tôn biết bốn chúng không còn nghi ngờ liền khen rằng:

善哉善哉。汝等四眾。

Thiện tai Thiện tai. nhữ đẳng Tứ Chúng.

Hay thay hay thay! bốn chúng các ông

已能通達三寶四諦無有疑也。猶如淨水洗蕩身垢。

dĩ năng thông đạt Tam bảo tứ đế vô hữu nghi dã. do như tịnh thủy tẩy đăng thân cấu.

đã thông đạt Tam bảo, Tứ đế không còn nghi ngờ, giống như nước sạch rửa hết bụi bặm trên thân,

汝等當勤精進早得出離。莫生愁惱迷悶亂心。

nhữ đẳng đương tinh cần tinh tấn tảo đắc xuất ly. mặc sanh sầu não mê muộn loạn tâm.

các ông phải tinh tấn sớm cầu ra khỏi, chớ sanh ưu não sầu muộn loạn tâm.

爾時世尊於師子座。

Nhĩ thời Thế Tôn ư Sư-tử tọa.

Lúc bấy giờ Thế Tôn ở trên tòa sư tử

以真金手却身所著僧伽梨衣。顯出紫磨黃金師子胸臆。

dĩ chân kim thủ khước thân sở trú tăng dà lê y. hiển xuất từ ma hoàng kim Su-tử hung úc.

dùng tay sắc vàng kéo y Tăng-già-lê đang đắp trên thân, hiển bày ngực sư tử sắc vàng tía

普示大眾告言。汝等一切天人大眾。

phổ thị Đại chúng cáo ngôn. nữ đẳng nhất thiết Thiên Nhơn Đại chúng.

rồi bảo đại chúng rằng: tất cả Trời, Người, đại chúng các ông,

應當深心看我紫磨黃金色身。

ung đương thâm tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân.

nên chí tâm mà nhìn sắc thân vàng tía của Ta.

爾時四眾一切瞻仰大覺世尊真金色身。目不暫捨悉皆快樂。

Nhĩ thời Tứ chúng nhất thiết chiêm ngưỡng Đại giác Thế Tôn chân kim sắc thân.

mục bất tạm xả tất giai khoái lạc.

Lúc bấy giờ tất cả bốn chúng đều chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của đấng Đại Giác Thế Tôn, tất cả đều vui mừng mắt không tạm rời.

譬如比丘入第三禪難生是中。

thí như Tỳ-kheo nhập đệ Tam-thiền nan sanh thị trung.

Thí như Tỳ-kheo ở Tam thiền tuy sanh trong ấy.

爾時世尊以黃金身示大眾已。即放無量無邊百千萬億大涅槃光。

Nhĩ thời Thế Tôn dĩ hoàng kim thân thị Đại chúng dĩ. tức phóng vô lượng vô biên

bách thiên vạn úc Đại Niết-bàn quang.

Lúc bấy giờ Thế Tôn hiển bày cho đại chúng thấy thân sắc vàng rồi, liền phóng vô lượng vô biên trăm ngàn vạn úc hào quang Đại Niết-bàn,

普照十方一切世界。日月所照無復光明。

phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới. nhật nguyệt sở chiếu vô phục quang-minh.

chiếu khắp tất cả thế giới trong mười phương, khiến ánh sáng mặt trời mặt trăng không còn thấy,

放是光已復告大眾。當知如來為汝等故。

phóng thị quang dĩ phục cáo Đại chúng. đương tri Như Lai vi nữ đẳng cố.

phóng hào quang rồi lại bảo đại chúng: Phải biết Như Lai là vì các ông

累劫勤苦截身手足。盡修一切難行苦行。

luy kiếp tinh cần khổ tiết thân thủ túc. tận tu nhất thiết nan hành khổ hạnh. mà trải qua nhiều kiếp chịu khổ chặt đứt chân tay, đều tu tất cả hạnh khổ khó làm,

大悲本願於此五濁成阿耨多羅三藐三菩提。

Đại bi Bồn Nguyện ư thử ngũ trược thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

vì sức bốn nguyện đại bi mà thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nơi đời ác năm trược này,

得此金剛不壞紫磨色身。具足三十二相八十種好。

đắc thử Kim cương bất hoại từ ma sắc thân. cụ túc tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo.

được sắc thân Kim cương vàng tía không hoại diệt, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

無量光明普照一切。見形遇光無不解脫。

Vô lượng quang minh phổ chiếu nhất thiết. kiến hình ngộ quang vô bất giải thoát. Có vô lượng hào quang chiếu khắp tất cả, nếu có người nào thấy thân hình hay gặp ánh hào quang này thì không ai là không được giải thoát.

佛復告諸大眾。佛出世難如優曇花希有難見。

Phật phục cáo chư Đại chúng. Phật xuất thế nan như ưu đàm hoa hi hữu nan kiến.

Phật lại bảo đại chúng: Phật xuất hiện ở đời là khó như hoa Ưu-đàm ít có khó gặp,

汝等大眾。最後遇我。為於此身不生空過。

nhữ đấng Đại chúng. tối hậu ngộ ngã. vì u thử thân bất sanh không quá.
đại chúng các ông gặp Ta lần sau cuối cùng, đối với thân này chớ để luống qua,
我以本誓願力生此穢土。化緣周畢今欲涅槃。

ngã dĩ bốn thế nguyện lực sanh thử uế thổ. hóa duyên châu tất kim dục Niết-bàn.
Ta vì sức bốn nguyện mà sanh nơi cõi uế trước này, nay hóa duyên đã hoàn mãn nên
muốn vào Niết-bàn,
汝等以至誠心看我紫磨黃金色身。

nhữ đấng dĩ chí thành tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân.
các ông nên dùng tâm chí thành mà chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta,
汝當修習如是清淨之業。於未來世得此果報。

nhữ đương tu tập như thị thanh tịnh chi nghiệp. u vị lai thế đắc thử quả báo.
các ông nên tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, ở đời vị lai sẽ có quả báu này.
爾時世尊如是三反慰勸三告。

Nhĩ thời Thế Tôn như thị tam phản ân cần tam cáo.
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ân cần nói với đại chúng ba lần như vậy,
以真金身示諸大眾。即從七寶師子大床。

dĩ chân kim thân thị chư Đại chúng. tức tòng thất bảo Sư-tử Đại sàng.
hiện bày thân sắc vàng cho các đại chúng thấy, rồi từ nơi giường sư tử bảy báu
上昇處空高一多羅樹一反告言。我欲涅槃。汝等大眾。

thượng thăng xứ không cao nhất đa-la thụ nhất phản cáo ngôn. ngã dục Niết-bàn.
nhữ đấng Đại chúng.
mà bay lên hư không cao một cây đa la và quay lại bảo rằng: Ta muốn vào Niết-bàn,
đại chúng các ông,
看我紫磨黃金色身。

khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân.
hãy chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta,
如是展轉高七多羅樹七反告言。我欲涅槃。汝等大眾。

như thị triển chuyển cao thất đa-la thụ thất phản cáo ngôn. ngã dục Niết-bàn.
nhữ đấng Đại chúng.
như vậy lần lượt bay lên cao bằng bảy cây đa la, bảy lần dạy rằng: Ta muốn vào
Niết-bàn, đại chúng các ông,
應當深心看我紫磨黃金色身。從空中下坐師子床。復告大眾。

ung đương thâm tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân. tòng không trung hạ tọa
Sư-tử sàng. phục cáo Đại chúng.

hãy chí tâm chiêm ngưỡng thân sắc vàng tía của Ta. Rồi từ hư không xuống ngồi
nơi giường sư tử lại bảo đại chúng rằng:
我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

ngã dục Niết-bàn. nhữ đấng thâm tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân.
Ta muốn vào Niết-bàn, đại chúng các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng
tía của Ta muốn vào Niết-bàn.
爾時世尊從師子床復昇虛空高一多羅樹。

Nhĩ thời Thế Tôn tòng Sư-tử sàng phục thăng hư không cao nhất đa-la thụ.
Lúc bấy giờ Thế Tôn từ nơi giường sư tử lại bay lên hư không cao một cây đa la
復告大眾。我欲涅槃。

phục cáo Đại chúng. ngã dục Niết-bàn.
lại bảo đại chúng rằng: Ta muốn vào Niết-bàn.

汝等深心看我紫磨黃金色身。如是展轉高七多羅樹七反告言。

nhữ đấng thâm tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân. như thị triển chuyển cao
thất đa-la thụ thất phản cáo ngôn.

Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta, như vậy lần lượt bay
lên cao bằng bảy cây đa la, bảy lần dạy rằng:

我欲涅槃。汝等大眾。看我紫磨黃金色身。

Ngã dục Niết-bàn, nhữ đẳng Đại chúng, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.
Ta muốn vào Niết-bàn, các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta
從空中下坐師子床。復告大眾。我欲涅槃。

tòng không trung hạ tọa Su-tử sàng, phục cáo Đại chúng, ngã dục Niết-bàn,
từ hư không xuống ngồi nơi giường sư tử mà bảo đại chúng rằng: Ta muốn vào Niết-

bàn.

Nhữ đẳng thâm tâm khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.
Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta.

爾時世尊從師子床復昇虛空高一多羅樹。復告大眾。我欲涅槃。

Nhĩ thời Thế Tôn tòng Su-tử sàng phục thăng hư không cao nhất đa-la thụ, phục
cáo Đại chúng, ngã dục Niết-bàn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn từ nơi giường sư tử lại bay lên hư không cao một cây đa la
lại bảo đại chúng Ta muốn vào Niết-bàn.

汝等深心看我紫磨黃金色身。

Nhữ đẳng thâm tâm khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.
Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta.

如是展轉高七多羅樹七反告言。我欲涅槃。

Như thị triển chuyển cao thất đa-la thụ thất phản cáo ngôn, ngã dục Niết-bàn.
Như vậy lần lượt bay lên cao bằng bảy cây đa la, bảy lần dạy rằng: Ta muốn vào
Niết-bàn.

汝等深心看我紫磨黃金色身。從空中下坐師子床。

Nhữ đẳng thâm tâm khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân, tòng không trung hạ tọa Su-
tử sàng.

Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta, từ hư không xuống
ngồi nơi giường sư tử,

復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

phục cáo Đại chúng, ngã dục Niết-bàn, nhữ đẳng thâm tâm khán ngã tử ma hoàng kim
sắc thân.

lại bảo đại chúng rằng: Ta muốn vào Niết-bàn. Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng
sắc thân vàng tía của Ta.

爾時世尊顯出如來紫磨黃金色身。

Nhĩ thời Thế Tôn hiển xuất Như Lai tử ma hoàng kim sắc thân.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn hiển bày sắc thân vàng tía của Như Lai,

普示大眾。如是三反上昇虛空高七多羅樹。

phổ thị Đại chúng, như thị tam phản thượng thăng hư không cao thất đa-la thụ,
cho tất cả đại chúng thấy, như vậy ba lần bay lên hư không cao bằng bảy cây đa
la

三反從空中下坐師子床。

tam phản tòng không trung hạ tọa Su-tử sàng.

ba lần từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử,

如是殷懃二十四反告諸大眾。我欲涅槃。

như thị ân cần nhị thập tứ phản cáo chư Đại chúng, ngã dục Niết-bàn.

như vậy cả thấy hai mươi bốn lần ân cần lại bảo đại chúng: Ta muốn vào Niết-bàn,
汝等深心看我金剛堅固不壞紫磨黃金無畏色身。如優曇花難可值遇。

nhữ đẳng thâm tâm khán ngã Kim cương kiên cố bất hoại tử ma hoàng kim vô úy sắc
thân, như ưu đàm hoa-nan khả trị ngộ.

các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía, thân vô úy, thân kim cương
bất hoại của Ta như hoa Ưu-đàm khó được gặp gỡ,

汝等當知。我欲涅槃。

nhữ đẳng đương tri, ngã dục Niết-bàn.

các ông phải biết, Ta muốn vào Niết-bàn!

汝等應當以至誠心看我紫磨黃金色身。如熱渴人遇清冷水。

Nhữ đấng ung đương dĩ chí thành tâm khán ngã từ ma hoàng kim sắc thân. như nhiệt khát nhân ngộ thanh lãnh thủy.

Các ông nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân vàng tía của Ta muốn vào Niết-bàn, như người khát khô gặp dòng nước mát lạnh,

飲之令飽無復餘念。汝等大眾。亦復如是。

âm chí linh bảo vô phục dư niệm. nữ đấng Đại chúng. diệc phục như thị.

uống vào thấy no đủ không còn nghĩ gì khác, đại chúng các ông cũng lại như vậy.

我欲涅槃。汝等大眾。

Ngã dục Niết-bàn. nữ đấng Đại chúng.

Ta muốn vào Niết-bàn, đại chúng các ông

應當深心瞻仰為是最後見於如來。自此見已無復再覩。汝等大眾。

ung đương thâm tâm chiêm ngưỡng vi thị tối hậu kiến ư Như Lai. tự thử kiến dĩ vô phục tái đở. nữ đấng Đại chúng.

nên chí tâm chiêm ngưỡng, đây là lần sau cùng được thấy Như Lai, từ nay trở đi không còn gặp nữa, đại chúng các ông

瞻仰令足無復後悔。佛復告諸大眾。我涅槃後。

chiêm ngưỡng linh túc vô phục hậu hối. Phật phục cáo chư Đại chúng. ngã Niết-bàn hậu.

hãy nên chiêm ngưỡng khiến sau lại không hối hận. Phật lại bảo đại chúng: Sau khi Ta muốn vào Niết-bàn,

汝等大眾。應廣修行早出三有。

Nhữ đấng Đại chúng. ung quảng tu hành tảo xuất tam hữu.

Đại chúng các ông phải lo tu hành sớm thoát khỏi ba cõi,

勿復懈怠散心放逸。爾時一切世界天人四眾。

vật phục giải đãi tán tâm phóng dật. Nhĩ thời nhất thiết thể giới Thiên Nhơn Tú Chúng.

chớ biếng nhác tán tâm buông lung. Lúc bấy giờ tất cả thế gian, Trời Người và bốn chúng

遇涅槃光瞻仰佛者。

ngộ Niết-bàn quang chiêm ngưỡng Phật giả.

gặp ánh hào quang Niết-bàn và chiêm ngưỡng Phật xong

一切三塗八難世間人天所有煩惱。四重五逆極惡罪咎。永滅無餘皆得解脫。

nhất thiết tam đồ bát nan thế gian nhân Thiên sở hữu phiền não. tứ trọng ngũ nghịch cực ác tội cữu. vĩnh diệt vô dư giai đắc giải thoát.

thì tất cả phiền não tam đồ bát nạn hiện có của thế gian Trời Người, hoặc phạm bốn giới nặng, năm tội ngũ nghịch, tất cả đều được tiêu trừ mà được giải thoát.

爾時世尊顯出紫磨黃金色身。

Nhĩ thời Thế Tôn hiển xuất từ ma hoàng kim sắc thân.

Lúc bấy giờ Thế Tôn hiển bày sắc thân vàng tía

殷懃相告示大眾已。還舉僧伽梨衣如常所披。

ân cần tướng cáo thị Đại chúng dĩ. hoàn cử tăng dà lê y như thường sở phi.

và ân cần dạy bảo đại chúng rồi, lại kéo y Tăng-già-lê đắp lại như thường.

大般涅槃經

Đại bát Niết bàn Kinh

Kinh Đại Bát Niết Bàn

應盡還源品第二

ung tận hoàn nguyên phẩm đệ nhị

Phẩm Thứ Hai: Ung Tận Hoàn Nguyên

佛復告諸大眾。我今時至舉身疼痛。

Phật phục cáo chư Đại chúng. ngã kim thời chí cử thân đồng thống.

Phật lại bảo các đại chúng: Bây giờ đây Ta cử động thì thân đau nhức,
說是語已即入初禪。以涅槃光遍觀世界入寂滅定。

thuyết thị ngữ dĩ tức nhập Sơ-thiền. dĩ Niết-bàn quang biến quán thế giới nhập tịch diệt định.

Phật nói xong liền vào cõi Sơ-thiền, dùng hào quang Niết-bàn quán sát khắp thế giới rồi nhập định Tịch diệt.

爾時世尊所言未訖即入初禪。

Nhĩ thời Thế Tôn sở ngôn vị cật tức nhập Sơ-thiền.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói chưa dứt thì đã vào cõi Sơ thiền.

從初禪出入第二禪。從二禪出入第三禪。

tòng Sơ-thiền xuất nhập đệ Nhị-thiền. tòng Nhị-thiền xuất nhập đệ Tam-thiền.

Từ cõi Sơ thiền ra rồi vào cõi Nhị thiền, từ Nhị thiền ra rồi vào cõi Tam thiền

從三禪出入第四禪。從四禪出入虛空處。

tòng Tam-thiền xuất nhập đệ Tứ-thiền. tòng Tứ-thiền xuất nhập hư không xứ.

từ Tam thiền ra rồi vào cõi Tứ thiền, từ Tứ thiền ra rồi vào cõi hư không,

從空處出入無邊識處。從識處出入不用處。

tòng không xứ xuất nhập vô biên thức xứ. tòng thức xứ xuất nhập bất dụng xứ.

từ hư không xứ ra rồi vào cõi Vô biên thức xứ, từ cõi Vô biên ra rồi vào cõi Vô sở hữu xứ,

從不用出入非想非非想處。從非非想處出入滅盡定。

tòng bất dụng xuất nhập phi tưởng Phi-phi-tưởng xứ. tòng Phi-phi-tưởng xứ xuất nhập Diệt-tâm-định.

từ Vô sở hữu ra rồi vào Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, từ Phi tưởng Phi phi tưởng xứ ra rồi vào cõi Diệt tâm định,

從滅盡定出還入非想非非想處。

tòng Diệt-tâm-định xuất hoàn nhập phi tưởng Phi-phi-tưởng xứ.

từ cõi Diệt tâm định ra rồi vào cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ,

從非非想出入不用處。從不用出入無邊識處。

tòng Phi-phi-tưởng xuất nhập bất dụng xứ. tòng bất dụng xuất nhập vô biên thức xứ.

từ cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ ra rồi vào cõi Vô sở hữu xứ, từ cõi Vô sở hữu xứ ra rồi vào cõi Thức vô biên xứ,

從無邊識處出入虛空處。從空處出入第四禪。

tòng vô biên thức xứ xuất nhập hư không xứ. tòng không xứ xuất nhập đệ Tứ-thiền.

từ cõi thức vô biên ra rồi vào cõi Hư không, từ cõi Hư không ra rồi vào cõi Tứ thiền,

從四禪出入第三禪。從三禪出入第二禪。

tòng Tứ-thiền xuất nhập đệ Tam-thiền. tòng Tam-thiền xuất nhập đệ Nhị-thiền.

từ cõi Tứ thiền ra rồi vào cõi Tam thiền, từ cõi Tam thiền ra rồi vào cõi Nhị thiền,

從二禪出入第一禪。

tòng Nhị-thiền xuất nhập Đệ-nhất-thiền.

từ cõi Nhị thiền ra rồi vào cõi Sơ thiền.

爾時世尊。如是逆順入諸禪已。普告大眾。

Nhĩ thời Thế Tôn. như thị nghịch thuận nhập chư Thiền dĩ. phổ cáo Đại chúng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn thuận nghịch mà nhập các cõi thiền như vậy rồi bảo các đại chúng:

我以甚深波若。遍觀三界一切六道。

Ngã dĩ thậm thâm ba nhược. biến quán tam giới nhất thiết lục đạo.

Ta dùng Bát-nhã thâm sâu mà quán sát khắp tất cả sáu đường trong ba cõi,

諸山大海大地含生。如是三界根本性離。

chư sơn Đại hải Đại địa hàm sanh. như thị tam giới căn bản tánh ly.
những loài hàm sinh nơi núi sông đại địa, như vậy ba cõi căn bản tánh lià,
畢竟寂滅同虛空相。無名無識永斷諸有。
tất cánh tịch diệt đồng hư không tướng. vô danh vô thức vĩnh đoạn chư hữu.
đều rốt ráo vắng lặng đồng với tướng hư không, không có tên, không có thức, đoạn
sạch các hữu,
本來平等無高下想。無見無聞無覺無知。
bản lai bình đẳng vô cao hạ tưởng. vô kiến vô văn vô giác vô tri.
xưa nay bình đẳng không có tướng cao thấp, không thấy không nghe không hiểu
không biết,
不可繫縛不可解脫。無眾生無壽命。不生不起不盡不滅。
bất khả hệ phọc bất khả giải thoát. vô chúng sanh vô thọ mạng. bất sanh bất khởi
bất tận bất diệt.
không thể trói buộc không thể giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng,
không sanh, không khởi, không diệt, không tận,
非世間非非世間。涅槃生死皆不可得。
phi thế gian phi phi thế gian. Niết-bàn sanh tử giai bất khả đắc.
chẳng phải thế gian, Niết-bàn hay sanh tử đều không thể đắc,
二際平等諸法故。閑居靜住無所施為。
nhị tế bình đẳng đẳng chư Pháp cố. nhàn cư tĩnh trụ vô sở thí vi.
cả hai đều bình đẳng, do các pháp bình đẳng mà đóng cửa ở yên không có ban bố
究竟安置必不可得。從無住法法性施為。
cứu cánh an trí tất bất khả đắc. tòng vô trụ Pháp Pháp tánh thí vi.
rốt ráo an trí ắt không thể được, từ pháp vô trụ mà ban bố pháp tánh,
斷一切相一無所有。法相如是。其知是者名出世人。
đoạn nhất thiết tướng nhất Vô-sở-hữu. Pháp tướng như thị. kỳ tri thị giả danh
xuất thế nhân.
đoạn tất cả tướng không có tướng nào sở hữu, pháp tướng là như vậy, biết được
như vậy thì gọi là người xuất thế,
是事不知名生死始。汝等大眾。應斷無明滅生死始。
thị sự bất tri danh sanh tử thủy. nhữ đẳng Đại chúng. ưng đoạn vô minh diệt sanh
tử thủy.
không biết việc ấy thì gọi là khởi nguồn sanh tử, đại chúng các ông nên đoạn vô
minh, diệt nguồn sanh tử.
爾時世尊說是語已復入超禪。
Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị ngữ dĩ phục nhập siêu Thiền.
Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lời này xong lại vào cõi Sơ thiền
從初禪出入第三禪。從三禪出入虛空處。
tòng Sơ-thiền xuất nhập đệ Tam-thiền. tòng Tam-thiền xuất nhập hư không xứ.
từ Sơ thiền ra thì vào cõi Tam thiền, từ cõi Tam thiền ra thì vào cõi Hư không,
從虛空出入無所有處。從無所有出入滅盡想定。
tòng hư không xuất nhập Vô-sở-hữu xứ. tòng Vô-sở-hữu xuất nhập Diệt-tận-tướng
định.
từ cõi Hư không ra thì vào cõi Sở hữu, từ cõi Sở hữu ra thì vào cõi Diệt tận
định,
從滅盡定出次第還入。至非想非非想處。
tòng Diệt-tân-định xuất thứ đệ hoàn nhập. chí phi tướng Phi-phi-tướng xứ.
từ cõi Diệt tận định ra rồi theo thứ lớp mà ra vào, cho đến cõi Phi tướng, Phi
phi tướng,
從非非想出入無邊識處。從識處出入第四禪。
tòng Phi-phi-tướng xuất nhập vô biên thức xứ. tòng thức xứ xuất nhập đệ Tứ-thiền.

từ cõi Phi phi tướng ra rồi vào cõi Vô biên thức, từ cõi Vô biên thức ra rồi vào cõi Tứ thiên,

從四禪出入第二禪。從二禪出入於初禪。

tòng Tứ-thiên xuất nhập đệ Nhị-thiên. tòng Nhị-thiên xuất nhập ư Sơ-thiên.

từ cõi Tứ thiên ra rồi vào cõi Nhị thiên, từ cõi Nhị thiên ra rồi vào cõi Sơ thiên.

如是逆順入超禪已。復告大眾。我以摩訶般若。

như thị nghịch thuận nhập siêu Thiên dĩ. phục cáo Đại chúng. ngã dĩ Ma-ha-bát-nhã.

Thuận nghịch như vậy mà vào các cõi thiên rồi lại bảo đại chúng: Ta muốn vào Niết-bàn dùng trí Ma-ha-bát-nhã

遍觀三界有情無情。一切人法悉皆究竟。無繫縛者。

biến quán tam giới hữu tình vô tình. nhất thiết nhân Pháp tất giai cứu cánh. vô hệ phọc giả.

mà quan sát khắp loài hữu tình vô tình trong ba cõi, tất cả pháp đều là rốt ráo, không có trói buộc,

無解脫者。無主無依不可攝持。不出三界。

vô giải thoát giả. vô chủ vô y bất khả nhiếp trì. bất xuất tam giới.

không có giải thoát, không có chủ, không nơi nương tựa, không thể nắm giữ, không ra khỏi ba cõi,

不入諸有。本來清淨無垢無煩惱。與虛空等。

bất nhập chư hữu. bản lai thanh tịnh vô cấu vô phiền não. dĩ hư không đẳng.

không đi vào các hữu, xưa nay là thanh tịnh không cấu uế, không phiền não, ngang bằng với hư không,

不平等非不平等。盡諸動念思想心息。

bất bình đẳng phi bất bình đẳng. tận chư động niệm tư tưởng tâm tức.

không bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng, dứt các động niệm, tư tưởng, suy nghĩ,

如是法相名大涅槃。真見此法名為解脫。

như thị Pháp tướng danh Đại Niết-bàn. chân kiến thử Pháp danh vi giải thoát.

pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết-bàn, chon chánh thấy được pháp này thì gọi là giải thoát.

凡夫不知名曰無明。作是語已復入超禪。

phàm phu bất tri danh viết vô minh. tác thị ngữ dĩ phục nhập siêu Thiên.

Hạng phàm phu không biết thì gọi là vô minh, Phật nói lời này xong rồi lại vào cõi Sơ thiên,

從初禪出乃至入滅盡定。從滅盡定出乃至入初禪。

tòng Sơ-thiên xuất nãi chí nhập Diệt-tận-định. tòng Diệt-tận-định xuất nãi chí nhập Sơ-thiên.

từ cõi Sơ thiên ra lần lượt vào cõi Diệt tận định, từ cõi Diệt tận định ra lần lượt vào cõi Sơ thiên,

如是逆順入超禪已。復告大眾。

như thị nghịch thuận nhập siêu Thiên dĩ. phục cáo Đại chúng.

như vậy thuận nghịch mà vào các cõi thiên rồi bảo các đại chúng:

我以佛眼遍觀三界一切諸法。無明本際性本解脫。

ngã dĩ Phật nhãn biến quán tam giới nhất thiết chư Pháp. vô minh bản tế tánh bản giải thoát.

Ta dùng Phật nhãn quan sát tất cả các pháp trong ba cõi, nguồn gốc vô minh, pháp tánh giải thoát,

於十方求了不能得。根本無故。所因枝葉皆悉解脫。

ư thập phương cầu liễu bất năng đắc. căn bản vô cố. sở nhân chi diệp giai tất giải thoát.

ở nơi mười phương mà tìm cầu cũng không thể đắc, do căn bản đã không có nên cảnh lá đều được giải thoát.

無明解脫故。乃至老死皆得解脫。以是因緣。

vô minh giải thoát cố. nãi chí lão tử giai đắc giải thoát. dĩ thị nhân duyên.
do giải thoát vô minh nên cho đến lão tử cũng được giải thoát, do nhân duyên này
我今安住常寂滅光名大涅槃。爾時阿難。

ngã kim an trú thường tịch diệt quang danh Đại Niết-bàn. nhĩ thời A-nan.
mà nay Ta an trú nơi thường tịch diệt quang gọi là Đại Niết-bàn. Lúc bấy giờ A-
nan

無極悲哀憂愁痛苦。心狂慌亂情識昏迷。

vô cực bi ai ưu sầu thông khổ. tâm cuồng hoảng loạn tình thức hôn mê.
buồn bã sầu khổ lo lắng vô cùng, tâm chí hoàn loạn tình thức hôn mê,
如重醉人都無知覺。不見四眾。

như trọng túy nhân đô vô tri giác. bất kiến Tứ Chúng.
như người say sưa không hề hay biết, không thấy bốn chúng,
不知如來已入涅槃為未涅槃。

bất tri Như Lai dĩ nhập Niết-bàn vi vị Niết-bàn.
không biết Như Lai đã nhập Niết-bàn hay là chưa nhập.
爾時世尊。

Nhĩ thời Thế Tôn。

Lúc bấy giờ Thế Tôn

如是三過從超入諸禪定遍觀法界。普為大眾三反說法。

như thị tam quá tông siêu nhập chư Thiền định biên quán Pháp giới. phổ vi Đại
chúng tam phản thuyết Pháp。

ba lần từ cõi Sơ thiền đi vào các cõi thiền rồi quan sát khắp pháp giới, khắp vì
đại chúng mà thuyết pháp ba lần,

如來如是展轉二十七反入諸禪定。阿難。

Như Lai như thị triển chuyển nhị thập thất phản nhập chư Thiền định. A-nan.

Như vậy Như Lai đã lần lượt hai mươi bảy lần đi vào các cõi thiền, A-nan!

以不知故佛入一禪即致一問。如是二十七反問阿泥樓逗。

dĩ bất tri cố Phật nhập nhất Thiền tức trí nhất vấn. như thị nhị thập thất phản
vấn a nê Lôu Đâu.

Do không biết nên cứ mỗi Phật đi vào một cõi thiền thì hỏi một lần, như vậy đến
hai mươi bảy lần lại hỏi A-nậu-lâu-đà:

佛已涅槃為未涅槃。阿泥樓逗深知如來入諸禪定。

Phật dĩ Niết-bàn vi vị Niết-bàn. a nê Lôu Đâu thâm tri Như Lai nhập chư Thiền
định.

Là Phật đã Niết-bàn hay chưa Niết-bàn A-nậu-lâu-đà biết rõ Như Lai đi vào các
cảnh thiền định

二十七反皆答阿難。佛未涅槃。

nhị thập thất phản giai đáp A-nan. Phật vị Niết-bàn.

cho nên hai mươi bảy lần đều trả lời với A-nan là Phật chưa Niết-bàn.

爾時一切大眾皆悉慌亂都不覺知。

Nhĩ thời nhất thiết Đại chúng giai tất hoảng loạn đô bất giác tri.

Lúc bấy giờ tất cả đại chúng thấy đều mê loạn đều không hay biết

如來涅槃為未涅槃。爾時世尊。三反入諸禪定。三反示誨眾已。

Như Lai Niết-bàn vi vị Niết-bàn. nhĩ thời Thế Tôn. tam phản nhập chư Thiền định.
tam phản thị hồi chúng dĩ.

là Như Lai đã Niết-bàn hay chưa Niết-bàn. Lúc bấy giờ Thế Tôn ba lần vào các cõi
Thiền định, ba lần chỉ bày cho đại chúng rồi,

於七寶床右脇而臥。頭枕北方足指南方。

ư thất bảo sàng hữu hiệp nhi ngọa. đầu chẩm Bắc phương túc chỉ Nam phương。

liền nằm nghiêng bên phải trên giường bảy báu, đầu quay về phương Bắc, chân hướng về phương Nam,
面向西方後背東方。

diện hướng Tây phương hậu bối Đông phương。

mặt quay về Tây, lưng xoay về Đông,
其七寶床微妙瓔珞以為莊嚴。娑羅樹林四雙八隻。

kỳ thất bảo sàng vi diệu anh lạc dĩ vi trang nghiêm。sa-la thụ lâm tứ song bát chích。

giường bảy báu ấy có anh lạc vi diệu để trang nghiêm, xung quanh có tám cây Sa-la thành bốn cặp,

西方一雙在如來前。東方一雙在如來後。北方一雙在佛之首。

Tây phương nhất song tại Như Lai tiền。Đông phương nhất song tại Như Lai hậu。

Bắc phương nhất song tại Phật chi thủ。

một cặp ở phía Tây trước mặt Như Lai, một cặp phía Đông nằm sau lưng Như Lai,

một cặp phía Bắc trên đầu Như Lai,

南方一雙在佛之足。爾時世尊。

Nam phương nhất song tại Phật chi túc。Nhĩ thời Thế Tôn。

một cặp phía Nam dưới chân Như Lai。Lúc bấy giờ Thế Tôn

娑羅林下寢臥寶床。於其中夜入第四禪寂然無聲。

sa la lâm hạ tẩm ngọc bảo sàng。ư kỳ trung dạ nhập đệ Tứ-thiền tịch nhiên vô thanh。

nằm trên giường báu trong rừng Sa la, ngay trong đêm ấy mà vào đệ Tứ thiền, im lặng không còn tiếng động,

於是時頃便般涅槃。大覺世尊入涅槃已。

ư thị thời khoảnh tiện bát Niết-bàn。Đại giác Thế Tôn nhập Niết-bàn dĩ。

ngay giờ phút ấy thì nhập Niết-bàn。Đẳng Đại Giác Thế Tôn Niết-bàn rồi!

其娑羅林東西二雙合為一樹。南北二雙合為一樹。

kỳ sa la lâm Đông Tây nhị song hợp vi nhất thụ。Nam Bắc nhị song hợp vi nhất thụ。

thì hai cặp cây Sa la phía Đông và phía Tây liền hợp thành một cây, hai cặp phía Bắc và Nam hợp thành một cây,

垂覆寶床蓋於如來。

thùy phúc bảo sàng cái ư Như Lai。

rồi cùng rũ xuống che trên giường báu của đức Như Lai,

其樹即時慘然變白猶如白鶴。枝葉花果皮幹悉皆爆裂墮落。

kỳ thụ tức thời thảm nhiên biến bạch do như bạch hạc。chi diệp hoa quả bì cán tất giai bạo liệt đọa lạc。

cây Sa la bỗng nhiên biến thành màu trắng như bạch hạt, cành lá hoa trái và cỏ cây đều rơi rụng,

漸漸枯悴摧折無餘。

tiệm tiệm khô tụy tồi chiết vô dư。

dần dần khô héo tàn tạ không còn。

爾時十方無數萬億恒河沙普佛世界。

Nhĩ thời thập phương vô số vạn ức hằng hà sa phỏ Phật thế giới。

Lúc bấy giờ vô số vạn ức hằng hà sa thế giới khắp chu Phật ở mười phương,

一切大地皆大震動。出種種音唱言。苦哉苦哉。

nhất thiết Đại địa giai Đại chấn động。xuất chủng chủng âm xướng ngôn。khổ tai khổ tai。

tất cả đại địa đều chấn động, phát ra các âm thanh rằng: Khổ thay khổ thay!

世界空虛。演出無常苦空哀歎之聲。

Thế giới không hư。diễn xuất vô thường khổ không ai thán chi thanh。

Thế giới trống rỗng。rồi phát ra âm thanh than thở về vô thường, khổ, không。

爾時十方世界一切諸山。目真隣陀山。

Nhĩ thời thập phương thế giới nhất thiết chư sơn, mục chân lân đà sơn.
 Lúc bấy giờ tất cả ngọn núi trong mười phương thế giới như núi Mục-chân-lân-đà,
 摩訶目真隣陀山。鐵圍山。大鐵圍山。
 Ma-ha-mục-chân-lân-đà sơn, thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn.
 Núi Ma-ha-mục-chân-lân-đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi,
 諸須彌山香山寶山。金山黑山。一切大地所有諸山。
 chư Tu-Di sơn hương sơn bảo sơn, kim sơn hắc sơn, nhất thiết Đại địa sở hữu chư
 sơn.
 núi Tu-di, núi Hương, núi Bái, núi Vàng, núi Đen, tất cả núi hiện có nơi đại địa,
 一時震裂悉皆崩倒。
 nhất thời chấn liệt tất giai băng đảo.
 đồng thời chấn động thủy đều mà sục lở,
 出大音聲震吼世界唱言。苦哉苦哉。如何一旦世間孤露。
 xuất Đại âm thanh chấn hồng thế giới xướng ngôn, khổ tai khổ tai, như hà nhất
 đán thế gian cô lộ.
 cùng phát ra âm thanh lớn vang cả thế giới rằng: Khổ thay khổ thay! Một mai thế
 gian mờ tối,
 慧日滅沒大涅槃山。一切眾生喪真慈父。
 tuệ nhật diệt một Đại Niết-bàn sơn, nhất thiết chúng sanh tang chân Từ Phụ.
 mặt trời trí tuệ đã ẩn nơi núi Đại Niết-bàn, tất cả chúng sanh mất đi đấng cha
 lành,
 失所敬天無瞻仰者。爾時十方世界一切大海。
 thất sở kính Thiên vô chiêm ngưỡng giả. Nhĩ thời thập phương thế giới nhất thiết
 Đại hải.
 mất đi chỗ tôn kính, không còn ai để chiêm ngưỡng. lúc bấy giờ tất cả biển lớn
 trong mười phương thế giới
 悉皆混濁沸涌濤波。出種種音唱言。苦哉苦哉。
 tất giai hỗn浊沸涌涛波, xuất chủng chủng âm xướng ngôn, khổ tai khổ
 tai.
 đều vẫn đục nổi sóng cuồng cuộng phát ra âm thanh rằng: Khổ thay khổ thay!
 正覺已滅眾生罪苦。長夜久流生死大海。
 chánh giác dĩ diệt chúng sanh tội khổ, trường dạ cửu lưu sanh tử Đại hải.
 Đấng Chánh Giác đã diệt, chúng sanh tạo tội chịu khổ nơi đêm dài tăm tối, trôi
 dạt nơi biển lớn sanh tử,
 迷失正路何由解脫。爾時一切江河溪澗溝壑。
 mê thất chánh lộ hà do giải thoát, nhĩ thời nhất thiết giang hà khe giản câu hác.
 mê mọi đường Chánh thì do đâu mà giải thoát! Lúc bấy giờ tất cả sông hồ khe
 suối
 川流。泉源渠井浴池。悉皆傾覆水盡枯涸。
 xuyên lưu, tuyền nguyên cừ tỉnh dục trì, tất giai khuynh phúc thủy tận khô hạc,
 爾時十方世界大地虛空寂然大闢。
 nhĩ thời thập phương thế giới Đại địa hư không tịch nhiên Đại ám,
 bấy giờ hư không đại địa nơi mười phương thế giới bỗng nhiên tối tăm,
 日月精光悉無復照。黑闇愁惱彌布世界。
 nhật nguyệt tinh quang tất vô phục chiếu, hắc ám sầu não di bố thế giới,
 ánh sáng mặt trời, trăng, sao đều không hiện, ưu sầu khổ não tràn đầy thế giới,
 於是時間忽然黑風鼓怒驚振。吹扇塵沙彌闍世界。
 ư thị thời gian hốt nhiên hắc phong cổ nộ kinh chấn, xuy phiến trần sa di ám thế
 giới.
 rồi lúc ấy bỗng có gió dữ chấn động, thổi bay cát bụi mịt mù cả thế giới.
 爾時大地一切卉木。藥草諸樹花果枝葉。

Nhĩ thời Đại địa nhất thiết hủy mộc. được thảo chu thụ hoa quả chi diệp.
Lúc bấy giờ tất cả cỏ cây, được thảo hoa trái cành lá ở trong đại địa,
悉皆摧折碎落無遺。於是時頃十方世界一切諸天。
tất giai tồi chiết toái lạc vô di. u thị thời khoảnh thập phương thế giới nhất
thiết chu Thiên.
thầy đều gãy đổ rơi rụng không còn sót. Ngay trong lúc ấy tất cả chu Thiên trong
mười phương thế giới,
遍滿虛空哀號悲歎。震動三千大千世界。
biển mẫn hư không ai hiệu bi thán. chấn động tam Thiên Đại Thiên thế giới.
đến đây cả hư không mà buồn bã than thở, làm chấn động cả ba ngàn Đại thiên thế
giới,
雨無數百千種種上妙天香天花。
vũ vô số bách thiên chủng chủng thượng diệu Thiên hương Thiên hoa.
trời mưa vô số trăm ngàn các thứ hương trời, hoa trời thượng diệu,
遍滿三千大千世界 [廿/積] 高須彌供養如來。
biển mẫn Tam Thiên Đại Thiên thế giới [nhập / tích] cao Tu-di cúng dường Như Lai.
khắp đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, chất cao bằng núi Tu-di mà cúng dường
Như Lai.
於上空中復雨無數天幢天幡天璣珞天軒蓋天寶珠。
u thượng không trung phục vũ vô số Thiên tràng Thiên phiên Thiên anh lạc Thiên
hiên cái Thiên bảo châu.
Ở trên không trung lại mưa xuống vô số tràng phan, bảo cái, anh lạc, dù lọng,
châu báu,
遍滿虛空變成寶臺。四面珠璣七寶絞絡。
biển mẫn hư không biến thành bảo đài. tứ diện châu anh thất bảo giáo lạc.
đầy khắp hư không rồi biến thành đài báu, bốn phía có anh lạc bảy báu đan xen
光明華彩供養如來。於上空中復奏無數微妙天樂。
quang-minh hoa thài cúng dường Như Lai. u thượng không trung phục tấu vô số vi
diệu Thiên nhạc.
chiếu ánh sáng rực rỡ mà cúng dường Như Lai. ở trên không trung lại trỗi vô số
nhạc trời vi diệu,
鼓吹絃歌出種種音唱言。苦哉苦哉。
cổ xuy huyền ca xuất chủng chủng âm xướng ngôn. khổ tai khổ tai.
cùng các thứ trống, kèn, đàn, sáo, mà phát ra âm thanh rằng: Khổ thay khổ thay!
佛已涅槃。世界空虛。群生眼滅。
Phật dĩ Niết-bàn. thế giới không hư. quần sanh nhãn diệt.
Phật đã Niết-bàn rồi, thế gian trống rỗng, mắt sáng của chúng sanh đã diệt mất,
煩惱羅剎大欲流行。行苦相續痛輪不息。爾時阿難。
phiền não La sát Đại dục lưu hành. hành khổ tương tục thống luân bất tức. nhĩ
thời A-nan.
la sát phiền não ái dục tung hoành, hành khổ nối tiếp nhau khổ não không dứt.
Lúc bấy giờ A-nan
心慌迷悶都不覺知。不識如來已入涅槃未入涅槃。
tâm hoảng mê muộn đô bất giác tri. bất thức Như Lai dĩ nhập Niết-bàn vị nhập
Niết-bàn.
tâm thân hôn mê không hiểu biết rõ, không biết Như Lai đã vào Niết-bàn hay chưa
vào,
唯見非恒境界。復問樓逗。佛涅槃耶。
duy kiến phi hằng cảnh giới. phục vấn Lâu Đâu. Phật Niết-bàn da.
chỉ thấy cảnh giới chẳng thường còn, rồi lại hỏi A-nậu-lâu-đà: Phật Niết-bàn rồi
chẳng?
樓逗答言。大覺世尊已入涅槃。爾時阿難聞是語已。

Lâu Đậu đáp ngôn. Đại giác Thế Tôn dĩ nhập Niết-bàn. Nhĩ thời A-nan văn thị ngữ dĩ.

A-nậu-lâu-đà đáp: Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ A-nan nghe lời này rồi,

悶絕躄地猶如死人。寂無氣息冥冥不曉。

muộn tuyệt tích địa do như tử nhân. tịch vô khí tức minh minh bất hiểu. bèn ưu sầu ngã xuống đất như người chết, hoàn toàn không có sinh khí, mê mờ không hiểu biết.

爾時樓逗。以清冷水灑阿難面扶之令起。

Nhĩ thời Lâu Đậu. dĩ thanh lãnh thủy sái A-nan diện phù chi linh khởi.

Lúc bấy giờ A-nậu-lâu-đà bèn dùng nước mát trong rảy lên mặt A-nan và dìu ngồi dậy,

以善方便而慰喻之語阿難言。哀哉哀哉。

dĩ thiện phương tiện nhi úy dụ chi ngữ A-nan ngôn. ai tai ai tai.

dùng phương tiện khéo léo mà an ủi A-nan rằng: Thương thay thương thay!

痛苦奈何奈何。莫大愁毒熱惱亂心。如來化緣周畢。

thống khổ nại hà nại hà. mạc Đại sầu độc nhiệt não loạn tâm. Như Lai hóa duyên châu tất.

Sao lại thống khổ như vậy, ông chớ âu sầu nhiệt não làm loạn tâm trí, Như Lai hóa độ đã viên mãn,

一切人天無能留者。苦哉苦哉。奈何奈何。

nhất thiết nhân Thiên vô năng lưu giả. khổ tai khổ tai. nại hà nại hà.

tất cả trời người không thể giữ lại. Khổ thay khổ thay! Làm thế nào làm thế nào,何期今日人天之師為事究竟。無能留者。

hà kỳ kim nhật nhân Thiên chi sư vi sự cứu cánh. vô năng lưu giả.

hôm nay bậc thầy của trời người làm việc đã rất ráo, không ai có thể giữ lại,奈何我與汝等且共裁抑。復慰喻言。阿難。

nại hà ngã dữ nhữ đẳng thả cộng tài ức. phục úy dụ ngôn. A-nan.

Ta và các ông hãy cùng kiềm chế. Lại an ủi rằng: A-nan!

佛雖涅槃而有舍利無上法寶。常住於世。

Phật tuy Niết-bàn nhi hữu Xá-lợi vô thượng Pháp bảo. thường trụ u thế.

Phật tuy Niết-bàn mà có Xá-lợi là pháp bảo vô thượng thường trú ở đời,

能為眾生而作歸依。我與汝等當勤精進。

năng vi chúng sanh nhi tác quy y. ngã dữ nhữ đẳng đương tinh cần tinh tấn.

Có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sanh, Ta muốn vào Niết-bàn và các ông phải siêng năng tinh tấn,

以佛法寶授與眾生。令脫眾苦報如來恩。爾時阿難。

dĩ Phật Pháp bảo thụ dữ chúng sanh. linh thoát chúng khổ báo Như Lai ân. Nhĩ thời A-nan.

đem Phật pháp bảo trao cho chúng sanh, khiến thoát các khổ để báo ân Như Lai. Lúc bấy giờ A-nan

聞慰喻已漸得醒悟。哽咽流淚悲不自勝。

văn úy dụ dĩ tiệm đắc tỉnh ngộ. ngạnh yết lưu lệ bi bất tự thắng.

nghe lời an ủi rồi dần dần tỉnh ngộ, nghẹn ngào rơi lệ buồn bã không thể ngăn nổi.

其拘尸那城娑羅林間縱廣三十二由旬。

kỳ Câu-thi-na thành Sa-la lâm gian túng quảng tam thập nhị do-tuần.

Rừng Sa-la trong thành Câu-thi-na dài rộng đến ba mươi hai do tuần,

天人大眾皆悉遍滿。尖頭針鋒受無量眾。

Thiên Nhơn Đại chúng giai tất biến mãn. tiêm đầu châm phong thọ vô lượng chúng.

mà đầy khắp trời, người cùng đại chúng, chỗ nhỏ như mũi nhọn cũng chứa được vô lượng chúng,

間無空缺不相障蔽。爾時無數億菩薩一切大眾。

gian vô không khuyết bất tướng chướng tế. Nhĩ thời vô số ức Bồ-tát nhất thiết Đại chúng.

đầy khắp không chỗ hở nhưng không chướng ngại nhau. Lúc bấy giờ có vô số ức Bồ-tát, tất cả đại chúng

悉皆迷悶昏亂濁心。都不覺知如來涅槃及未涅槃。

tất giai mê muộn hôn loạn trước tâm. đờ bất giác tri Như Lai Niết-bàn cập vị Niết-bàn.

đều hôn mê loạn tâm không biết Như Lai đã Niết-bàn hay chưa Niết-bàn,

唯見非恒變動。一時同問樓逗。佛涅槃耶。

duy kiến phi hằng biến động. nhất thời đồng vấn Lôâu Đâu. Phật Niết-bàn da.

chỉ thấy sự biến đổi chẳng thường, tất cả đồng hỏi A-nậu-lâu-đà: Phật Niết-bàn rồi chăng?

爾時樓逗告諸大眾一切天人。

Nhĩ thời Lôâu Đâu cáo chư Đại chúng nhất thiết Thiên Nhơn.

Lúc bấy giờ A-nậu-lâu-đà bảo với đại chúng cùng tất cả trời người:

大覺世尊已入涅槃。爾時無數一切大眾聞是語已。

Đại giác Thế Tôn dĩ nhập Niết-bàn. nhĩ thời vô số nhất thiết Đại chúng văn thị ngữ dĩ.

Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ vô số tất cả đại chúng nghe lời này rồi,

一時昏迷悶絕躑地。苦毒入心陌聲不出。

nhất thời hôn mê muộn tuyệt tích địa. khổ độc nhập tâm ách thanh bất xuất.

đồng thời mê muội lẫn lộn dưới đất, đau khổ vào trong thâm tâm, nghẹn ngào không phát ra tiếng,

其中或有隨佛滅者。或失心者。或身心戰掉者。

kỳ trung hoặc hữu tùy Phật diệt giả. hoặc thất tâm giả. hoặc thân tâm chiến điệu giả.

trong ấy hoặc có người theo Phật mà diệt độ, hoặc có người mê loạn tâm trí, hoặc có người thân tâm quay cuồng,

或互相執手哽咽流淚者。或常搥胸大叫者。

hoặc hổ tương chấp thủ ngạnh yết lưu lệ giả. hoặc thường trùy hung Đại khiểu giả. hoặc cùng nắm tay nghẹn ngào mà khóc lóc rơi lệ, hoặc có người đấm ngực kêu la,

或舉手拍頭自拔髮者。

hoặc cử thủ phách đầu tự bạt phát giả.

hoặc có người lấy tay đánh trên đầu tự bứt tóc mình,

或有唱言痛哉痛哉荼毒苦者。或有唱言如來涅槃一何疾哉。

hoặc hữu xướng ngôn thống tai thống tai đồ độc khổ giả. hoặc hữu xướng ngôn Như Lai Niết-bàn nhất hà tật tai.

hoặc có người nói rằng: Đau đớn thay, khổ thay, hoặc còn nói: Sao Như Lai nhập Niết-bàn nhanh chóng vậy,

或有唱言失我所敬天者。

hoặc hữu xướng ngôn thất ngã sở kính Thiên giả.

hoặc có người nói rằng Ta vào Niết-bàn đã mất chỗ trời kính ngưỡng,

或有歎言世界空虛眾生眼滅者。

hoặc hữu thán ngôn thế giới không hư chúng sanh nhãn diệt giả.

hoặc có người than: Thế giới trống rỗng, mắt sáng của chúng sanh đã bị tiêu diệt;

或有歎言煩惱大鬼已流行者。或有歎言眾生善芽種子滅者。

hoặc hữu thán ngôn phiền não Đại quỷ dĩ lưu hành giả. hoặc hữu thán ngôn chúng sanh thiện nha chủng tử diệt giả.

hoặc có người than rằng đại quý phiến não đã quy hàng, hoặc có người than rằng
mầm thiện chủng tử của chúng sanh đã bị diệt rồi;
或有歎言魔王欣慶解甲冑者。

hoặc hữu thán ngôn ma Vương hân khánh giải giáp trụ giả.
hoặc có người than rằng ma vương đang vui mừng cởi bỏ áo giáp;
或自呵責身心無常觀者。或有正觀得解脫者。或有傷歎無歸依者。

hoặc tự ha trách thân tâm vô thường quán giả. hoặc hữu chánh quán đắc giải thoát
giả. hoặc hữu thương thán vô quy y giả.

hoặc có người tự trách thân tâm vô thường mà khởi quán sát, hoặc có người chánh
quán mà được giải thoát, hoặc có người than thở vì không còn chỗ nương tựa,
中有遍體血現流灑地者。如是異類殊音。

trung hữu biến thể huyết hiện lưu sái địa giả. như thị dị loại thù âm.

hoặc có người nóng bừng cả thân thể rơi lệ xuống đất, như vậy đủ loại âm thanh
khác nhau,

一切大眾哀聲普震一切世界。

nhất thiết Đại chúng ai thanh phổ chấn nhất thiết thế giới。

tất cả đại chúng thấy đều than khóc chấn động hết thấy thế giới。

爾時娑婆世界主尸棄大梵天王。知佛已入涅槃。

Nhĩ thời Sa-bà thế giới chủ Thi Khí Đại Phạm Thiên Vương. tri Phật dĩ nhập Niết-
bàn。

Lúc bấy giờ thế giới Sa-bà Đại Phạm thiên vương Thi Khí làm chủ cõi ấy, biết
Phật đã nhập Niết-bàn,

與諸天眾即從初禪飛空而下。舉聲大哭流淚悲咽。

dữ chư Thiên chúng tức tòng Sơ-thiền phi không nhi hạ. cử thanh Đại khóc lưu lệ
bi yết。

liền cùng chư Thiên từ cõi Sơ thiền đi xuống, cất tiếng than khóc rơi lệ buồn bã,
投如來前悶絕躄地。久乃穌醒哀不自勝。

đầu Như Lai tiền muộn tuyệt tích địa. cửu nãi tô tinh ai bất tự thắng。

lăn lộn dưới đất trước mặt Như Lai, giãy lâu mới tỉnh lại mà vẫn sầu khổ,
即於佛前以僞悲歎。

tức ư Phật tiền dĩ kệ bi thán。

liền ở trước Phật nói bài kệ than rằng:

世尊往昔本誓願

Thế Tôn vãng tích bản thệ nguyện

Xưa kia Thế Tôn phát thệ nguyện

乃隱無量自在力

Nãi ẩn vô lượng tự-tại lực

Ẩn dấu vô lượng sức tự tại

方便逐宜隨應說

Phương tiện trực nghi tùy ứng thuyết

Phương tiện tùy nghi mà thuyết pháp

誘進令出三有苦

Dụ tiến linh xuất tam hữu khổ

Dẫn dắt khiến lìa khổ ba cõi

如來慈母育眾生

Như Lai từ mẫu dục chúng sanh

Như Lai mẹ hiền thương chúng sanh

何期一旦忽捨離

Hà kỳ nhất đán hốt xả ly

Nay một sớm bỗng chốc xa lìa

痛哉眾生善種芽

Thông tai chúng sanh thiện chủng nha

Khổ thay chúng sanh gieo mầm thiện

為我等故居忍土

Vì ngã đẳng cố cư nhẫn độ

Vì chúng ta nên muốn vào Niết-bàn.

貧所樂法度眾生

Bần sở lạc Pháp độ chúng sanh

Hành khổ dùng pháp độ chúng sanh

眾生無不受安樂

Chúng sanh vô bất thọ an lạc

Khiến chúng sanh đều được an lạc

究竟皆至涅槃道

Cứu cánh giai chí Niết-bàn đạo

Đều rất ráo đến đạo Niết-bàn

普飲眾生大悲乳

Phổ ẩm chúng sanh Đại bi nhũ

Là nguồn sữa lớn cho chúng sanh

人天孤露無所依

Nhân Thiên cô lộ vô sở y

Trời người cô quạnh không chỗ nương

無天甘露令增長

Vô Thiên cam lộ linh tăng trưởng

Không nước cam lồ khiến tăng trưởng

善芽漸漸衰滅已
Thiện nha tiệm tiệm suy diệt dĩ
Mầm thiện dần dần sẽ suy diệt
奈何世界悉空虛

Nại hà thế giới tất không hư
Thế nào thế gian tất trống rỗng
既行無明黑闇中

Ký hành vô minh hắc ám trung
Đã đi trong vô minh tăm tối
奈何眾生罪無救

Nại hà chúng sanh tội vô cứu
Tội khổ chúng sanh làm sao cứu
勸請如來大悲力

Khuyến thỉnh Như Lai Đại bi lực
Nguyện xin Như Lai đại từ bi
何其痛哉此惡世

Hà kỳ thống tai thù ác thế
Đau đớn thay nơi đời xấu ác
爾時釋提桓因。與諸大眾從空而下唱言。

Nhĩ thời thích đề hoàn nhân. dữ chư Đại chúng tòng không nhi hạ xướng ngôn.
Lúc bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cùng với đại chúng từ trên không xuống mà nói
rằng:

苦哉苦哉。發聲大哭悲泣流淚。

khổ tai khổ tai. phát thanh Đại khốc bi khắp lưu lệ.
Khổ thay khổ thay! Rồi cất tiếng kêu gào khóc lóc,
投如來前悶絕躄地。久乃穌醒悲哀哽咽。胡跪佛前。

đầu Như Lai tiền muện tuyệt tích địa. cừ nãi tô tinh bi ai ngạnh yết. hồ quy
Phật tiền。

bất tỉnh dưới đất ở trước Như Lai, giẫy lâu mới tỉnh rồi nghẹn ngào quỳ trước
đức Phật
說偈哀歎。

thuyết kệ ai thán。

mà nói bài kệ than rằng:

如來歷劫行苦行

Như Lai lịch kiếp hành khổ hạnh
Như Lai nhiều kiếp hành khổ hạnh
得成無上正覺道

Đắc thành vô thượng chánh giác đạo
Rồi thành tựu Vô Thượng Chánh Giác
施法藥中為上藥

Thí Pháp được trung vi thượng dược
Trong thí pháp dược là tối thượng,
大慈悲雲蔭眾生

Đại từ bi vân âm chúng sanh
Dùng mây từ bi che chúng sanh
慧日光照無明闇

Tuệ nhật quang chiếu vô minh ám
Mặt trời trí tuệ soi tối tăm
聖月慈光照六趣

Thánh nguyệt từ quang chiếu lục thú
Ánh sáng từ bi chiếu sáu đường
何期於今捨大慈

Hà kỳ ư kim xả Đại từ

罪業相牽墮惡道

Tội nghiệp tương khiên đọa ác đạo
Tội nghiệp dẫn nhau vào đường ác
眾生正慧眼已滅

Chúng sanh chánh tuệ nhãn dĩ diệt
Mất chánh tuệ chúng sanh bị diệt
墮落三有淪溺苦

Đọa lạc tam hữu luân nịch khổ
Chìm đắm trôi lăn trong ba cõi
願依舍利得解脫

Nguyện y Xá-lợi đắc giải thoát
Nguyện nương Xá lợi được giải thoát!
救護令我脫苦地

Cứu hộ linh ngã thoát khổ địa
Cứu vớt khiến con được thoát khổ
如來棄我入涅槃

Như Lai khí ngã nhập Niết-bàn
Như Lai bỏ con vào Niết-bàn!

普為我等群生故

Phổ vi ngã đẳng quần sanh cố
Là vì thương xót các quần sanh
等育眾生如一子

Đẳng dục chúng sanh như nhất tử
Nuôi dưỡng chúng sanh như con một
療病醫中為勝醫

Liệu bệnh y trung vi thắng y
Trong thầy chữa bệnh là tối thắng
甘露慧雨雨一切

Cam lộ tuệ vũ vũ nhất thiết
Mưa pháp cam lồ rưới khắp cả
無明眾生見聖道

Vô minh chúng sanh kiến Thánh đạo
Chúng sanh vô minh thấy đạo thánh
三有蒙光脫眾苦

Tam hữu mông quang thoát chúng khổ
Ba cõi chúng sanh được thoát khổ
已入涅槃眾不見

Dĩ nhập Niết-bàn chúng bất kiến

Sao lúc này xả bỏ từ bi
本誓大悲今何在
Bổn thệ Đại bi kim hà tại
Thệ nguyện từ bi nay ở đâu
我等一切諸眾生
Ngã đẳng nhất thiết chư chúng sanh
Chúng con cùng tất cả chúng sanh
四眾互相執手哭
Tứ Chúng hỗ tương chấp thủ khóc
Bổn chúng cùng nhau nắm tay khóc
苦哉苦哉諸有人
Khổ tai khổ tai chư hữu nhân
Khổ thay khổ thay tất cả người
我等福盡苦何甚
Ngã đẳng phúc tận khổ hà thậm
Chúng ta Phước hết khổ sẽ nhiều
唯願法寶舍利光
Duy nguyện Pháp bảo Xá-lợi quang
Cúi xin hào quang Xá lợi báu
哀哉痛哉我等眾
Ai tai thông tai ngã đẳng chúng
Buồn thay khổ thay cho chúng con
爾時樓逗。悲哀號泣傷悼無量。胡跪佛前。
Nhĩ thời Lâu Đâu, bi ai hiệu khắp thương diệu vô lượng, hồ quy Phật tiền。
Lúc bấy giờ Lâu Đâu khóc lóc đau buồn thương tổn vô lượng, đến quy trước Phật
以偈悲讚。
dĩ kệ bi tán。
nói bài kệ than rằng:
正覺法王育我等
Chánh giác Pháp Vương dục ngã đẳng
Chánh Giác pháp vương nuôi chúng con
眾生法身未成立
Chúng sanh Pháp thân vị thành lập
Pháp thân chúng sanh chưa thành lập
應以八音常演暢
ung dĩ át âm thường diễn sướng
Nên dùng tám âm luôn diễn sướng
常放大慈五色光
Thường phóng Đại từ ngũ sắc quang
Thường phóng quang đại từ năm sắc
如何今日永涅槃
Nhu hà kim nhật vĩnh Niết-bàn
Sao hôm nay vĩnh viễn Niết-bàn
苦哉世尊捨大悲
Khổ tai Thế Tôn xả Đại bi
Khổ thay Thế Tôn xả Đại Bi
雖知世尊現方便
Tuy tri Thế Tôn hiện phương tiện
Tuy biết Thế Tôn hiện phương tiện
四眾迷悶昏失心
Tứ Chúng mê muộn hôn thất tâm
Bổn chúng đều mê loạn tâm trí
世尊獨處大安樂
Thế Tôn độc xứ Đại an lạc

Đã Niết-bàn chúng sanh không thấy!
棄捨眾生如涕唾
Khí xả chúng sanh như thể thóa
Mà bỏ chúng sanh như đờm giải.
如犢失母必當死
Nhu độc thất mẫu tất đương tử
Nhu mất cha mẹ ắt phải chết
搥胸大哀動三界
Trùy hung Đại ai động tam giới
Đầm ngực kêu gào động ba cõi.
如何一旦盡孤露
Nhu hà nhất đán tận cô lộ
Một mai sẽ bị sống cô độc
善芽焦燃無復潤
Thiện nha tiêu nhiên vô phục nhuận
Mầm thiện tiêu cháy không còn nữa.
照我令脫三有苦
Chiếu ngã linh thoát tam hữu khổ
Chiếu soi khiến thoát khổ ba cõi.
幾何重得見如來
Ki hà trọng đắc kiến Như Lai
Biết bao giờ lại gặp Như Lai!

飲我法乳長法身
âm ngã Pháp nhũ trường Pháp thân
Dùng sữa Pháp nuôi lớn pháp thân
又復慧命少資糧
Hựu phục huệ mạng thiếu tư lương
Lại còn tuệ mạng ít tư lương
令眾聞已悉悟道
Linh chúng văn dĩ tất ngộ đạo
Khiến chúng sanh nghe đều ngộ đạo。
令眾蒙光皆解脫
Linh chúng mông quang giai giải thoát
Khiến chúng nhờ quang rồi được thoát
行苦眾生何依趣
Hành khổ chúng sanh hà y thú
Chúng sanh chịu khổ nương vào đâu!
我等孤窮必當死
Ngã đẳng cô cùng tất đương tử
Chúng con cô cút ắt phải chết!
我等無能不悲哀
Ngã đẳng vô năng bất bi ai
Mà không ngăn được niềm bi thương。
哀動天地震三界
Ai động Thiên địa chấn tam giới
Kinh động trời đất cùng ba cõi
眾生大苦欲何之
Chúng sanh Đại khổ dục hà chi

Thế Tôn riêng ở nơi an lạc
 世尊往昔為我等
 Thế Tôn vắng tích vi ngã đấng
 Thuở xưa Thế Tôn vì chúng con
 得成無上正覺道
 Đắc thành vô thượng chánh giác đạo
 Thành tựu đạo Vô Thượng Chánh Giác
 我及四眾處無明
 Ngã cập Tứ Chúng xứ vô minh
 Con cùng bốn chúng ở vô minh
 哀哉世尊願大悲
 Ai tai Thế Tôn nguyện Đại bi
 Buồn thay Thế Tôn nguyện từ bi
 伏請世尊愍四眾
 Phục thỉnh Thế Tôn mẫn tứ chúng
 Nguyện xin Thế Tôn thương bốn chúng
 我等不能即殞滅
 Ngã đẳng bất năng tức vẫn diệt
 Chúng con không thể hoại diệt ngay
 苦哉痛切難堪忍
 Khổ tai thông thiết nan Kham nhẫn
 Khổ thay đau đớn không nhẫn nổi
 爾時阿難。悶絕漸醒舉手拍頭。

Nhĩ thời A-nan. muộn tuyết tiệm tinh cừ thù phách đầu.

Lúc bấy giờ A-nan bất tỉnh dần dần tỉnh dậy rồi lấy tay đánh vào đầu, 搥胸哽咽悲泣流淚。哀不自勝。長跪佛前。以偈悲歎。

trùng hung ngạnh yết bi khắp lưu lệ. ai bất tự thắng. trường quy Phật tiền. dĩ kệ bi thán.

đắm ngực nghẹn ngào khóc lóc rơi lệ, không nén được bi thương, bèn quỳ trước Phật nói bài kệ than rằng:

我昔與佛誓願力
 Ngã tích dữ Phật thệ nguyện lực
 Xưa con sức thệ nguyện cùng Phật
 如來得成正覺道
 Như Lai đắc thành chánh giác đạo
 Như Lai đã đắc đạo Chánh Giác
 深心敬養情未足
 Thân tâm kính dưỡng tình chưa đủ
 Thân tâm cung kính tình chưa đủ
 痛哉哀哉荼毒苦
 Thống tai ai tai đồ độc khổ
 Buồn thay thương thay đầy khổ não
 我身未脫諸有網
 Ngã thân vị thoát chư hữu võng
 Thân con chưa thoát khỏi các hữu
 世尊慧[此/束]未啄破
 Thế Tôn tuệ [thử /thúc]vị trác phá
 Chưa được trí tuệ như Thế Tôn
 我如初生之嬰兒
 Ngã như sơ sanh chi anh nhi
 Con như trẻ nhỏ vừa mới sanh
 世尊如何見放捨
 Thế Tôn như hà kiến phóng xả
 Tại sao Thế Tôn sớm buông bỏ

Chúng sanh chịu khổ biết làm sao!
 眾劫捨頭截手足
 Chúng kiếp xả đầu tiết thủ túc
 Muôn kiếp bỏ đầu mất tay chân
 不久住世即涅槃
 Bất cữu trụ thế tức Niết-bàn
 Trụ thế không lâu liền Niết-bàn.
 魔王欣慶捨甲冑
 Ma Vương hân khánh xả giáp trụ
 Ma vương vui mừng bỏ áo giáp
 舍利慈光攝我等
 Xá-lợi từ quang nhiếp ngã đấng
 Phóng quang Xá lợi nhiếp chúng con.
 法寶流潤願不窮
 Pháp bảo lưu nhuận nguyện bất cùng
 Lưu thông pháp bảo không cùng tận.
 苟存餘命能幾何
 Cầu tồn dư mạng năng ki hà
 Nếu mạng vẫn còn biết làm sao.
 重見世尊無復期
 Trọng kiến Thế Tôn vô phục kỳ
 Biết đến lúc nào gặp Thế Tôn!

幸共同生釋種中
 Hạnh cộng đồng sanh thích chủng trung
 May mắn đồng sanh dòng họ Thích
 我為侍者二十載
 Ngã vi thị giả nhị thập tái
 Con làm thị giả hai mươi năm
 一旦見棄入涅槃
 Nhất đán kiến khí nhập Niết-bàn
 Một mai xả bỏ vào Niết-bàn
 無極長夜痛切心
 Vô cực trường dạ thống thiết tâm
 Đêm dài tăm tối đau xót tâm.
 無明之[穀-禾+卵]未出離
 Vô minh chi xác vị xuất ly
 Đắm chìm vô minh chưa xa lìa
 如何見捨疾涅槃
 Như hà kiến xả tật Niết-bàn
 Sao sớm bỏ con mà Niết-bàn!
 失母不久必當死
 thất mẫu bất cữu tất đương tử
 Mất mẹ không lâu ắt phải chết
 獨出三界受安樂
 Độc xuất tam giới thọ an lạc
 Ra khỏi ba cõi hưởng an lạc.

我今懺悔於世尊

Ngã kim sám hối ư Thế Tôn

Nay con sám hối đức Thế Tôn

四威儀中多懈墮

Tứ uy nghi trung đa giải đọa

Trong bốn oai nghi có biếng nhác

願正覺尊大慈悲

Nguyện Chánh giác tôn Đại từ bi

Nguyện đấng Chánh giác đại từ bi

我願窮盡未來際

Ngã nguyện cùng tận vị lai tế

Con nguyện cùng đời kiếp vị lai

唯願世尊大慈光

Duy nguyện Thế Tôn Đại từ quang

Xin Thế Tôn phóng đại từ quang

痛哉痛哉不可說

Thống tai thống tai bất khả thuyết

Đau đớn thay không thể nói hết

爾時無數億恒河沙菩薩。

Nhĩ thời vô số ức hằng hà sa Bồ-tát。

Lúc bấy giờ có vô số ức hằng hà sa Bồ-tát，

一切世間天人大眾。互相執手悲泣流淚。哀不自勝各相裁抑。

nhất thiết thế gian Thiên Nhơn Đại chúng。hỗ tương chấp thủ bi khắp lưu lệ。ai bất tự thắng các tướng tài ức。

tất cả thế gian, trời, người, đại chúng, cùng nhau nắm tay đau buồn khóc lóc, rồi mỗi người tự kiểm chế

即皆自辦無數微妙香花。

túc giai tự辦 vô số vi diệu hương hoa。

liền sắm sửa vô số hương hoa vi diệu

曼陀羅花摩訶曼陀羅花。曼殊沙花摩訶曼殊沙花。

Mạn-đà-la hoa Ma-Ha mạn-đà-la hoa。mạn thù sa hoa Ma-Ha mạn thù sa hoa。

như hoa mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, 無數天上人間海岸梅檀沈水。百千萬種和香。

vô số Thiên thượng nhân gian hải ngạn chiêm đàn trầm thủy。bách thiên vạn chủng hòa hương。

vô số chiêm đàn trầm thủy ở nơi cõi trời, nhân gian, trăm ngàn vạn thứ hương thơm,

無數香泥香水。寶蓋寶幢寶幡真珠瓔珞。

vô số hương nê hương thủy。bảo cái bảo tràng bảo phiên chân châu anh lạc。

vô số hương nê hương thủy, bảo cái, tràng phan, màn, lọng, châu báu, anh lạc 遍滿虛空。投如來前。悲哀供養。

biển mãn hư không。đầu Như Lai tiền。bi ai cúng dường。

đầy khắp hư không, rồi rải xuống trước Như Lai buồn rầu mà cúng dường。

爾時拘尸城內男女大小一切人眾悲哀流淚。

nhĩ thời câu thi thành nội nam nữ Đại tiểu nhất thiết nhân chúng bi ai lưu lệ。

Lúc bấy giờ tất cả dân chúng nam nữ lớn nhỏ trong thành Câu-thi-na đều buồn bá rơi lệ,

各辦無數微妙香花幡蓋等倍勝於前。投如來所悲哀供養。

các bạn vô số vi diệu hương hoa phiên cái đặng bội thắng ư tiền。đầu Như Lai sở bi ai cúng dường。

mỗi người sắm vô số hương hoa vi diệu cùng tràng phan, màn lọng v.v...gấp bội hơn trước, rồi đem đến chỗ Như Lai buồn rầu mà cúng dường。

爾時四天王。與諸天眾悲哀流淚。

侍佛已來二十年

Thị Phật dĩ lai nhị thập niên

Con làm thị giả hai mươi năm

不能悅可大聖心

Bất năng duyệt khả Đại Thánh tâm

Không thể làm tâm Đại Thánh vui

施我甘露令安樂

Thí ngã cam lộ linh an lạc

Ban pháp lộ khiến con an lạc

常觀世尊為侍者

Thường cận Thế Tôn vi thị giả

Thường gần Thế Tôn làm thị giả

一切世界攝受我

Nhất thiết thế giới nhiếp thọ ngã

Chiếu khắp thế giới nhiếp thọ con

暗咽何能陳聖恩

Âm yết hà năng trần Thánh ân

Nghẹn ngào không đáp được ân Thánh。

nhĩ thời tứ Thiên Vương. dữ chư Thiên chúng bi ai lưu lệ.
Lúc bấy giờ bốn vị thiên vương và chúng chư thiên buồn bã rơi lệ,
各辦無數香花一切供養等三倍於前。
các bạn vô số hương hoa nhất thiết cúng dường đấng tam bội ưu tiên.
đều sấm đầy đủ vô số hương hoa tất cả cúng dường gấp hơn ba lần trước,
悲泣流淚來詣佛所。投如來前。悲哀供養五天。
bi khắp lưu lệ lai nghê Phật sở. đầu Như Lai tiên. bi ai cúng dường ngũ Thiên.
buồn bã khóc lóc mà đến chỗ Phật, rồi đặt trước Như Lai, buồn bã cúng dường ngũ
thiên,
如是倍勝於前。色界無色界諸天亦如是倍勝供養。
như thị bội thắng ưu tiên. sắc giới vô sắc giới chư Thiên diệc như thị bội thắng
cúng dường.
như vậy gấp hơn lần trước. Chư thiên ở cõi Sắc, Vô sắc, cũng cúng dường gấp bội
như vậy.
大般涅槃經後分卷上
Đại bát Niết bàn Kinh hậu phân quyển thượng
Kinh Đại Bát Niết Bàn, phần sau quyển thượng.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:29:49 2006
=====

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

Phần sau của Quyển Hạ

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 377

Hán dịch: Sa môn Nhược-na-bạt-đà-la
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Huệ Dung (11-2007)
Biên tập: Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daiTangvietnam.com>

Email info@daiTangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:29:49 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 377 《大般涅槃經後分》CBETA 電子佛典 V1.14 普及版

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 377 《Đại bát Niết bàn Kinh hậu phân》CBETA điện tử Phật Điển V1.14 phổ cập bản

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 377 《Đại bát Niết bàn Kinh sau phần》CBETA điện tử Phật Điển V1.14 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 377 大般涅槃經後分, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 377 Đại bát Niết bàn Kinh hậu phân, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 377 Đại bát Niết bàn Kinh sau phần, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

大般涅槃經後分卷下

Đại bát Niết bàn Kinh hậu phân quyển hạ

Kinh Đại-bát Niết-bà

(phần sau quyển hạ)

大唐南海波濤國沙門若那跋陀羅譯

Đại Đường Nam hải ba lãng quốc Sa môn Nhược Na Bạt Đà-la dịch
Sa-môn Nhược-na-bạt-đà-la, người nước Ba-lãng thuộc vùng Nam Hải,
dịch kinh này vào thời Đại Đường,

機感茶毘品第三

Cơ cảm Trà tỳ phẩm đệ tam

Phẩm Thứ Ba: Trà Tỳ Cơ Cảm

爾時拘尸城內一切男女悲泣流淚。

Nhĩ thời Câu-thi thành nội nhất thiết nam nữ bi khắp lưu lệ。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thi, tất cả nam nữ buồn rầu khóc lóc rơi lệ,
不知茶毘法則云何。問阿難言。

bất tri trà tỳ Pháp tắc vân hà。văn A-nan ngôn。

không biết pháp Trà tỳ thì như thế nào? Thừa A-nan rằng:

如來涅槃如何法則可以茶毘。爾時帝釋具陳上事而以答言。

Như Lai Niết-bàn như hà Pháp tắc khả dĩ trà tì。nhĩ thời Đế Thích cụ trần
thượng sự nhi dĩ đáp ngôn。

Như Lai nhập Niết-bàn có thể dùng pháp như thế nào để Trà tỳ? Lúc bấy giờ Đế
Thích trình bày đầy đủ những việc như trên mà trả lời rằng:

如佛所說依輪王法。爾時拘尸城內一切人民。

Như Phật sở thuyết y luân Vương pháp。Nhĩ thời Câu-thi thành nội nhất thiết
nhân dân。

Như Phật đã dạy trong Y luân Vương pháp。Lúc ấy, trong thành Câu-thi, tất cả
nhân dân

悲泣流淚摠入城中。即作金棺七寶莊嚴。

bi khắp lưu lệ tổng nhập thành trung 。 tức tác kim quan thất bảo trang nghiêm 。
buồn rầu khóc lóc rơi lệ cùng vào trong thành, liền làm Kim quan trang nghiêm
bảy báu,

即辦微妙無價白[疊*毛]千張。無數細軟妙兜羅綿。

tức bạn vi diệu vô giá bạch điệp thiên trương 。 vô số tế nhuyễn diệu đầu la
miên 。

sấm sửa vải bông trắng ngàn tấm vô giá vi diệu, vô số la-miên nhẹ mỏng mịn màng,
辦無數微妙梅檀沈水。

bạn vô số vi diệu chiêm đàn trầm thủy 。

sấm đủ vô số chiêm đàn trầm thủy vi diệu,

百千萬種和香香泥香水。一切繪蓋幡花等。

bách thiên vạn chủng hòa hương hương nê hương thủy 。

trăm ngàn vạn thứ hòa hương hương bột hương nước, tất cả tràng phan bảo hoa to
lụa v.v..

如雲遍滿在於空中積高須彌。既辦已訖悲哀流淚。

Như vân biến mãn tại ư không trung tích cao Tu-Di 。

Như mây trùm khắp ở trong hư không chất cao núi Tu-di, đã sấm đầy đủ rồi buồn
rầu khóc lóc rơi lệ,

將至佛所投如來前。悲咽不勝而申供養。

tương chí Phật sở đầu Như Lai tiên 。

đến chỗ Phật tìm vào trước Như Lai, nức nở không kềm chế mình mà thưa rõ cúng
dường.

爾時拘尸城內一切人民及諸大眾。重復悲哀哽咽流淚。

Nhĩ thời Câu-thi thành nội nhất thiết nhân dân cập chư Đại chúng 。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thi tất cả nhân dân cùng các đại chúng, lại buồn rầu
khóc lóc nghẹn lời rơi lệ,

復持無量香花幡蓋一切供具。

phục trì vô lượng hương hoa phan cái nhất thiết cung cụ 。

lại đem vô lượng hương hoa phan cái tất cả đồ dùng cúng dường đầy đủ.

如雲遍滿空中。互相執手搥胸哽咽。涕泣盈目哀震大千。

như vân biến mãn không trung 。

Như mây bao phủ hư không, cùng nhau nắm tay vỗ ngực kêu gào, khóc lóc sung mắt
buồn bã chần động đại thiên.

投如來前悲哀供養。

đầu Như-Lai tiên bi ai cúng dường 。

tìm đến trước Phật buồn than cúng dường.

爾時大眾悲哽暗咽深重敬心。各以細妙白[疊*毛]障手。

Nhĩ thời Đại chúng bi ngạnh âm yết thâm trọng kính tâm 。

Lúc bấy giờ Đại chúng nghẹn ngào buồn rầu tâm lặng, tâm cung kính thêm bội, đều
dùng vải bông màu trắng nhẹ nhàng mịn màng tốt đẹp che tay,

扶於如來入金棺中。注滿香油棺門即閉。

phù ư Như-Lai nhập kim quan trung 。

nâng mình Như Lai đặt vào trong kim quan, rải đầy dầu hương xung quanh miệng kim
quan rồi liền đóng.

爾時拘尸城內一切士女貪福善心相欲攝取如來功德。

Nhĩ thời Câu-thi thành nội nhất thiết sĩ nữ tham phúc thiện tâm tương dục nhiếp
thủ Như-Lai công đức 。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thi tất cả sĩ nữ tham phước thiện tâm sẽ muốn nhiếp
thủ công đức Như Lai,
不令天人一切大眾同舉佛棺。

bất linh Thiên Nhơn nhất thiết Đại chúng đồng cử Phật quan 。
chẳng khiến trời người đại chúng đồng bung Kim quan đức Phật lên,
即共詳議遣四力士壯大無雙。

túc cộng tường nghị khiến tứ lực sĩ tráng Đại vô song 。
liền cùng bàn bạc kỹ càng, sai bốn lực sĩ lớn khỏe vô song,
脫其所著瓔珞衣服期心請舉如來聖棺欲入城內。

thoát kỳ sở trước anh lạc y phục kỳ tâm thỉnh cử Như-Lai Thánh quan dục nhập
thành nội.

tháo y phục anh lạc đang mặc, tâm họ mong đợi xin đưa Thánh quan Như Lai muốn
vào trong thành,

自申供養盡其神力都不能勝。爾時城內復遣八大力士。

Tự thân cúng dường tận kỳ Thần lực đồ bất năng thắng 。 nhĩ thời thành nội phục
khiến bát Đại lực sĩ 。

tự thân cúng dường thần lực kia hết thầy đều không thể hơn được. Lúc bấy giờ
trong thành lại khiến tám đại lực sĩ,
至聖棺所脫所著衣共擎佛棺。皆盡其神力都亦不得。

chí Thánh quan sở thoát sở trước cộng kính Phật quan 。 giai tận kỳ Thần lực đồ
diệc bất đắc 。

đến chỗ Thánh quan, thoát y đang đắp mà cùng nhau nâng quan Phật, dùng hết thần
lực kia đều cũng không được.

拘尸城內復遣十六極大力士。

Câu-thi thành nội phục khiến thập lục cực Đại lực sĩ 。

Trong thành Câu-thi lại khiến mười sáu lực sĩ rất lớn,

來至棺所脫所著衣。共舉佛棺亦不能勝。

lai chí quan sở thoát sở trước y 。 cộng cử Phật quan diệc bất năng thắng 。

đến chỗ Kim quan, thoát y đã đắp, cùng nhau nâng quan Phật cũng không thể nổi.
爾時樓逗語力士言。縱使盡城內人男女大小。

Nhĩ thời Lâu Đâu ngữ lực sĩ ngôn 。 túng sử tận thành nội nhân nam nữ đại tiểu 。

Lúc bấy giờ có lực sỹ Lâu Đâu Ngữ nói rằng: Cho dù sai hết người trai gái lớn
nhỏ trong thành

舉如來棺欲入城內亦不能得。何況汝等而能勝耶。

cử Như-Lai quan dục nhập thành nội diệc bất năng đắc 。

hà hưởng nhữ đẳng nhĩ năng thắng da 。

đề nâng Kim quan Như Lai đem vào trong thành cũng không thể được, hưởng gì các
ông mà có thể hơn ư?

汝等當請大眾及諸天力助汝舉棺乃得入城。

Nhữ đẳng đương thỉnh Đại chúng cập chư Thiên lực trợ nhữ cử quan nãi đắc nhập
thành 。

Các ông sẽ thỉnh nhờ sức Đại chúng và chư Thiên giúp ông nâng quan mới được vào
thành.

樓逗所言未訖。

Lâu Đâu sở ngôn vị cật 。

Lời nói của Lâu Đâu chưa xong,

爾時帝釋即持微妙大七寶蓋無數香花幢幡音樂。與諸天眾悲泣流淚。

Nhĩ thời Đế Thích túc trì vi diệu Đại thất bảo cái vô số hương hoa tràng phiến
âm lạc 。

dữ chư Thiên chúng bi khắp lưu lệ 。

Thì ngay lúc ấy Đế Thích liền đem bảy bảo cái lớn vi diệu vô số hương hoa tràng
phan âm nhạc, cùng chúng chư Thiên buồn than khóc lóc rơi lệ,
垂在空中供養聖棺。至第六天及色界天。

thùy tại không trung cúng dường Thánh quan 。 chí đệ lục Thiên cập sắc giới Thiên 。

lơ lửng không trung cúng dường Thánh quan, đến cõi Trời thứ sáu cùng cõi Trời Sắc giới,

皆如帝釋供養聖棺。爾時世尊大悲普覆。

giai như Đế Thích cúng dường Thánh quan 。 Nhĩ thời Thế Tôn Đại bi phổ phủ 。

đều như Đế Thích cúng dường Thánh quan. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn từ bi che khắp
令諸世間得平等心得福無異。於娑羅林即自舉棺。

linh chư thế gian đắc bình đẳng tâm đắc phúc vô dị 。

ư sa la lâm tức tự cử quan 。

khiến các thế gian được tâm bình đẳng được phước không khác. Ở rừng Sa-la liền
tự nâng quan,

昇虛空中高一多羅樹。

thăng hư không trung cao nhất đa-la thụ 。

lên trong không trung cao nhất cây đa-la.

拘尸城內一切人民及諸世間人天大眾。等共不得舉佛聖棺。

Câu-thi thành nội nhất thiết nhân dân cập chư thế gian nhân Thiên Đại chúng 。

đẳng cộng bất đắc cử Phật Thánh quan 。

Trong thành Câu-thi tất cả nhân dân cùng các thế gian người Trời Đại chúng, cùng
nhau không được nâng Phật Thánh quan,

爾時帝釋及諸天眾。

Nhĩ thời Đế Thích cập chư Thiên chúng 。

Lúc bấy giờ Đế Thích cùng chúng chư Thiên,

即持七寶大蓋四柱寶臺四面莊嚴。七寶瓔珞垂虛空中覆佛聖棺。

túc trì thất bảo đại cái tứ trụ bảo đài tứ diện trang nghiêm 。

thất bảo anh lạc thùy hư không trung phúc Phật Thánh quan 。

liền đem lộng lớn bảy báu bảo đài bốn trụ trang nghiêm bốn phía, anh lạc bảy báu
rủ trong không trung che Thánh quan Phật,

無數香花幢幡瓔珞。音樂微妙雜繅空中供養。

Vô số hương hoa tràng phiến anh lạc 。

âm nhạc vi diệu tạp thái không trung cúng
dường 。

đem vô số hương hoa tràng phan anh lạc, âm nhạc vi diệu xen lẫn trong không
trung cúng dường

至第六天色界諸天。

chí đệ lục Thiên sắc giới chư Thiên 。

đến cõi Trời thứ sáu chư Thiên Sắc giới.

倍前帝釋覆佛聖棺及申供養。爾時拘尸城內一切人民。

bội tiền Đế Thích phúc Phật Thánh quan cập thân cúng dường 。

Nhĩ thời Câu-thi thành nội nhất thiết nhân dân 。

Đế Thích che trước Thánh quan Phật thêm nhiều và đích thân cúng dường. Lúc bấy
giờ trong thành Câu-thi tất cả nhân dân,

見佛聖棺昇在空中。搥胸大哭悲咽懊惱。

kiến Phật Thánh quan thăng tại không trung 。

trùy hung Đại khốc bi yết áo não 。

thấy Thánh quan Phật thăng trên không trung, vỗ ngực kêu gào áo não nện lời.

爾時一切天人於大聖尊寶棺前路。

Nhĩ thời nhất thiết Thiên Nhơn ư Đại Thánh tôn bảo quan tiền lộ 。

Lúc bấy giờ tất cả trời người ở đường trước bảo quan Đại Thánh Tôn,

遍散七寶真珠香花瓔珞微妙雜繅繽紛如雲。

biến tán thất bảo chân châu hương hoa anh lạc vi diệu tạp thái tân phân như vân 。

biến tan chân châu bảy báu hương hoa anh lạc vi diệu xen lẫn với nhau như mây,

地及虛空悉皆遍滿。哀泣流淚供養如來七寶靈棺。同聲唱言。

địa cập hư không tất giai biến mãn 。

ai khắp lưu lệ cúng dường Như-Lai thất bảo linh quan 。

đồng thanh xưng ngôn 。

đất cùng hư không tất cả đều biến khắp, buồn than khóc lóc rơi lệ cúng dường
linh quan bảy báu Như Lai, đồng thanh xưng rằng:

苦哉苦哉。我等無福。舉佛聖棺遂不能得。

Khổ tai khổ tai 。 ngã đặng vô phúc 。 cử Phật Thánh quan toại bất năng đắc 。
Khổ thay khổ thay! Chúng con vô phước, nâng Thánh quan Phật không thể được,
我等孤露何有善根。爾時世尊大聖金棺。

Ngã đặng cô lộ hà hữu thiện căn 。 Nhĩ thời Thế Tôn Đại Thánh kim quan 。
chúng con cô lộ có thiện căn gì! Lúc bấy giờ kim quan Đại Thánh Thế Tôn,
於娑羅林虛空之中。

ư sa la lâm hư không chỉ trung 。

ở trong hư không giữa rừng sa-la,

徐徐乘空從拘尸城西門而入。爾時拘尸城內一切士女。

từ từ thừa không tòng Câu-thi thành Tây môn nhi nhập 。 Nhĩ thời Câu-thi thành
nội nhất thiết sĩ nữ 。

từ từ nương hư không theo thành Câu-thi bốn cửa mà vào。 Lúc bấy giờ trong thành
Câu-thi tất cả sĩ nữ,

無數菩薩聲聞天人大眾。地及虛空悉皆遍滿。

vô số Bồ Tát Thanh văn Thiên Nhơn Đại chúng 。 địa cập hư không tất giai biến
mãn 。

vô số Bồ-tát Thanh văn, trời người đại chúng, đất cùng hư không tất cả đều biến
khắp。

隨從如來大聖靈棺。互相執手號聲大哭。

tùy tòng Như-Lai Đại Thánh linh quan 。 hổ tương chấp thủ hiệu thanh đại khóc 。

tùy theo linh quan Đại thánh Như Lai, nắm tay cùng nhau khóc la lớn tiếng,
搥胸叫喚啞咽流淚。各持無數香花寶幢幡蓋。

chùy hung khiêu hoán âm yết lưu lệ 。

các trì vô số hương hoa bảo tràng phiên
cái 。

võ ngực kêu gào nghẹn lời rơi lệ, đều đem vô số hương hoa tràng phan bảo cái,

地及虛空悉皆遍滿。悲號哀歎供養靈棺。

địa cập hư không tất giai biến mãn 。

bi hiệu ai thán cúng dường linh quan 。

đất cùng hư không tất cả đều biến cùng khắp, buồn rầu than thở cúng dường linh
quan。

其拘尸那城一面縱廣四十八由旬。爾時如來七寶金棺。

Kỳ Câu-thi na thành nhất diện tủng quảng tứ thập bát do-tuần 。

nhĩ thời Như Lai thất bảo kim quan 。

Thành Câu-thi-na đó, mỗi phía ngang rộng bốn mươi tám do tuần。 Lúc bấy giờ kim
quan bảy báu Như Lai,

徐徐乘空從拘尸城東門而出。

từ từ thừa không tòng Câu-thi thành Đông môn nhi xuất 。

từ từ nương hư không theo cửa Đông thành Câu-thi mà ra,

乘空右繞入城南門。漸漸空行從北門出。

thừa không hữu nhiều nhập thành Nam môn 。

tiệm tiệm không hành tòng Bắc môn
xuất 。

nương vào bên phải hư không vào thành cửa Nam, từ từ không hành theo cửa Bắc mà
ra。

乘空左繞還從拘尸西門而入。如是展轉遶三匝已。

thừa không tả nhiều hoàn tòng Câu-thi Tây môn nhi nhập 。

như thị triển chuyển nhiều tam tạp dĩ 。

nương vào bên trái nhiều xong theo cửa Tây thành Câu-thi mà vào, lần lượt như
thế nhiều ba vòng xong,

乘空徐徐還入西門。乘空而行從東門出。

thừa không từ từ hoàn nhập Tây môn 。

thừa không nhi hành tòng Đông môn xuất 。

theo hư không từ từ trở vào cửa Tây, nương hư không mà đi theo cửa Đông ra.
空行左邊入城北門。漸漸空行從南門出。

Không hành tả nhiều nhập thành Bắc môn 。tiệm tiệm không hành tủng Nam môn xuất 。
Không hành bên trái nhiều vào thành cửa Bắc, lần lần không hành theo cửa phía Nam mà ra.

乘空右邊還入西門。如是展轉邊經四匝。

Thừa không hữu nhiều hoàn nhập Tây môn 。 như thị triển chuyển nhiều Kinh tứ tạp 。
Nương hư không bên phải trở vào cửa Tây, lần lượt như thế nhiều xong bốn vòng。
如是左右邊拘尸城經于七匝。

Như thị tả hữu nhiều Câu-thị thành kinh vu thất tạp 。
Như thế trái phải nhiều thành Câu-thị trái qua bảy vòng。
爾時七寶聖棺當入城時。

Nhĩ thời thất bảo Thánh quan đương nhập thành thời 。

Lúc bấy giờ Thánh quan bảy báu khi đang vào thành,
一切大眾悲號哽咽。各持無數微妙香木。梅檀沈水一切寶香。

nhất thiết Đại chúng bi hiệu ngạnh yết 。

các trì vô số vi diệu hương mộc 。

chiên đàn trầm thủy nhất thiết bảo hương 。

tất cả đại chúng buồn rầu khóc lóc nức nở nghẹn lời, đều đem vô số gỗ hương vi diệu, chiên đàn trầm thủy tất cả bảo hương,

文理香潔普熏世界。

văn lý hương khiết phổ huân thế giới 。

văn lý hương khiết xông khắp thế giới。

復持無數寶幢幡蓋香花瓔珞。至茶毘所悲哀供養。

Phục trì vô số bảo tràng phan cái hương hoa anh lạc 。

chí Trà tỳ sở bi ai cúng dường 。

Lại đem vô số tràng phan bảo cái hương hoa anh lạc, đến chỗ Trà tỳ thương xót cúng dường。

爾時四天王及諸天眾悲泣流淚。各持天上上妙梅檀沈水。

Nhĩ thời tứ Thiên Vương cập chư Thiên chúng bi khắp lưu lệ 。

thượng thượng diệu chiên đàn trầm thủy 。

Lúc bấy giờ Tứ Thiên Vương cùng chư đại chúng buồn rầu khóc lóc rơi lệ, đều đem chiên-đàn trầm thủy thượng diệu trên trời,

表裏香潔芬馥周遍。各五百根大如車輪。

biểu lý hương khiết phân phúc châu biến 。

các ngũ bách căn Đại như xa luân 。

trong ngoài hương khiết mùi thơm cùng khắp, đều năm trăm gốc như bánh xe lớn。
復持一切寶香寶幢寶蓋妙花瓔珞。

Phục trì nhất thiết bảo hương bảo tràng bảo cái diệu hoa anh lạc 。

Lại đem tất cả hương báu tràng báu bảo cái diệu hoa anh lạc

至茶毘所悲哀供養。第二天各一千根。第三天各二千。

chí trà tỳ sở bi ai cúng dường 。

đệ nhị Thiên các nhất thiên căn 。

đệ tam Thiên các nhị thiên 。

đến chỗ Trà tỳ thương tiếc cúng dường, cõi trời thứ hai mỗi một ngàn gốc, cõi trời thứ ba hai ngàn,

第四天各三千。第五天各四千。第六天各五千。

đệ tứ Thiên các tam thiên 。

đệ ngũ Thiên các tứ thiên 。

đệ lục Thiên các ngũ thiên 。

cõi trời thứ tư ba ngàn, cõi trời thứ năm bốn ngàn, cõi trời thứ sáu năm ngàn,及幡花至茶毘所悲哀供養。

cập phan hoa châu-tỳ sở bi ai cúng dường 。

cùng phan cái hương hoa đến chỗ Trà tỳ mà thương khóc cúng dường。
爾時色界無色諸天惟有香花。至茶毘所悲哀供養。

Nhĩ thời sắc giới vô sắc chu Thiên duy hữu hương hoa 。 chí trà tỳ sở bi ai cúng dường 。

Lúc bấy giờ chu thiên Sắc-giới, Vô-sắc chỉ có hương hoa, đến chỗ Trà tỳ thương tiếc cúng dường.

爾時一切世間大眾。

Nhĩ thời nhất thiết thế gian Đại chúng 。

Lúc bấy giờ tất cả đại chúng thế gian,

各持微妙栴檀沈水香花幡蓋。至茶毘所悲哀供養。爾時樓逗。

các trì vi diệu chiên đàn trầm thủy hương hoa phan cái 。

đều đem chiên đàn trầm thủy hương hoa bảo cái, đến chỗ Trà tỳ thương tiếc cúng dường. Lúc bấy giờ Lâu Đâu,

涕泣盈目哀悼無極。從諸天人乞妙香木栴檀沈水。

thế khắp doanh mục ai diệu vô cực 。

khóc lóc sưng mắt buồn đau vô cùng, theo chu Thiên nhân xin gỗ diệu hương chiên đàn trầm thủy,

足六千根。文理香潔芬馥周遍。

túc lục thiên căn 。

đủ sáu ngàn cây, hương văn lý tinh khiết biến khắp mọi nơi

至茶毘所悲哀供養。

Chí Trà tỳ sở bi ai cúng dường 。

đến chỗ Trà tỳ buồn thương cúng dường.

阿耨達池四面縱廣二百由旬出四大河。佛初成道恒河北岸。一樹栴檀隨佛而生。

A nậu đạt trì tứ diện tủng quảng nhị bách do-tuần xuất tứ Đại hà 。

Hồ A-nậu-đạt ngang rộng bốn phía hai trăm do tuần chảy ra bốn sông lớn. Đúc Phật ban đầu thành đạo ở bờ phía bắc sông Hằng, một cây chiên đàn theo Phật mà sanh.

大如車輪高七多羅樹。香氣普熏供養如來。

Đại như xa luân cao thất đa-la thụ 。

Như bánh xe lớn cao bằng bảy cây đa-la, hương thơm xông khắp cúng dường Như Lai.

其香樹神與樹俱生。常取此香供養於佛。

kỳ hương thụ Thần dữ thụ câu sanh 。

Thần cây hương kia cùng cây đều sanh, thường lấy hương này cúng dường đức Phật.

佛入涅槃此一檀樹即隨佛滅。

Phật nhập Niết-bàn thụ nhất đàn thụ túc tùy Phật diệt 。

Phật nhập Niết-bàn, một cây chiên đàn này liền theo Phật mà chết.

皮葉俱落神亦隨死。有諸異神取此香樹。

bì diệp câu lạc Thần diệp tùy tử 。

Vỏ lá đều rụng, Thần cũng chết theo. Có các Thần khác lấy cây hương đây,

送茶毘所悲哀供養。其地乃是三世諸佛茶毘之處。

tống Trà tỳ sở bi ai cúng dường 。

đưa đến chỗ Trà tỳ thương xót cúng dường, đất kia chính là chỗ Trà tỳ của chu Phật ba đời.

大覺世尊乘本願力亦於是處茶毘。

Đại Giác Thế Tôn thừa Bản Nguyện lực diệp ư thị xứ trà tỳ 。

Đại Giác Thế Tôn nương bản nguyện lực cũng ở chỗ đó Trà tỳ.

是處有諸往古諸佛無量寶塔。金剛不壞堅固之處。

Thị xứ hữu chu vãng cổ chu Phật vô lượng bảo tháp 。

Chỗ đó có các bảo tháp vô lượng chu Phật xưa kia, chỗ rất kiên cố kim cương không hoại.

爾時如來大聖寶棺。漸漸空行至荼毘所。

Nhĩ thời Như Lai Đại Thánh bảo quan 。 tiệm tiệm không hành chí trà tì sở 。
Lúc bấy giờ bảo quan Đại thánh Như Lai, từ từ bay lên hư không đến chỗ Trà tỳ,
徐徐垂空下安七寶床上。

từ từ thùy không hạ an thất bảo sàng thượng 。
thong thả từ hư không xuống đặt trên giường bằng bảy thứ báu。

其床一切眾妙瓔珞無價雜綵以為莊嚴。於是時頃復經七日。

Kỳ sàng nhất thiết chúng diệu anh lạc vô giá tạp thái dĩ vi trang nghiêm 。 ư thị
thời khoảnh phục Kinh thất nhật 。

Tất cả các thứ anh lạc vi diệu tốt đẹp vô giá dùng làm trang nghiêm, ngay khi
lúc đó lại trải qua bảy ngày。

爾時拘尸城內一切士女。

Nhĩ thời Câu-thị thành nội nhất thiết sĩ nữ 。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thị tất cả sĩ nữ,
無數菩薩聲聞三十三天一切大眾。悲哀哽咽持諸幡蓋寶幢香花。

vô số Bồ-tát Thanh văn tam thập tam Thiên nhất thiết Đại chúng 。 bi ai ngạnh yết
trì chư phan cái bảo tràng hương hoa 。

vô số Bồ-tát , Thanh văn, ba mươi ba cõi Trời tất cả đại chúng, thương tiếc nghẹn
ngào đem các phan cái tràng báu hương hoa

隨從佛棺經於七日。

tùy tòng Phật quan Kinh ư thất nhật 。

tùy theo quan Phật trải qua bảy ngày。

以佛神力一切天人無飢渴想一無思食。唯見哀泣戀慕如來。

dĩ Phật Thần lực nhất thiết Thiên Nhơn vô cơ khát tưởng nhất vô tư thực 。 duy
kiến ai khắp luyến mộ Như Lai 。

Do thần lực Phật tất cả Trời người không có tưởng đói khát không suy nghĩ ăn
uống, chỉ thấy buồn khóc thương tiếc Như Lai。

既滿七日大聖如來將欲出棺。

Ký mãn thất nhật Đại Thánh Như Lai tương dục xuất quan 。

Đã đủ bảy ngày, Như Lai Đại Thánh sắp muốn xuất quan。

爾時拘尸城內一切士女無數大眾。復大哀泣震動世界。

Nhĩ thời Câu-thị thành nội nhất thiết sĩ nữ vô số Đại chúng 。 phục đại ai khắp
chấn động thế giới 。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thị tất cả sĩ nữ Đại chúng vô số, lại thương tiếc
khóc lóc rất nhiều, chấn động thế giới。

復持香花無數幢蓋微妙天樂。投佛棺前哀咽供養。

Phục trì hương hoa vô số tràng cái vi diệu Thiên nhạc 。 đầu Phật quan tiền ai
yết cúng dường 。

Lại đem hương hoa tràng phan vô số nhạc trời vi diệu, bỏ trước Kim quan Phật
thương tiếc cúng dường。

是時大眾悲哽流淚。

Thị thời Đại chúng bi ngạnh lưu lệ 。

Lúc bấy giờ Đại chúng buồn thương nghẹn ngào rơi lệ,

各以細微白[疊*毛]自障其手深重敬心。

các dĩ tế vi bạch [điệp *mao] tự chướng kỳ thủ thâm trọng kính tâm 。

đều dùng vải trắng mịn màng tự che tay kia tâm cung kính thêm nhiều。

從寶棺中扶於如來紫磨黃金三十二相八十種好堅固不壞金剛之身。

Tùng bảo quan trung phù ư Như Lai tử ma hoàng kim tam thập nhị tướng bát thập
chùng hảo kiên cố bất hoại Kim cương chi thân 。

Từ trong bảo quan dìu thân Kim cương bất hoại ba mươi hai tướng tốt kiên cố, tám
mươi vẻ đẹp vàng ròng tử ma của thân Như Lai

安詳而出置七寶床。

an tường nhi xuất trí thất bảo sàng 。
nhẹ nhàng xuất ra đặt trên giường bảy báu.

爾時大眾重大悲哀。聲震十方普佛世界。

Nhĩ thời Đại chúng trọng đại bi ai 。 thanh chấn thập phương phổ Phật thế giới 。
Lúc bấy giờ Đại chúng lại buồn tủi thương nhớ, tiếng vang cả mười phương khắp
thế giới Phật.

復持一切香花繪蓋音樂深心供養。

Phục trì nhất thiết hương hoa tăng cái âm nhạc thâm tâm cúng dường 。

Lại đem tất cả hương hoa, tắng lụa, âm nhạc cúng dường cung kính,

悶絕哽咽投如來前。是時大眾復更悲咽盈目流淚。

mؤمن tuyệt ngạnh yết đầu Như-Lai tiền 。

Thị thời Đại chúng phục canh bi yết
doanh mục lưu lệ 。

nghẹn ngào ngất xiu lao vào trước chỗ Như Lai. Lúc đó Đại chúng lại thương tiếc
nghẹn ngào khóc lóc sung mắt,

各持無數香水香泥。深重敬心從頭至足。

các trì vô số hương thủy hương nê 。

thâm trọng kính tâm từng đầu chí túc 。

đều đem vô số hương nước hương bột, tâm tôn trọng cung kính từ đầu đến chân,

灌洗如來三十二相八十種好無量福德智慧莊嚴。

quán tầy Như Lai tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo vô lượng phúc đức trí tuệ
trang nghiêm 。

tắm rửa Như Lai ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp vô lượng phước đức trí huệ
trang nghiêm.

金剛堅固紫磨黃金不壞色身。

Kim cương kiên cố tử ma hoàng kim bất hoại sắc thân 。

Kim cương kiên cố vàng ròng sắc tía sắc thân bất hoại.

復洗寶棺微妙清淨。既灌洗已。

Phục tầy bảo quan vi diệu thanh tịnh 。

ký quán tầy dĩ 。

Lại tầy quan báu thanh tịnh vi diệu, đã tầy rửa xong,

是時大眾復大號哭悲哀哽咽。燒微妙香散七寶花。

Thị thời Đại chúng phục Đại hiệu khóc bi ai ngạnh yết 。

thieu vi diệu hương tán
thất bảo hoa 。

lúc đó Đại chúng lại nghẹn ngào khóc lóc thương tiếc, đốt hương vi diệu rải hoa
bảy báu,

無數寶幢幡蓋地及虛空悉皆遍滿。悲哀號泣供養如來。

vô số bảo tràng phan cái địa cập hư không tất giai biến mãn 。

bi ai hiệu khắp
cúng dường Như Lai 。

vô số phan cái bảo tràng dưới đất trên không đều biến khắp cả, thương xót khóc
lóc cúng dường Như Lai.

是時大眾咸哀暗咽。即持無數妙兜羅綿。

Thị thời Đại chúng hàm ai âm yết 。

túc trì vô số diệu đầu la miên 。

Lúc đó Đại chúng nghẹn ngào ngậm ngùi liền đem vô số vi diệu đầu-la bằng lụa

從頭至足纏裹如來金剛色身。既纏身已。

tùng đầu chí túc triển khoả Như-Lai Kim cương sắc thân 。

ký triển thân dĩ 。

từ đầu đến chân quấn vào Sắc thân kim cương Như Lai, đã quấn thân rồi,

復以上妙無價白[疊*毛]千張。

Phục dĩ thượng diệu vô giá bạch [điệp *mao]thiên trương 。

lại dùng vải bông màu trắng vô giá ngàn tấm,

於兜羅上次第相重纏如來身。纏身已訖。

Ư đầu la thượng thứ đệ tướng trọng triển Như Lai thân 。

triển thân dĩ cật 。

Ở trên đầu la, thứ lớp chồng nhau quấn thân Như Lai, quấn thân xong rồi,

是時大眾重大悲哀號哭悶絕。復持香花幡蓋寶幢音樂哽咽供養。

Thị thời Đại chúng trọng Đại bi ai hiệu khóc muện tuyệt . phục trì hương hoa
phiên cái bảo tràng âm nhạc ngạnh yết cúng dường .

lúc đó đại chúng lại buồn rầu khóc lóc kêu gào ngắt xiu, lại đem hương hoa tràng
phan bảo cái âm nhạc nghẹn ngào cúng dường.

是時大眾哀泣流淚深重敬心。

Thị thời Đại chúng ai khắp lưu lệ thâm trọng kính tâm .

Lúc đó đại chúng buồn rầu khóc lóc rơi lệ kính tâm thâm trọng,

各以白[疊*毛]障手暗咽悲哽。共扶如來入寶棺中。

các dĩ bạch [điệp *mao]chướng thủ âm yết bi ngạnh . cộng phù Như-Lai nhập bảo
quan trung .

đều đem bông trắng che tay nghẹn ngào buồn than, cùng nhau nâng thân Như Lai vào
trong quan báu,

注滿香油棺門尋閉。爾時大眾重大悲哀聲震世界。

chú mãn hương du quan môn tâm bế . Nhĩ thời Đại chúng trọng Đại bi ai thanh chân
thế giới .

rót đầy dầu hương cửa quan tìm đóng. Lúc bấy giờ đại chúng lại buồn rầu khóc
than thương tiếc tiếng chấn động cả thế giới.

復持香花幡蓋音樂。號慟悲泣供養寶棺。

Phục trì hương hoa phan cái âm nhạc . hiệu đồng bi khắp cúng dường bảo quan .

Lại đem hương hoa phan cái âm nhạc, gào khóc thảm thiết cúng dường quan báu.

爾時一切大眾所集微妙香木積高須彌。

Nhĩ thời nhất thiết Đại chúng sở tập vi diệu hương mộc tích cao Tu-Di .

Lúc bấy giờ tất cả chỗ vân tập hương mộc vi diệu của Đại chúng chất cao như núi
Tu-di,

芬馥香氣普薰世界。相重密次成大香樓。四面七寶莊嚴。

phân phúc hương khí phổ huân thế giới . tướng trọng mật thứ thành Đại hương lâu .
tứ diện thất bảo trang nghiêm .

mùi hương thơm phúc lan khắp thế giới, lớp lớp chồng nhau thành lầu hương lớn,
bốn phía trang nghiêm bảy báu,

幢蓋幡花瓔珞雜綵。遍空如雲以為莊嚴。

tràng cái phiên hoa anh lạc tạp thái . biến không như vân dĩ vi trang nghiêm .

màn xe cờ lộng lẫn lộn anh lạc, khắp trên hư không như mây dùng làm trang nghiêm.

人天音樂悲哀供養。是時天人大眾。

Nhân Thiên âm nhạc bi ai cúng dường . thị thời Thiên Nhơn Đại chúng .

Âm nhạc nhân thiên buồn khóc cúng dường, lúc bấy giờ Người Trời Đại chúng,

將欲舉棺置香樓上。復大悲哀搥胸大叫聲震大千。

tướng dục cử quan trí hương lâu thượng . phục Đại bi ai trừu hung Đại khiêu
thanh chân Đại Thiên .

sẽ muốn nâng quan đặt trên lầu hương, lại buồn rầu thương tiếc vỡ ngực kêu gào
tiếng động cả đại Thiên.

復持幢蓋香花音樂悲哀供養。

Phục trì tràng cái hương hoa âm nhạc bi ai cúng dường .

Lại đem tràng phan bảo cái âm nhạc hương hoa buồn khóc cúng dường,

是時大眾哀悼悲結深重敬心。各以白疊障手。

Thị thời Đại chúng ai điệu bi kết thâm trọng kính tâm . các dĩ bạch điệp chướng
thủ .

lúc bấy giờ Đại chúng buồn thương tủi nhục kính tâm cúng dường, đều đem vải bông
trắng che tay,

共舉如來大聖寶棺。置於莊嚴妙香樓上。

cộng cử Như-Lai Đại Thánh bảo quan . trí ư trang nghiêm diệu hương lâu thượng .

cùng nâng bảo quan Đại Thánh Như Lai, để trên lầu hương vi diệu trang nghiêm.

復大號泣絕而復穌唱言。苦哉苦哉。何期孤露無有依恃。

Phục Đại hiệu khắp tuyệt nhi phục tô xướng ngôn . khổ tai khổ tai . hà kỳ cô lộ vô hữu y thị .

Lại buồn rầu khóc lóc ngất xỉu rồi tỉnh lại xướng rằng: Khổ thay khổ thay! Thời gian cô lộ không nơi nương tựa, 悲咽流淚。復散香花寶幢幡蓋音樂雜綵。

bi yết lưu lệ . phục tán hương hoa bảo tràng phiên cái âm lạc tạp thái . buồn thương nghẹn ngào rơi lệ, lại rải hương hoa bảo cái tràng phan âm nhạc xen nhau,

一切盡心悲哀供養。爾時如來大聖寶棺。

nhất thiết tận tâm bi ai cúng dường . Nhĩ thời Như Lai Đại Thánh bảo quan . tất cả hết lòng buồn thương cúng dường. Lúc bấy giờ bảo quan Đại Thánh Như Lai, 既上微妙寶香樓已。將欲舉火荼毘如來。

ký thượng vi diệu bảo hương lâu dĩ . tướng dục cử hỏa Trà tỳ Như Lai . đã để trên lầu bảo hương vi diệu rồi, sẽ muốn cầm đuốc Trà tỳ Như Lai. 是時大眾復大號哭驚震大千。

Thị thời Đại chúng phục Đại hiệu khóc kinh chấn Đại Thiên .

Lúc đó Đại chúng lại kêu gào khóc lóc rất lớn chấn động Đại Thiên,

Phục cánh thâm trọng bi ai cung dưỡng Đại Thánh bảo quan cập diệu hương lâu .

Nhĩ thời nhất thiết Đại chúng ai khắp doanh mục .

lại tôn trọng cung kính buồn khóc cúng dường bảo quan Đại Thánh và lầu diệu hương. Lúc bấy giờ tất cả Đại chúng buồn khóc sung mắt

各持七寶香燭大如車輪。

các trì thất bảo hương chúc Đại như xa luân .

đều đem đuốc hương bảy báu lớn như bánh xe,

焰彩光明遍照世界。一時大哭荼毘香樓。

diệm thái quang-minh biến chiếu thế giới . nhất thời đại khóc trà tỳ hương lâu . ngọn lửa quang minh chiếu khắp thế giới, một lúc khóc lớn Trà tỳ lầu hương, 哀震大千一切世界。復以香花遍滿供養。

ai chấn Đại Thiên nhất thiết thế giới . phục dĩ hương hoa biến mãn cúng dường . buồn rầu chấn động Đại Thiên tất cả thế giới, lại đem hương hoa cúng dường khắp cả,

是時寶燭至香樓所自然殄滅。是時一切諸天。

Thị thời bảo chúc chí hương lâu sở tự nhiên diễn diệt . thị thời nhất thiết chư Thiên .

lúc ấy đuốc báu đến chỗ lầu hương tự nhiên cháy hết. Lúc đó tất cả chư Thiên, 復持無上七寶大燭焰光普照。悲哀流淚投香樓所皆悉殄滅。

phục trì vô thượng thất bảo Đại chúc diệm quang phổ chiếu . bi ai lưu lệ đầu hương lâu sở giai tất diễn diệt .

lại đem đuốc lớn bảy báu vô thượng ánh sáng chiếu khắp, buồn khóc rơi lệ rơi vào lầu hương tất cả đều tiêu tan hết.

爾時一切海神。

Nhĩ thời nhất thiết hải Thần .

Lúc bấy giờ tất cả thần biển

持海中火七寶大燭無數光焰。投香樓所亦皆殄滅。是時大眾。

trì hải trung hỏa thất bảo Đại chúc vô số quang diệm . đầu hương lâu sở diệc giai diễn diệt . thị thời Đại chúng .

đem lửa trong biển đuốc lớn bảy báu vô số ánh sáng, vào chỗ lầu hương cũng đều tiêu hết. Lúc đó Đại chúng,

長時號哭一切供養。不知如來何緣未畢。

trường thời hiệu khóc nhất thiết cung dưỡng . bất tri Như-Lai hà duyên vị tất .

quỳ lâu khóc lóc cúng dường tất cả, không biết Như Lai duyên gì chưa hết,

投火香樓荼毘不燃。爾時世尊大悲普潤。

đầu hòa hương lâu Trà tỳ bất nhiên . Nhi thời Thế tôn Đại bi phổ nhuận .
gieo lửa lâu hương Trà tỳ không cháy. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đại bi phổ nhuận,
待迦葉眾來至乃燃。時大迦葉。與五百弟子在耆闍崛山。

đãi Ca-diếp chúng lai chí nãi nhiên . thời Đại Ca-diếp . dữ ngũ bách đệ-tử tại
Kì đồ Quật sơn .

đợi đồ chúng của Ca-diếp đến mới cháy hết. Khi Đại Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử ở
núi Kỳ-xà-quật

去拘尸城五十由旬。身心寂然入于三昧。

khứ Câu-thi thành ngũ thập do-tuần . thân tâm tịch nhiên nhập vu tam muội .
cách thành Câu-thi năm mươi do tuần, thân tâm vắng lặng nhập vào Tam-muội,
於正受中倏爾心驚。舉身戰慄從定中出。

ư chánh thọ trung thúc nhĩ tâm kinh . cử thân chiến lật tòng định trung xuất .
ở trong chánh thọ, thúc liễm thân tâm kinh sợ, khắp thân run sợ chiến đấu từ
trong định ra,

見諸山地皆大震動。即知如來已入涅槃。

kiến chư sơn địa giai Đại chấn động . tức tri Như Lai dĩ nhập Niết-bàn .
thấy các núi đất đều chấn động lớn, liền biết Như Lai đã nhập Niết-bàn,
告諸弟子。我佛大師入般涅槃。時經七日已入棺中。

cáo chư đệ-tử . ngã Phật Đại sư nhập bát Niết-bàn . thời Kinh thất nhật dĩ nhập
quan trung .

mà bảo các đệ tử rằng: Phật, bậc Đại sư của ta đã nhập Bát Niết-bàn, qua bảy
ngày rồi vào trong quan.

苦哉苦哉。應當疾往至如來所。

Khổ tai khổ tai . ung đương tật vãng chí Như Lai sở .

Khổ thay khổ thay, nên phải nhanh đi đến chỗ Như Lai,

恐已荼毘不得見佛三十二相八十種好真淨色身。迦葉。

khủng dĩ Trà tỳ bất đắc kiến Phật tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo chân
tịnh sắc thân . Ca-diếp.

sợ Trà tỳ rồi không thấy được ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp Sắc thân
chơn tịnh của Phật. Ca-diếp!

以敬佛故不敢飛空往如來所。

Dĩ kính Phật cố bất cảm phi không vãng Như Lai sở .

Do kính Phật nên không dám bay trên hư không đến chỗ Như Lai

即將弟子尋路疾行。悲哀速往正滿七日。

tức tương đệ-tử tầm lộ tật hành . bi ai tốc vãng chánh mãn thất nhật .

liền đem đệ tử tìm đường nhanh đi, buồn thương nhanh đi đủ bảy ngày,
至拘尸城城東路首。迦葉。

chí Câu-thi thành thành Đông lộ thủ. Ca-diếp .

đến thành Câu-thi đầu đường thành Đông. Ca-diếp

遇見一婆羅門執一天花隨路而來。迦葉問言。仁者何來。答曰。

ngộ kiến nhất Bà-la-môn chấp nhất Thiên hoa tùy lộ nhi lai Ca-diếp vấn ngôn .
nhân giả hà lai . đáp viết .

gặp thấy một Bà-la-môn cầm một nhánh hoa trời theo đường mà đến, Ca-diếp hỏi
rằng: Nhân giả đến đâu? Đáp rằng:

佛般涅槃我於荼毘所來。復問。此是何花。答言。

Phật bát Niết-bàn ngã ư Trà tỳ sở lai . phục vấn . Thử thị hà hoa . đáp ngôn .

Phật đã nhập Niết-bàn, tôi đến chỗ Trà tỳ về. Lại hỏi: Đây là hoa gì? Đáp rằng:
於荼毘所得此天花。迦葉就乞。答言。不得。

Ư trà tỳ sở đắc thử Thiên hoa . Ca-diếp tỵ khất . đáp ngôn . bất đắc .

Từ chỗ Trà tỳ mà được hoa này đây! Ca-diếp liền xin. Đáp rằng: Không được,
我期將歸擬示六親家中供養。迦葉。

Ngã kỳ tương quy nghĩ kì lục thân gia trung cúng dường . Ca-diếp .

tôi hẹn sẽ trở về định chỉ bảo lục thân trong nhà cúng dường. Ca-diếp
就借著其頂上便即悶絕。昏迷躓地喑咽悲哽。

Tụ tá trú kỳ đỉnh thượng tiện túc muộn tuyệt 。 hôn mê tích địa âm yết bi ngạnh 。
liền từ trên đỉnh kia tức liền ngất xỉu, hôn mê rơi xuống đất buồn thương nghẹn
ngào,
良久乃蘇即自惟忖。

luong cừ nãi tô túc tụ duy thôn 。

rất lâu mới tỉnh liền tụ suy nghĩ:

於此號泣不見如來八十種好紫磨色身。何所追益。即與弟子疾共前進。

Ư thù hiệu khắp bất kiến Như-Lai bát thập chủng hảo tử ma sắc thân 。 hà sở truy
ích 。 túc dữ đệ-tử tạt cộng tiền tiến 。

Ở đây khóc lóc không thấy Sắc thân màu tía tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, chẳng có
lợi ích gì, liền cùng đệ tử nhanh đi đến trước,
至拘尸城北門而入。於其中入一僧坊。

chí Câu-thi thành Bắc môn nhi nhập 。 ư kỳ thành trung nhập nhất tăng phòng 。
đến thành Câu-thi mà vào cửa Bắc. Ở trong thành kia vào một tăng phòng,
見諸比丘叢聚一處。語迦葉言。汝等遠來深勞苦耶。

kiến chư Tỳ-kheo tùng tụ nhất xứ. ngữ Ca-diếp ngôn 。 nhữ đẳng viễn lai thâm lao
khổ da 。

thấy các Tỳ-kheo tụ họp một chỗ, nói với Ca-diếp rằng: Các ông xa đến lao nhọc
khổ ư!

安坐待食。迦葉答言。我之大師已入涅槃。

an tọa đãi thực 。 Ca-diếp đáp ngôn 。 ngã chi Đại sư dĩ nhập Niết-Bàn 。

mời ngồi dùng cơm. Ca-diếp thưa rằng: Đại sư của tôi đã nhập Niết-bàn,

我有何情安此待食。諸比丘言。汝師是誰。答言。

ngã hữu hà tình an thử đãi thực 。 chư Tỳ-kheo ngôn 。 nhữ sư thị thù 。

tôi có lòng nào ngồi đợi dùng cơm! Các Tỳ-kheo nói: Thầy ông là ai? Đáp rằng:

汝不知耶。哀哉痛苦。大覺世尊今已涅槃。

Nhữ bất tri da 。 ai tai thông khổ 。

Ông không biết sao? Thương thay đau khổ! Đại Giác Thế Tôn đã vào Niết-bàn!

比丘聞已各大歡喜而作是言。快哉快哉。

Tỳ-kheo văn dĩ các đại hoan hỷ nhi tác thị ngôn 。 khoái tai khoái tai 。

Tỳ-kheo nghe rồi đều rất vui mừng mà nói lời rằng: Vui thay vui thay!

如來在世禁制我等戒律嚴峻。

Như Lai tại thế cấm chế ngã đẳng giới luật nghiêm tuấn 。

Như Lai còn tại thế ngăn cấm chúng ta nghiêm trì giới luật,

我等甚不堪忍不能依行。今已涅槃嚴峻禁戒已應放捨。

ngã đẳng thậm bất kham nhẫn bất năng y hành 。 kim dĩ Niết-bàn nghiêm tuấn cấm
giới dĩ ung phóng xả 。

chúng ta không kham nhẫn không thể y theo phụng hành, nay đã Niết-bàn nghiêm trì
cấm giới nên buông xả hết,

汝且待食。有何急耶。佛神力故掩諸天耳。

Nhữ thả đãi thực 。 hữu hà cấp da 。 Phật Thần lực cố yểm chư Thiên nhĩ 。

ông tạm đợi ăn có gấp gì đâu? Thần lực Phật bao phủ cả nên chư Thiên

及大迦葉諸弟子等皆悉不聞惡比丘語。

cập Đại Ca-diếp chư đệ-tử đẳng giai tất bất văn ác Tỳ-kheo ngữ 。

và các đệ tử Đại Ca-diếp tất cả đều không nghe lời đó ác Tỳ-kheo,

唯有迦葉獨自聞之。於是迦葉。

duy hữu Ca-diếp độc tụ văn chi 。

chỉ có Ca-diếp một mình nghe được. Lúc đó Ca-diếp,

即將弟子悲泣流淚疾往佛所。是時迦葉與諸弟子竊共思念。

túc tướng đệ-tử bi khắp lưu lệ tạt vãng Phật sở . Thị thời Ca-diếp dữ chư đệ-tử thiết cộng tu niệm .

liền đem đệ tử buồn rầu khóc lóc rơi lệ nhanh đi đến chỗ đức Phật. Lúc ấy Ca-diếp cùng các đệ tử cùng nhau suy nghĩ:

我等如何得諸供物。將至佛所供養如來。

Ngã đẳng như hà đắc chư cung vật . tướng chí Phật sở cúng dường Như Lai .

Chúng con làm sao có được những vật cúng dường, sẽ đến chỗ Phật cúng dường Như Lai?

迦葉復言。我自生長在此城中。乞供養物亦應可得。

Ca-diếp phục ngôn . ngã tự sanh trưởng tại thử thành trung . khát cúng dường vật diệc ứng khả đắc .

Ca-diếp lại nói: Ta tự sanh trưởng ở trong thành này, xin vật cúng dường cũng nên có thể được,

將諸弟子即就城內次第告乞。

Tương chư đệ-tử túc tựu thành nội thứ đệ cáo khát .

đem các đệ tử liền đến trong thành thứ lớp xin,

得妙白 [疊*毛] 足滿千張。復得無數妙兜羅綿。

đắc diệu bạch [điệp *mao] túc mãn thiên trương . phục đắc vô số diệu đầu la miên .

được vài bông trắng mịn màng đầy đủ ngàn tấm, lại được vô số lụa đầu-la vi diệu,復得無量寶花香泥香水香油。

Phục đắc vô lượng bảo hoa hương nê hương thủy hương du .

lại được vô lượng hoa báu hương bột hương nước hương dầu,

寶幢幡蓋音樂弦歌瓔珞雜綵悉皆具足。迦葉與諸弟子悲哀流淚。

bảo tràng phan cái âm nhạc huyền ca anh lạc tạp thái tất giai cụ túc . Ca-diếp dữ chư đệ-tử bi ai lưu lệ .

tràng phan bảo, cái âm nhạc huyền ca xen lẫn anh lạc đều đầy đủ tất cả. Ca-diếp cùng các đệ tử buồn thương khóc lóc rơi lệ,

即持疾往出城西門。

túc trì tạt vãng xuất thành Tây môn .

liền nhanh đi đến ra cửa thành phía Tây.

爾時迦葉即聞茶毘之所一切大眾悲咽號哭。共問帝釋已供養訖。

Nhĩ thời Ca-diếp túc văn Trà tỷ chi sở nhất thiết Đại chúng bi yết hiệu khóc . cộng vấn để thích dĩ cúng dường cật .

Lúc bấy giờ Ca-diếp liền nghe chỗ Trà tỷ, tất cả Đại chúng buồn thương nghẹn ngào khóc lóc, cùng hỏi Đế-thích cúng dường xong rồi.

如何得火然此香樓茶毘如來。帝釋答言。

Như hà đắc hỏa nhiên thử hương lâu trà tỉ Như Lai . Đế Thích đáp ngôn .

Thế nào được lửa đốt lầu hương này để Trà tỷ Như Lai? Đế Thích đáp rằng:

人眾且待。摩訶迦葉即時而至。

Nhân chúng thả đãi . Ma ha Ca-diếp túc thời nhi chí .

Mọi người hãy đợi, Ma-ha Ca-diếp túc thì liền đến,

釋言未訖一切大眾正於哀中即見迦葉。與諸弟子尋路悲來。

Thích ngôn vị cật nhất thiết Đại chúng chánh ư ai trung túc kiến Ca-diếp . dữ chư đệ-tử tầm lộ bi lai .

Đế Thích nói chưa xong tất cả đại chúng đang trong buồn rầu liền thấy Ca-diếp, cùng các đệ tử đang buồn thảm đi đến,

眾即停哀便為開路。迦葉前進遙見佛棺。

chúng túc đình ai tiện vi khai lộ, Ca-diếp tiền tiến dao kiến Phật quan .

cả đoàn liền dừng lại buồn lo liền vì mở đường, Ca-diếp tiến vào phía trước xa thấy quan Phật,

將諸弟子一時禮拜。號哭哽咽悶絕躄地。

tương chu đệ-tử nhất thời lễ bái 。 hiệu khóc ngạnh yết muện tuyệt tích địa 。
đem các đệ tử lễ bái một lúc, khóc lóc nghẹn ngào ngất xiu xuống đất.

昏濁亂心良久乃醒。流淚不勝漸漸前行問大眾言。

hôn trước loạn tâm lương cứu nãi tỉnh 。 lưu lệ bất thắng tiệm tiệm tiền hành vẫn
Đại chúng ngôn 。

**hôn mê tâm loạn rất lâu mới tỉnh, rơi lệ không thôi, từ từ đi về phía trước hỏi
Đại chúng rằng:**

如何得開大悲聖棺。大眾答言。

Như hà đắc khai Đại bi Thánh quan 。 Đại chúng đáp ngôn 。

Làm thế nào được mở Thánh quan Đại bi? Đại chúng đáp rằng:

佛入涅槃已經二七。恐有損壞。如何得開。迦葉答言。

Phật nhập Niết-bàn dĩ kinh nhị thất 。 khủng hữu tổn hoại 。 như hà đắc khai. Ca-
diếp đáp ngôn 。

**Đức Phật nhập Niết-bàn đã trải qua hai tuần, sợ có tổn hoại, như thế làm sao
được mở! Ca-diếp đáp rằng:**

如來之身金剛堅固。常樂我淨不可沮壞。

Như Lai chi thân Kim cương kiên cố 。 thường lạc ngã tịnh bất khả tự hoại 。

**Thân của Như Lai Kim cương kiên cố, Thường Lạc Ngã Tịnh không thể làm trở hoại,
德香芬馥若梅檀山。**

đức hương phân phúc nhược chiên đàn sơn 。

đức hương thơm phúc như núi Chiên đàn.

作是語已涕泗交流至佛棺所。爾時如來大悲平等。為迦葉故棺自然開。

Tác thị ngữ dĩ涕泗交流至佛棺所。爾時如來大悲平等。為迦葉故棺自然開。

**Nói lời ấy rồi giao lưu rơi lệ đến chỗ quan Phật. Lúc bấy giờ Như Lai Đại bi
bình đẳng, vì Ca-diếp nên quan tự nhiên mở ra,**

白[疊*毛]千張及兜羅綿皆即解散。

bạch [điệp *mao] thiên trương cập đầu la miên giai tức giải tán 。

vải trắng ngàn tấm cùng lụa đầu-la đều liền mở ra.

顯出三十二相八十種好真金紫磨堅固色身。

Hiển xuất tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo chân kim tử ma kiên cố sắc thân 。

Hiện rõ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp chơn kim tử ma Sắc thân kiên cố.

迦葉與諸弟子見已。悶絕蹙地暗咽哀哽。

Ca-diếp dữ chu đệ-tử kiến dĩ 。 muện tuyệt tích địa âm yết ai ngạnh 。

Ca-diếp cùng các đệ tử thấy rồi, ngất xiu xuống đất nghẹn ngào buồn thương,

良久乃蘇涕泣盈目。與諸弟子徐上香樓近佛棺邊。

lương cứu nãi tô thể khắp doanh mục 。 dữ chu đệ-tử từ thượng hương lâu cận Phật
quan biên 。

**rất lâu mới tỉnh khóc lóc sung mắt, cùng các đệ tử từ trên lầu hương gần bên
quan Phật,**

復更暗咽號哭悲哽。

phục cánh âm yết hiệu khóc bi ngạnh 。

liền lại khàn khàn khóc lóc nghẹn ngào,

即以所得香花幡蓋寶幢瓔珞。音樂弦歌哀號供養。

tức dĩ sở đắc hương hoa phan cái bảo tràng anh lạc 。 âm nhạc huyền ca ai hiệu
cúng dường 。

**liền đem chỗ được hoa hương phan cái bảo tràng anh lạc, âm nhạc huyền ca khóc
lóc cúng dường.**

即以香泥香水灌洗如來金色之身。燒香散花哀泣供養。

tức dĩ hương nê hương thủy quán tẩy Như Lai kim sắc chi thân 。 thiêu hương tán
hoa ai khắp cúng dường 。

liền dùng hương bột hương nước tắm rửa thân kim sắc của Như Lai, đốt hương rải
hoa, buồn khóc cúng dường,
灌洗已訖。迦葉與諸弟子。

quán tầy dĩ cật 。 Ca-diếp dữ chu đệ-tử 。
tắm rửa xong rồi, Ca-diếp cùng các đệ tử
持其所得妙兜羅綿纏於如來紫磨色身。次以舊綿纏新綿上。

trì kỳ sở đắc diệu đầu la miên triển ư Như Lai tử ma sắc thân 。 thứ dĩ cụ miên
triển tân miên thượng 。

đem chỗ được kia, lụa đầu-la vi diệu quấn vào Sắc thân tử ma của Như Lai, lại
lấy vải cũ quấn lên vải mới,
兜羅纏已。復以所得白[疊*毛]千張。

đâu la triển dĩ 。 phục dĩ sở đắc bạch [điệp *mao]thiên trưng 。

quần đầu-la rồi, lại đem chỗ được vải trắng ngàn tấm,
次第相重於兜羅上纏如來身。纏白[疊*毛]已復持舊[疊*毛]。

thứ đệ tương trùng ư đầu la thượng triển Như Lai thân 。 triển bạch [điệp
*mao]dĩ phục trì cụ [điệp *mao]。

thứ lớp chồng nhau ở trên đầu la quấn thân Như Lai, quần vải trắng rồi lại đem
vải cũ,

著新[疊*毛]上次第相纏。總纏已訖。棺門即閉。

trước tân [điệp *mao]thượng thứ đệ tướng triển 。 tổng triển dĩ cật 。 quan môn
túc bế 。

đắp lên vải mới, thứ lớp quấn nhau, quấn chung xong, cửa quan liền đóng,
七寶瓔珞一切莊嚴。爾時迦葉復重悲哀。

thất bảo anh lạc nhất thiết trang nghiêm 。 Nhĩ thời Ca-diếp phục trọng bi ai 。

anh lạc bảy báu để trang nghiêm tất cả。Lúc bấy giờ Ca-diếp lại buồn rầu khóc
lóc

與諸弟子右繞七匝。盈目流淚長跪合掌。說偈哀歎。
dữ chư đệ-tử hữu nhiều thất tạp 。 doanh mục lưu lệ trường quy hợp chưởng 。

thuyết kệ ai thán 。

cùng các đệ tử đi nhiều bên phải bảy vòng, khóc lóc sung mắt quỳ thẳng chấp tay,
nói kệ buồn than:

苦哉苦哉大聖尊
Khổ tai khổ tai Đại Thánh tôn
Khô thay khô thay Đại Thánh Tôn
世尊滅度一何速

Thế Tôn diệt độ nhất hà tốc
Thế Tôn diệt độ sao nhanh thế!

我於崛山禪定中
Ngã ư quật sơn Thiền định trung
Con ở Quật sơn trong thiền định
又觀見佛已涅槃

Hựu quán kiến Phật dĩ Niết-bàn
Lại nhìn thấy Phật đã Niết-bàn
忽見闍雲遍世界

Hốt kiến ám vân biên thế giới
Bỗng thấy mây che khắp thế giới
即知如來已涅槃

Túc tri Như Lai dĩ Niết-bàn
Liên biết Như Lai đã Niết-bàn
世尊大悲不普我

Thế Tôn Đại bi bất phổ ngã
Đại bi Thế Tôn không nghĩ con
不蒙一言相教告

我今荼毒苦切心

Ngã kim đồ độc khổ thiết tâm
Con nay làm hại khổ thiết tâm.

大悲不能留待我

Đại bi bất năng lưu đãi ngã
Sao không thương xót chờ đợi con.

遍觀如來悉不見

Biên quán Như-Lai tất bất kiến
Khắp nhìn Như Lai đều không thấy.

倏爾心戰大震驚

Thúc nhĩ tâm chiến Đại chấn kinh
Thúc liễm thân tâm kinh động lớn.

復觀山地大震動

Phục đồ sơn địa Đại chấn động
Lại nhìn núi đất chấn động vang.

故我疾來已不見

Cố ngã tật lai dĩ bất kiến
Nên con nhanh đến rồi chẳng thấy!

令我不見佛涅槃

Linh ngã bất kiến Phật Niết-bàn
Khiến con không thấy Phật Niết-bàn.

我今孤露何所依

Bất mộng nhất ngôn tương giáo cáo
Chẳng nói một lời cùng bảo nhau
世尊我今大痛苦
Thế Tôn ngã kim đại thống khổ
Thế Tôn con nay đại thống khổ
我今為禮世尊頂
Ngã kim vi lễ Thế Tôn đỉnh
Con nay đánh lễ đức Thế Tôn
為復敬禮大聖手
Vi phục kính lễ Đại Thánh thủ
Lại đên kính lễ tay Đại Thánh
為復敬禮如來臍
Vi phục kính lễ Như-Lai tề
Lại vì kính lễ rốn Như Lai
何苦不見佛涅槃
Hà khổ bất kiến Phật Niết-Bàn
Sao khổ không thấy Phật Niết-bàn
如來在世眾安樂
Như Lai tại thế chúng an lạc
Như Lai ở đời chúng an lạc
哀哉哀哉深大苦
Ai tai ai tai thâm Đại khổ
Buồn thay buồn thay khổ rất lớn!
爾時迦葉。哽咽悲哀說是偈已。

Nhĩ thời Ca-diếp 。 ngạnh yết bi ai thuyết thị kệ dĩ 。
Lúc bấy giờ Ca-diếp nghẹn ngào buồn thương nói kệ xong,
世尊大悲即現二足千輻輪相。出於棺外迴示迦葉。

Thế Tôn Đại bi tức hiện nhị túc thiên phúc luân tướng 。 xuất ư quan ngoại hồi
thị Ca-diếp 。
Đại bi Thế Tôn liền hiện ra hai chân, ngàn tướng phúc luân ra ở ngoài quan trở
lại chỉ bày Ca-diếp,
從千輻輪放千光明。遍照十方一切世界。

Tùng thiên phúc luân phóng thiên quang-minh 。 biến chiếu thập phương nhất thiết
thế giới 。
từ ngàn phúc luân phóng ngàn ánh sáng, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới。
爾時迦葉與諸弟子。見佛足已。一時禮拜千輻輪相。

Nhĩ thời Ca-diếp dữ chư đệ-tử 。 kiến Phật túc dĩ 。 nhất thời lễ bái thiên phúc
luân tướng 。
Lúc bấy giờ Ca-diếp cùng các đệ tử, thấy chân Phật rồi lễ bái một lúc tướng ngàn
phúc luân,
即更悶絕昏迷躄地。良久乃醒。

túc cánh muộn tuyệt hôn mê tích địa 。 lương cừ nãi tỉnh 。
liền lại ngất xỉu xuống đất hôn mê, rất lâu mới tỉnh,
與諸弟子哀號哽咽右邊七匝。邊七匝已復禮佛足。

dữ chư đệ-tử ai hiệu ngạnh yết hữu nhiều thất tấp 。 nhiều thất tấp dĩ phục lễ
Phật túc 。
cùng các đệ tử gào khóc nghẹn ngào đi nhiều bên phải bảy vòng, nhiều bảy vòng
rồi lại lễ chân Phật,
悲哀哭泣聲震世界。復更說偈哀歎佛足。

bi ai khóc khắp thanh chân thế giới 。 phục cánh thuyết kệ ai tán Phật túc 。
buồn rầu khóc lóc tiếng chân động cả thế giới, liền lại nói kệ tán thán chân
Phật:

如來究竟大悲心

平等慈光無二照

Như Lai cứu cánh Đại bi tâm
Như Lai cứu cánh tâm đại bi
眾生有感無不應
Chúng sanh hữu cảm vô bất ứng
Chúng sanh có cảm sao không ứng?
我今深心歸命禮
Ngã kim thâm tâm quy mạng lễ
Thâm tâm con nay quy mạng lễ
千輻輪中放千光
Thiên phúc luân trung phóng thiên quang
Trong ngàn phúc luân phóng ngàn quang
我今歸依頭面禮
Ngã kim quy y đầu diện lễ
Con nay quy y đầu mặt lễ
眾生遇光皆解脫
Chúng sanh ngộ quang giai giải thoát
Chúng sanh thấy sáng đều giải thoát
我復歸依頭面禮
Ngã phục quy y đầu diện lễ
Con lại quy y đầu mặt lễ
世尊往昔無數劫
Thế Tôn vãng tích vô số kiếp
Thế Tôn xưa kia vô số kiếp
今證得此金剛體
Kim chúng đắc thủ Kim cương thể
Nay chúng được thể kim cương này
悲哀稽首歸命禮
bi ai kê thủ quy mạng lễ
Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ
佛修眾德為一切
Phật tu chúng đức vi nhất thiết
Phật tu chúng đức vì tất cả
四魔降已伏外道
Tứ ma hàng dĩ phục ngoại đạo
Hàng bốn ma rồi phục ngoại đạo
稽首歸依頭面禮
Khê thủ quy y đầu diện lễ
Cúi đầu quy y đầu mặt lễ
佛為一切真慈父
Phật vi nhất thiết chân Từ Phụ
Phật là tất cả chơn Từ phụ
我復歸依頭面禮
Ngã phục quy y đầu diện lễ
Con lại quy y đầu mặt lễ
我遇千輻光明足
Ngã ngộ thiên phúc quang-minh túc
Con gặp ngàn phúc đủ ánh sáng
我復悲哀頭面禮
Ngã phục bi ai đầu diện lễ
Con lại buồn thương đầu mặt lễ
稽首歸依輪足光
Khê thủ quy y luân túc quang
Cúi đầu quy y luân túc quang
敬禮天人歸依足

Bình đẳng từ quang vô nhị chiếu
Từ quang bình đẳng không nhị chiếu.
示我二足千輻輪
Thị ngã nhị túc thiên phúc luân
Hiện rõ hai chân ngàn phúc luân.
千輻輪相二尊足
Thiên phúc luân tướng nhị tôn túc
Tướng ngàn phúc luân nhị Tôn túc.
遍照十方普佛刹
Biển chiếu thập phương phổ Phật sát
Chiếu suốt mười phương khắp cõi Phật.
千輻輪相長光照
Thiên phúc luân tướng trường quang chiếu
Tướng ngàn phúc luân chiếu sáng lớn.
三塗八難皆離苦
Tam đồ bát nan giai ly khổ
Ba đường tám nạn đều lìa khổ.
輪光普救諸惡趣
Luân quang phổ cứu chư ác thú
Ánh sáng cứu khắp các đường ác.
為我等故修苦行
Vị ngã đẳng cố tu khổ hạnh
Vì chúng con nên tu khổ hạnh.
足下由放千光明
Túc hạ do phóng thiên quang-minh
Dưới chân phóng ra ngàn ánh sáng.
安於眾生千輻輪
An ư chúng sanh thiên phúc luân
An ổn chúng sanh ngàn bánh xe.
修道樹日降四魔
Tu đạo thụ nhật hàng tứ ma
Hàng ngày tu đạo hàng bốn ma.
眾生因此得正見
Chúng sanh nhân thử đắc chánh kiến
Chúng sanh nhân đây được chánh kiến.
眾生正見光明足
Chúng sanh chánh kiến quang-minh túc
Chúng sanh chánh kiến đủ ánh sáng.
足光平等度眾生
Túc quang bình đẳng độ chúng sanh
Sáng đủ bình đẳng độ chúng sanh.
平等離苦輪足光
Bình đẳng ly khổ luân túc quang
Lìa khổ bình đẳng đủ vòng sáng.
悲喜交流哀切心
Bi hỷ giao lưu ai thiết tâm
Buồn vui giao lưu thương thiết tâm.
有感千輻輪光相
Hữu cảm thiên phúc luân quang tướng
Có cảm tướng sáng ngàn phúc luân.
乘究竟乘出三界
Thừa cứu cánh thừa xuất tam giới
Nương cứu cánh ra khỏi ba cõi.
輪光普照三有苦
輪光普照 三有苦

Kính lễ Thiên Nhơn quy y túc
Kính lễ Trời người quy y chân
眾生未得脫苦門
Chúng sanh vị đắc thoát khổ môn
Chúng sanh chưa được thoát cửa khổ
我等輪迴未出離
Ngã đẳng Luân-hồi vị xuất ly
Chúng con luân hồi chưa ra khỏi
哀哉哀哉諸眾生
Ai tai ai tai chư chúng sanh
Buồn thay buồn thay các chúng sanh
悔過世尊大慈悲
Hối quá Thế tôn Đại từ bi
Hối tiếc Thế Tôn Đại từ bi
哀哉今遇輪光相
Ai tai kim ngộ luân quang tướng
Buồn thay nay gặp tướng luân quang
爾時迦葉與諸弟子說是偈已。

Nhĩ thời Ca-diếp dữ chư đệ-tử thuyết thị kệ dĩ 。
Lúc bấy giờ Ca-diếp cùng các đệ tử nói bài kệ rồi,
復重悶絕昏迷躄地。良久漸醒。悲哀哽咽不能自裁。

Phục trọng muộn tuyệt hôn mê tích địa 。 lương cửu tiệm tỉnh 。 bi ai ngạnh yết
bất năng tự tài 。

lại hôn mê ngất xiu ngã xuống đất, rất lâu mới tỉnh, buồn thương nghẹn ngào
không thể tự kiềm chế.

大覺世尊千輻輪相金剛雙足。

Đại giác Thế Tôn thiên phúc luân tướng Kim cương song túc 。

Đại Giác Thế Tôn hai chân kim cương, tướng ngàn phúc luân,

還自入棺封閉如故。爾時城內一切士女天人大眾。

hoàn tự nhập quan phong bế như cố 。

Nhĩ thời thành nội nhất thiết sĩ nữ Thiên
Nhơn Đại chúng 。

tự trở vào quan đóng lại như cũ. Lúc bấy giờ trong thành tất cả sĩ nữ trời người
Đại chúng,

見大迦葉復重號哭。搥胸大叫哀震大千無量世界。

kiến Đại Ca-diếp phục trọng hiệu khóc 。

trùy hung Đại khiêu ai chấn Đại Thiên vô
lượng thế giới 。

thấy Đại Ca-diếp lại kêu gào khóc lóc, vỗ ngực kêu lớn bi ai chấn động Đại Thiên
vô lượng thế giới,

各將所持悲哽供養。

các tướng sở trì bi ngạnh cúng dường 。

đều đem vật cần dùng buồn thương cúng dường.

爾時拘尸城內有四力士。

Nhĩ thời Câu-thi thành nội hữu tứ lực sĩ 。

Lúc bấy giờ trong thành Câu-thi có bốn lực sĩ,

瓔珞嚴身持七寶炬。大如車輪焰光普照。

anh lạc nghiêm thân trì thất bảo cụ 。

đại như xa luân diệm quang phổ chiếu 。

thân đeo anh lạc cầm đuốc bảy báu, lớn như bánh xe ánh sáng chiếu khắp,
以焚香樓茶毘如來。炬投香樓自然殄滅。迦葉告言。

dĩ phần hương lâu Trà tỷ Như Lai 。

cụ đầu hương lâu tự nhiên diễn diệt. Ca-diếp
cáo ngôn 。

đem đốt lều hương trà tỷ Như Lai, đuốc vào lều hương tự nhiên cháy hết. Ca-diếp
bảo rằng:

Luân quang phổ chiếu tam hữu khổ

Xe sáng chiếu khắp khổ tam hữu.

皆悉歸命輪光足

Giai tất quy mạng luân quang túc

Tất cả quy mạng luân quang túc.

如何輪足見放捨

Như hà luân túc kiến phóng xả

Luân túc như thế thấy phóng xả!

長夜莫覩輪足光

Trường dạ mạc đồ luân túc quang

Đêm dài chẳng thấy luân túc quang?

示敬千輻輪光足

Thị kính thiên phúc luân quang túc

Rõ kính ánh sáng ngàn phúc luân.

自此當何復再覩

Tự thử đương hà phục tái đồ

Từ đây lúc nào gặp lại được?

大聖寶棺三界之火所不能燒。何況汝力而能燒耶。

Đại Thánh bảo quan tam giới chi hỏa sở bất năng thiêu 。 hà huống nhữ lực nhi năng thiêu da 。

Bảo quan Đại Thánh lửa của ba cõi không thể cháy được, huống gì sức ông mà có thể thiêu ư?

城內復有八大力士。更持七寶大炬光焰。

Thành nội phục hữu bát Đại lực sĩ 。 cánh trì thất bảo đại cự quang diệm 。

Trong thành lại có tám lực sĩ lớn, lại đem ánh sáng đuốc lớn bảy báu,

一切將投棺所亦皆殄滅。

nhất thiết tướng đầu quan sở diệc giai diển diệt 。

tất cả đều bỏ vào chỗ quan cũng đều cháy hết.

城內復有十六極大力士。各持七寶大炬來投香樓亦悉殄滅。

Thành nội phục hữu thập lục cực Đại lực sĩ 。 các trì thất bảo Đại cự lai đầu hương lâu diệc tất diển diệt 。

Trong thành lại có mười sáu lực sĩ rất lớn, đều đem đuốc lớn bảy báu đến bỏ vào lầu hương cũng đều cháy hết.

城內復有三十六極大。

Thành nội phục hữu tam thập lục cực Đại 。

Trong thành lại có ba mươi sáu lực sĩ rất lớn,

力士各持七寶大炬來投亦皆殄滅。

lực sĩ các trì thất bảo Đại cự lai đầu diệc giai diển diệt 。

đều đem đuốc lớn bảy báu đến bỏ vào cũng đều cháy hết.

爾時迦葉告諸力士一切大眾。

Nhĩ thời Ca-diếp cáo chư lực sĩ nhất thiết Đại chúng 。

Lúc bấy giờ Ca-diếp bảo các lực sĩ, tất cả Đại chúng rằng,

汝等當知縱使一切天人所有炬火。不能荼毘如來寶棺。

Nhữ đẳng đương tri túng sử nhất thiết Thiên Nhơn sở hữu cự hỏa 。

Như Lai bảo quan 。

các ông nên biết dầu khiến tất cả trời người có đuốc lớn, chẳng thể trà tỳ bảo quan Như Lai,

汝等不須勞苦強欲為作。

Nhữ đẳng bất tu lao khổ cường dục vi tác 。

các ông chẳng cần lao nhọc cưỡng muốn mà làm.

爾時城內士女天人大眾復重悲哀。各以所持號泣供養。

Nhĩ thời thành nội sĩ nữ Thiên Nhơn Đại chúng phục trọng bi ai 。

Lúc bấy giờ sĩ nữ, trời người, đại chúng trong thành lại buồn rầu thương tiếc, đều đem vật cần dùng khóc lóc cúng dường,

一時禮拜右繞七匝。悲號大哭聲震三千。

Nhất thời lễ bái hữu nhiều thất táp 。

bi hiệu đại khóc thanh chấn tam thiên 。

lễ bái một lúc, đi nhiều bên phải bảy vòng, buồn khóc la lớn tiếng chấn động cả Tam thiên.

爾時如來以大悲力。從心胸中火踊棺外。

Nhĩ thời Như Lai dĩ Đại bi lực 。

Lúc bấy giờ Như Lai dùng sức Đại bi, từ trong ngực tâm lửa tự biến ra ngoài quan,漸漸荼毘經于七日。焚妙香樓爾乃方盡。

tiệm tiệm Trà tỳ kinh vu thất nhật 。

phần diệm hương lâu nhĩ nãi phương tận 。

dần dần trà tỳ, trải qua bảy ngày, đốt lầu diệm hương như thế mới hết.

爾時城內士女天人大眾。於七日間悲號哭泣哀聲不斷。

Nhĩ thời thành nội sĩ nữ Thiên Nhơn Đại chúng 。

ư thất nhật gian bi hiệu khóc khắp ai thanh bất đoạn 。

Lúc bấy giờ sĩ nữ, trời người, Đại chúng trong thành, chùng khoảng bảy ngày buồn kêu la khóc tiếng than không dừng,

各以所持供養不歇。爾時四天王各作是念。

các dĩ sở trì cúng dường bất diệt。Nhĩ thời tứ Thiên Vương các tác thị niệm。đều đem vật cần dùng cúng dường không dứt。Lúc bấy giờ Tứ Thiên Vương đều suy nghĩ rằng:

我以香水注火令滅。急收舍利天上供養。

Ngã dĩ hương thủy chú hỏa linh diệt。cấp thu Xá-lợi Thiên thượng cúng dường。Ta đem nước hương rót vào trong lửa khiến tắt, thu nhặt xá-lợi cúng dường Thiên thượng。

作是念已即持七寶金瓶盛滿香水。

Tác thị niệm dĩ tức trì thất bảo kim bình thịnh mãn hương thủy。

Khởi suy nghĩ ấy rồi liền đem bình vàng bảy báu đựng đầy nước hương,

復將須彌四埵四大香潔出甘乳樹。

phục tướng Tu-Di tứ đoà tứ Đại hương khiết xuất cam nhũ thụ。

lại đem Tu-di bốn đống của bốn núi đại hương tiết ra cây cam nhũ,

樹各千圍高百由旬。隨四天王同時而下至茶毘所。

thụ các thiên vi cao bách do-tuần。tùy tứ Thiên Vương đồng thời nhi hạ chí trà tỳ sở。

mỗi cây ngàn vòng cao trăm do tuần, theo Tứ Thiên Vương đồng thời mà xuống đến chỗ trà tỳ。

樹流甘乳注寫香瓶一時注火。

thụ lưu cam nhũ chú tả hương bình nhất thời chú hỏa。

Cây tiết ra dòng nước ngọt rót về bình hương, rót lửa được một lúc,

注已火勢轉高都無滅也。爾時海神莎伽羅龍王及江神河神。

chú dĩ hỏa thế chuyển cao đô vô diệt dã。nhĩ thời hải Thần toa già la long

Vương cấp giang Thần hà Thần。

rót rồi sức mạnh của lửa chuyển cao đều không diệt vậy。Lúc bấy giờ Thần biển Toa-già-la long vương cùng thần sông thần ngòi,

見火不滅各作是念。我取香水注火令滅。

kiến hỏa bất diệt các tác thị niệm。ngã thủ hương thủy chú hỏa linh diệt。

thấy lửa không tắt đều suy nghĩ rằng: Ta đem hương nước rót vào lửa khiến dập tắt,

急收舍利住處供養。作是念已。

cấp thu Xá-lợi trụ xứ cúng dường。tác thị niệm dĩ。

mau nhặt Xá-lợi cúng dường trú xứ。Khởi suy nghĩ đó rồi,

各持寶瓶盛取無量香水。至茶毘所一時注火。

các trì bảo瓶 thịnh thủ vô lượng hương thủy。chí Trà tỳ sở nhất thời chú hỏa。

liền đem bình báu đựng đầy vô lượng hương nước, đến chỗ Trà tỳ rót vào lửa một thời gian,

注已火勢如故都亦不滅。爾時樓逗諸四天王及海神等。

chú dĩ hỏa thế như cố đô diệc bất diệt。Nhĩ thời Lâu Đâu chư tứ Thiên Vương cấp hải Thần đẳng。

rót rồi đem sức mạnh của lửa như cũ nhưng cũng không dập tắt。Lúc bấy giờ Lâu Đâu, các Tứ Thiên Vương cùng nhiều thần biển,

汝注香水令火滅者。

Nhữ chú hương thủy linh hỏa diệt giả。

ông rót hương nước để làm lửa diệt như vậy

可不欲取舍利還本所居而供養耶。答言。實爾。樓逗語四天王言。

khả bất dục thủ Xá-lợi hoàn bản sở cư nhi cúng dường da。đáp ngôn。Thật nhĩ。Lâu Đâu ngữ tứ Thiên Vương ngôn。

thì có thể không muốn lấy Xá-lợi trở về chỗ cũ mà cúng dường ư? Đáp rằng: Thật vậy! Lâu Đâu nói với Tú Thiên Vương rằng:

汝大貪心。汝居天上舍利隨汝。若在天宮。

Nhữ đại tham tâm 。 nhữ cư Thiên thượng Xá-lợi tùy nhữ 。 nhược tại Thiên cung 。 Ông tâm tham rất lớn! Ông ở trên trời, đem Xá-lợi theo ông, nếu ông ở Thiên cung, địa cư之人如何得往而供養耶。復語海神。

địa cư chi nhân như hà đắc vãng nhi cúng dường da 。 phục ngữ hải Thần 。 người của địa cư phải làm như thế nào được về đó để cúng dường ư? Lại nói Thần biển rằng:

汝等住在大海江河。如來舍利汝收取者。

Nhữ đẳng trụ tại Đại hải giang hà 。 Như Lai Xá-lợi nhữ thu thủ giả 。

Các ông đang ở sông ngòi biển lớn, nếu như ông đem Xá lợi Như Lai

địa cư之人如何得往而供養耶。爾時四天王即皆懺悔。

địa cư chi nhân như hà đắc vãng nhi cúng dường da 。 Nhĩ thời tứ Thiên Vương tức giai sám hối 。

thì người của địa cư làm sao được đến đó để mà cúng dường ư? Lúc bấy giờ Tú Thiên Vương liền đều sám hối,

悔已各還天宮。爾時大海江河神等。

hối dĩ các hoàn Thiên cung 。 Nhĩ thời Đại hải giang hà Thần đẳng 。

sám hối rồi trở lại Thiên cung。Lúc bấy giờ thần sông, thần ngòi, thần biển lớn 皆亦懺悔誠如聖言。悔已各還。

giai diệc sám hối thành như Thánh ngôn 。 hối dĩ các hoàn 。

cũng đều sám hối thật như lời Thánh, sám hối rồi đều trở về chỗ cũ。

大般涅槃經聖軀廓潤品第四

Đại bát Niết bàn Kinh Thánh khu khuếch nhuận phẩm đệ tứ

Kinh Đại-bát-niết-bàn

Phẩm thứ tư: Thân thể bạc Thánh thấm nhuần rộng rãi

爾時帝釋。持七寶瓶及供養具至荼毘所。

Nhĩ thời Đế Thích 。 trì thất bảo bình cập cúng dường cụ chí Trà tỳ sở 。

Lúc bấy giờ Đế Thích đem bình bảy báu và cúng dường đầy đủ đến chỗ Trà tỳ, 其火一時自然滅盡。

kỳ hỏa nhất thời tự nhiên diệt tận 。

lửa kia một lúc tự nhiên hết cháy。

帝釋即開如來寶棺欲請佛牙。樓逗即問。汝何為耶。答言。

Đế Thích tức khai Như Lai bảo quan dục thỉnh Phật nha 。 Lâu Đâu tức vấn 。 nhữ hà vi da 。 đáp ngôn 。

Đế Thích liền mở Bảo quan Như Lai, muốn thỉnh răng Phật。Lâu Đâu liền hỏi: Ông làm gì vậy? Đáp rằng:

欲請佛牙還天供養。樓逗言。莫輒自取。

Dục thỉnh Phật nha hoàn Thiên cúng dường 。 Lâu Đâu ngôn 。 mạc triếp tự thủ 。

Muốn thỉnh răng Phật trở lại cõi trời để cúng dường。Lâu Đâu nói rằng: Chớ tự tại lấy,

可待大眾爾乃共分。釋言。佛先與我一牙舍利。

khả đãi Đại chúng nhĩ nãi cộng phân 。 Thích ngôn 。 Phật tiên dữ ngã nhất nha Xá-lợi 。

có thể đợi Đại chúng mới cùng phân chia。Đế Thích nói: Phật cho tôi trước xá lợi một răng

是以我來火即自滅。帝釋說是語已即開寶棺。

thị dĩ ngã lai hỏa tức tự diệt 。

Đế Thích thuyết thị ngữ dĩ tức khai bảo quan 。 do vậy khi tôi đến thì lửa liền tự tắt。Đế Thích nói lời ấy xong, liền mở Bảo quan,

於佛口中右畔上頷取牙舍利。即還天上起塔供養。

ư Phật khẩu trung hữu bạng thượng hạm thủ nha xá-lợi 。 tức hoàn Thiên thượng khởi tháp cúng dường 。

ở trong miệng Phật trên bờ cằm phải lấy răng xá lợi, liền trở về cõi trời xây tháp cúng dường.

爾時有二捷疾羅刹。隱身隨釋。眾皆不見。

Nhĩ thời hữu nhị tiếp tặc La sát 。 ẩn thân tùy thích 。 chúng giai bất kiến 。

Lúc bấy giờ có hai la sát háo thắng, ẩn thân theo Đê Thích, mọi người đều không thấy.

盜取一雙佛牙舍利。

đạo thủ nhất song Phật nha xá-lợi 。

trộm lấy một đôi răng xá lợi đức Phật.

爾時城內一切士女一切大眾。即一時來欲爭舍利。樓逗告言。

Nhĩ thời thành nội nhất thiết sĩ nữ nhất thiết Đại chúng 。

Lúc bấy giờ tất cả sĩ nữ, tất cả Đại chúng trong thành cùng một lúc đến muốn tranh xá lợi, Lâu Đâu bảo rằng:

大眾當知待且安詳。如佛所說。

Đại chúng đương tri đãi thả an tường 。

Đại chúng nên biết hãy đợi thông thả, như Phật đã dặn

應當如法共分供養。爾時城內士女一切大眾。不聞樓逗所言。

ung đương như Pháp cộng phân cung dưỡng 。

nên biết như pháp cùng chia nhau để cúng dường. Lúc bấy giờ sĩ nữ tất cả đại chúng trong thành không nghe Lâu Đâu nói

乃各執持矛稍弓箭刀劍縹索一切戰具。

nãi các chấp trì mâu sáo cung tiễn đao kiếm quyền sách nhất thiết chiến cụ 。

nên mới mỗi người cầm nắm mâu giáo cung tên đao kiếm lưới võng, tất cả công cụ sủng đạn

各自莊嚴欲取舍利。爾時城內人眾即開佛棺。

các tự trang nghiêm dục thủ xá-lợi 。

đều tự trang nghiêm muốn lấy xá lợi. Lúc bấy giờ dân chúng trong thành liền mở quan Phật,

兜羅白 [疊*毛] 宛然不燒。

đâu la bạch [điệp *mao] uyển nhiên bất thiêu 。

vải bông trắng đầu-la đốt vậy mà vẫn không cháy.

大眾見已復大號哭流淚盈目。各將所持悲哀供養。

Đại chúng kiến dĩ phục Đại hiệu khóc lưu lệ doanh mục 。

Đại chúng thấy vậy lại kêu gào khóc lóc sung mắt rơi lệ, đều đem vật của mình buồn thương cúng dường.

深心禮拜流淚長跪。同說偈讚。

thâm tâm lễ bái lưu lệ trường quy 。

Thâm tâm lễ bái khóc lóc quỳ thẳng, đồng nói kệ khen rằng:

如來以大自在力

於一切世得自在

Như-Lai dĩ Đại tự-tại lực

Ư nhất thiết thế đắc tự-tại

Như Lai nhờ sức đại tự tại

Ở suốt mọi đời được tự tại.

大悲本願處斯土

周旋苦海度眾生

Đại bi Bản Nguyện xứ tư độ

Châu toàn khổ hải độ chúng sanh

Bồn nguyện Đại bi ở cõi này

Biên khổ châu toàn độ chúng sanh.

無量智慧神通力

出沒生死無罣礙

Vô lượng trí tuệ Thần thông lực
Vô lượng trí tuệ thần thông lực
能以一身為多身
Năng dĩ nhất thân vi đa thân
Hay dùng một thân làm nhiều thân
神變普應咸皆見
Thần biến phổ ứng hàm giai kiến
Thần biến khắp nơi nên đều thấy
我等福盡無應緣
Ngã đẳng phúc tận vô ứng duyên
Chúng con phúc hết không ứng duyên
佛於娑羅寶棺中
Phật ở Sa-la, trong Bảo quan
大悲之力自輕舉
Đại bi chí lực tự khinh cử
Sức của Đại bi tự bay lên
乘虛徐遶拘尸城
Thừa hư từ nhiều Câu-thị thành
Nhiều quanh hư không thành Câu-thị
遶已自臨茶毘所
Nhiều dĩ tự lâm trà tỳ sở
Nhiều xong tự đến chỗ Trà tỳ
一切天人莫能測
Nhất thiết Thiên Nhơn mạc năng trắc
Hết thầy người trời chẳng thể lường
金剛不壞力自在
Kim cương bất hoại lực tự-tại
Kim cương không hoại sức tự tại
自於心中出慈火
Tự ở tâm trung xuất từ hỏa
Tự ở trong tâm phát lửa từ
人天不能滅此火
Nhân Thiên bất năng diệt thử hỏa
Người trời không thể diệt lửa này
帝釋來至火便滅
Đế Thích lai chí hỏa tiện diệt
Đế Thích lại đến lửa liền diệt
大火焚燒都不燃
Đại hỏa phân thiêu đô bất nhiên
Đại hỏa thiêu đốt vẫn không cháy
火中儼然而不燒
Hỏa trung nghiễm nhiên nhi bất thiêu
Đốt trong núi lửa nhưng không cháy
於法自在為法王
Ở Pháp tự-tại vi Pháp Vương
Vói pháp tự tại là Pháp vương
敬禮聖中無畏者
Kính lễ Thánh trung vô úy giả
Kính lễ Thánh trung, bậc vô úy
敬禮神變自在者
Kính lễ Thần biến tự-tại giả
Kính lễ thần biến bậc tự tại
沒苦無能見救護

Xuất một sanh tử vô quái ngại
Ra khỏi sanh tử không quái ngại.
多身一身為無量
đa thân nhất thân vi vô lượng
Nhiều thân một thân làm vô lượng.
無緣即現入涅槃
Vô duyên tức hiện nhập Niết-bàn
Hết duyên liền hiện nhập Niết-bàn.
故乃如來見放捨
Cố nãi Như-Lai kiến phóng xả
Nên chính Như Lai thấy buông bỏ.
大力士舉皆不起
Đại lực sĩ cử giai bất khởi
Đại lực sĩ cử đều không nổi.
昇空高一多羅樹
Thăng không cao nhất đa-la thụ
Trên không cao một cây đa la.
七日大聖遶七匝
Thất nhật Đại Thánh nhiều thất tạp
Bảy ngày Đại Thánh nhiều bảy vòng.
不共神力所施為
Bất cộng Thần lực sở thí vi
Thần lực thể hiện không cùng tận
佛於大般涅槃中
Phật ở Đại bát Niết bàn trung
Đại-bát Niết-bàn, Phật ở trong.
一切茶毘火不然
Nhất thiết Trà tỳ hỏa bất nhiên
Tất cả trà tỳ lửa không cháy.
焚燒七日示現盡
Phân thiêu thất nhật thị hiện tận
Bảy ngày lửa cháy, thị hiện hết.
如來大悲示應力
Như Lai Đại bi kì ứng lực
Như Lai Đại bi thị ứng lực.
妙兜羅綿纏佛身
Diệu đầu la miên triển Phật thân
Lụa lưới vi diệu quấn thân Phật.
白[疊*毛]隨佛寶棺內
bạch [điệp *mao] tùy Phật bảo quan nội
Bông trắng theo Phật vào Bảo quan
方知如來自在力
Phương tri Như-Lai tự-tại lực
Mới biết Như Lai lực tự tại.
敬禮大悲三界尊
Kính lễ Đại bi tam giới tôn
Kính lễ Đại bi tam giới tôn.
敬禮普覆大慈力
Kính lễ phổ phúc Đại từ lực
Kính lễ trùm khắp lực Đại từ.
我等從今離世尊
Ngã đẳng tòng kim ly Thế tôn
Chúng con từ nay xa Thế Tôn.
哀哉哀哉大聖尊

Một khổ vô năng kiến cứu hộ
Gặp khổ không hay thấy cứu hộ
方今長別何由見

Ai tai ai tai Đại Thánh tôn
Ai tai ai tai Đại Thánh tôn!

Phương kim trường biệt hà do kiến
Nay con trường biệt đâu thấy nữa?
爾時大眾說是偈已。

Nhĩ thời Đại chúng thuyết thị kệ dĩ 。
Lúc bấy giờ Đại chúng nói thị kệ xong,
重復悲泣各以所持盡哀供養。爾時樓逗普為天人一切大眾。

trọng phục bi khắp các dĩ sở trì tận ai cúng dường 。 Nhĩ thời Lâu Đâu phỏ vi
Thiên Nhơn nhất thiết Đại chúng 。

lại buồn rầu khóc lóc đem hếtănngx gì mình đang cầm đều cúng dường hết. Lúc bấy
giờ Lâu Đâu khắp vì người trời, tất cả Đại chúng,
與城內人共於棺所。徐舉白[疊*毛]及兜羅綿。

dũ thành nội nhân cộng ư quan sở 。 từ cử bạch [điệp *mao]cập đầu la miên 。

và người trong thành cùng ở chỗ quan, Ca-diếp thông thả đưa bông trắng và lụa
đâu-la,
其迦葉等白[疊*毛]千張火全不燒。其城內人白[疊*毛]千張。

kỳ Ca-diếp đấng bạch [điệp *mao]thiên trương hỏa toàn bất thiêu 。

kỳ thành nội nhân bạch [điệp *mao]thiên trương 。

vải trắng ngàn tấm đốt toàn bộ mà không không cháy nhưng vải bông trắng ngàn tấm
của người trong thành kia
除外一重餘者灰燼。其兜羅綿宛然如故。

trừ ngoại nhất trọng dư giả khô tẫn 。

kỳ đầu la miên uyển nhiên như cổ 。

trừ một lớp ngoài ra, còn lại cháy hết thành tro, lụa đầu-la vẫn y nhiên như cũ。
爾時樓逗取此白[疊*毛]及兜羅綿細破分之。

Nhĩ thời Lâu Đâu thủ thủ bạch [điệp *mao]cập đầu la miên tế phá phân chi 。

Lúc bấy giờ Lâu Đâu lấy vải bông trắng này và lụa đầu-la kia cắt nhỏ phân chia
與諸大眾令起寶塔而供養之。

dũ chư Đại chúng lệnh khởi bảo tháp nhi cúng dường chi 。

cho các Đại chúng, khiến xây bảo tháp mà cúng dường。

樓逗復取[疊*毛]灰亦細分眾。令起寶塔而供養之。

Lâu Đâu phục thủ [điệp *mao]hôi diệc tế phân chúng 。

linh khởi bảo tháp nhi cúng dường chi 。

Lâu Đâu lại lấy tro vải bông trắng cũng phân chia cho mọi người, khiến xây bảo
tháp mà cúng dường。

其餘燼灰無復得分。眾各自取起塔供養。

Kỳ dư tẫn hôi vô phục đắc phân 。

chúng các tự thủ khởi tháp cúng dường 。

Ngoài tro tàn kia lại không được phânnômì người đều tự lấy đem về xây tháp cúng
dường 。

其城內人先已遣匠。造八金壇八師子座。各以七寶而為莊嚴。

Kỳ thành nội nhân tiên dĩ khiển tượng 。

tạo bát kim đàn bát sư tử tọa 。

các dĩ thất bảo nhi vi trang nghiêm 。

Người trong thành kia trước hết sai những người thợ giỏi làm tám Kim đàn, tám
tòa Sư tử, mỗi tòa đều đem bảy báu mà trang nghiêm。

其七寶壇各受一斛。各置七寶師子座上。

Kỳ thất bảo đàn các thợ nhất hộc 。

các trí thất bảo Sư-tử tọa thượng 。

Đàn bảy báu kia đều nhận một hộc, đều để trên tòa sư tử bảy báu。

其八師子七寶之座。座別各有三十二力士。

kỳ bát sư tử thất bảo chi tọa 。

tọa biệt các hữu tam thập nhị lực sĩ 。

Tám tòa sư tử bảy báu kia, mỗi tòa đều có ba mươi hai lực sĩ,
各嚴七寶瓔珞雜綵纏身。共舉七寶八師子座。

các nghiêm thất bảo anh lạc tạp thải triền thân 。 cộng cử thất bảo bát su từ tọa 。

mỗi tòa được trang nghiêm anh lạc bảy báu xen lẫn quần thân, cùng nâng tám tòa su từ bảy báu,

座上復各有八姝女。

tọa thượng phục các hữu bát thể nữ 。

trên tòa đều lại có tám thể nữ,

身嚴七寶瓔珞雜綵持七寶壇。座上復各有八姝女。

thân nghiêm thất bảo anh lạc tạp thải trì thất bảo đàm 。

tọa thượng phục các hữu bát thể nữ 。

chuỗi anh lạc bằng bảy báu xen lẫn trang nghiêm thân đem đàm bảy báu, trên tòa đều lại có tám thể nữ,

嚴身瓔珞執七寶蓋覆金壇上。座上復各有八姝女。

nghiêm thân anh lạc chấp thất bảo cái phúc kim đàm thượng 。

tọa thượng phục các hữu bát thể nữ 。

chuỗi anh lạc trang nghiêm thân cầm lộng bảy báu che lên kim đàm, trên tòa lại có tám thể nữ với

身嚴瓔珞持七寶劍衛七寶壇。座上復各有八姝女。

thân nghiêm anh lạc trì thất bảo kiếm vệ thất bảo đàm 。

tọa thượng phục các hữu bát thể nữ 。

chuỗi anh lạc trang nghiêm thân đang cầm kiếm bảy báu bảo vệ đàm thất bảo. Trên

tòa đều lại có tám thể nữ

身嚴瓔珞執雉毛纛豎壇四面。

thân nghiêm anh lạc chấp trĩ mao đao thọ đàm tứ diện 。

có chuỗi anh lạc trang nghiêm thân đang cầm cờ lông chim trĩ dựng bốn phía đàm.

座別各有無量人眾。

tọa biệt các hữu vô lượng nhân chúng 。

Riêng mỗi tòa đều có vô lượng dân chúng

持妙音樂幢幡寶蓋香花瓔珞圍遶供養。座各復有無量人眾。

trì diệu Âm nhạc tràng phan bảo cái hương hoa anh lạc vi nhiều cúng dường 。

tọa các phục hữu vô lượng nhân chúng 。

đem âm nhạc tràng phan bảo cái hương hoa anh lạc vi diệu vây quanh cúng dường.

Mỗi tòa lại có vô lượng dân chúng

各持弓箭矛稍繩索長鉤一切戰具而圍遶之。

các trì cung tiễn mâu sáo quyền tác trường câu nhất thiết chiến cụ nhi vi nhiều chi 。

cầm mâu giáo cung tên lưới võng tất cả công cụ súng đạn vây quanh,

從拘尸城前後圍遶向荼毘所。

tùng Câu-thi thành tiền hậu vi nhiều hướng trà tì sở 。

từ thành Câu-thi vây quanh trước sau hướng đến chỗ Trà tỳ.

其八師子七寶之座出城去後。城內人眾即持無數香泥香水。

Kỳ bát sư tử thất bảo chi tọa xuất thành khứ hậu 。

thành nội nhân chúng tức trì vô số hương nê hương thủy 。

Tòa bảy báu của tám su từ đó, ra thành đi về phía sau, mọi người trong thành

liền đem vô số hương bột hương nước,

尋力士後平治塗地作香泥路。廣博嚴事向荼毘所。

tầm lực sĩ hậu bình trị đồ địa tác hương nê lộ 。

quảng bác nghiêm sự hướng trà tì sở 。

tầm phía sau các lực sĩ có lối đi bằng phẳng tạo thành con đường hương bùn, rộng

lớn trang nghiêm hướng về chỗ Trà tỳ.

其路兩邊無數寶幢幡蓋香花。

Kỳ lộ lượng biên vô số bảo tràng phan cái hương hoa 。

Hai bên đường này có vô số tràng phan bảo cái hương hoa,
真珠瓔珞眾妙雜綵。音樂弦歌嚴飾路邊。

chân châu anh lạc chúng diêu tạt thể 。 âm nhạc huyền ca nghiêm sức lộ biên 。
chân châu chuỗi ngọc ,nhiều thứ tốt đẹp lẫn lộn, âm nhạc huyền ca nghiêm sức bên
đường,
儼然供養待大聖尊舍利而還。

nghiêm nhiên cúng dường đấng Đại Thánh tôn Xá-lợi nhi hoàn 。
trang trọng cúng dường chờ đợi xá lợi Đại Thánh tôn mà trở lại。
其諸力士持八師子七寶之座。圍遶至茶毘所。

Kỳ chư lực sĩ trì bát sư tử thất bảo chi tọa 。 vì nhiều chí trà tì sở 。
Các lực sỹ bảo vệ tòa Sư tử bảy báu nhiều quanh đến chỗ Trà tỳ
即大哀泣號哭哽咽聲震大千。各以所持深心供養。

tức Đại ai khắp hiệu khóc ngạnh yết thanh chân Đại Thiên 。 các dĩ sở trì thâm
tâm cúng dường 。
liền buồn rầu khóc lóc nghẹn ngào, tiếng chân động đại thiên, đều đem đồ vật của
mình cúng dường。
爾時世尊大悲力故。碎金剛體成末舍利。

Nhĩ thời Thế Tôn Đại bi lực cố 。 toái Kim cương thể thành mặt Xá-lợi 。
Lúc bấy giờ sức Đại bi của Thế Tôn, nghiền nát thể kim cương thành xá lợi vụn,
惟留四牙不可沮壞。

duy lưu tứ nha bất khả tự hoại 。
chỉ giữ lại bốn răng không thể tự hoại。
爾時大眾既見舍利復重悲哀。以其所持流淚供養。爾時樓逗。

Nhĩ thời Đại chúng ký kiến Xá-lợi phục trọng bi ai 。 dĩ kỳ sở trì lưu lệ cúng
dường 。 Nhĩ thời Lâu Đâu 。
Lúc bấy giờ đại chúng đã thấy Xá lợi lại buồn rầu khóc lóc, dùng những vật đang
nắm giữ, rơi lệ cúng dường。 Lúc bấy giờ Lâu Đâu
與城內人涕泣盈目收取舍利。著師子座七寶壇中。

dữ thành nội nhân thể khắp doanh mục thu thù Xá-lợi 。 trừ Sư-tử tọa thất bảo đàm
trung 。
cùng người trong thành khóc lóc sung mắt, thân lấy xá lợi, mặc tòa sư tử trong
đàn bảy báu,
滿八金壇舍利便盡。爾時一切天人大眾。

mãn bát kim đàm Xá-lợi tiện tận 。 Nhĩ thời nhất thiết Thiên Nhơn Đại chúng 。
đủ tám đàm vàng xá lợi vừa hết。 Lúc bấy giờ tất cả đại chúng Trời người
見佛舍利入金壇中。重更悲哭泣流淚。

kiến Phật Xá-lợi nhập kim đàm trung 。 trọng canh bi khóc thể khắp lưu lệ 。
thấy xá lợi của đức Phật trong tám đàn vàng, lại buồn rầu khóc lóc rơi lệ
各將所持深心供養。爾時城內諸大力士及諸士女。

các tướng sở trì thâm tâm cúng dường 。 Nhĩ thời thành nội chư Đại lực sĩ cập chư
sĩ nữ 。

ai cũng đem lễ vật đang giữ mà hết lòng cúng dường。 Lúc bấy giờ các đại lực sĩ
cùng các sĩ nữ trong thành
將欲持佛舍利金壇向拘尸城。

tướng dục trì Phật Xá-lợi kim đàm hướng Câu-thi thành 。
muốn đem đàm vàng Xá lợi của Phật đến thành Câu-thi。
爾時大眾復重悲哀。各將所持流淚供養。

Nhĩ thời Đại chúng phục trọng bi ai 。 các tướng sở trì lưu lệ cúng dường 。
Lúc ấy Đại chúng lại buồn rầu khóc lóc đều đem sở trì rơi lệ cúng dường。
爾時城內諸大力士及圍遶眾并城內人悲咽流淚。

nhĩ thời thành nội chư Đại lực sĩ cập vì nhiều chúng tinh thành nội nhân bi yết
lưu lệ 。

Bấy giờ các đại lực sĩ trong thành cùng chúng vây quanh và người trong thành
buồn rầu nghẹn ngào rơi lệ,
舉八師子七寶之座。隨香泥路迴向拘尸。

cử bát sư tử thất bảo chi tọa 。 tùy hương nê lộ hồi hương Câu-thi 。
nâng tám tòa sư tử bảy báu theo đường Hương bùn hương đến Câu-thi。
爾時一切人天大眾。復大悲哀聲震世界。

Nhĩ thời nhất thiết nhân Thiên Đại chúng 。 phục Đại bi ai thanh chấn thế giới 。
Lúc bấy giờ tất cả Trời người đại chúng, lại rất buồn rầu tiếng chấn động cả thế
giới
各將所持隨從舍利哀號供養。

các tướng sở trì tùy tùng xá-lợi ai hiệu cúng dường。
đều đem sở trì tùy tùng xá lợi kêu gào cúng dường。
如來舍利至城內已置四衢道中。爾時拘尸城人。即嚴四兵無數軍眾。

Như Lai xá-lợi chí thành nội dĩ trí tứ cù đạo trung 。 nhĩ thời Câu-thi thành
nhân 。 tức nghiêm tứ binh vô số quân chúng 。
Xá lợi Như Lai đến trong thành rồi đặt trong bốn đường cái lớn. Lúc đó người
thành Câu-thi, tức liền trang nghiêm bốn hạng binh quân với số lượng vô số,
身著甲鎧各執戰具。遶拘尸城四面周匝。

thân trước giáp khải các chấp chiến cụ 。 nhiều Câu-thi thành tứ diện châu tạp 。
thân mang áo giáp, tay cầm chiến cụ, nhiều thành Câu-thi vòng quanh bốn phía,
無數重兵儼然而住。擬防外人來抄掠故。

Vô số trọng binh nghiêm nhiên nhi trụ 。 nghĩ phòng ngoại nhân lai sao lược cổ 。
binh lính vô số uy nghiêm mà đứng, phòng thù người ngoài đến cướp bóc vậy,
雖為儀式無戰諍心。復有五百大呪術師。

tuy vi nghi thức vô chiến tránh tâm 。 phục hữu ngũ bách Đại chú thuật sư 。
tuy là hình thức bên ngoài như vậy nhưng tâm không chiến tranh, lại có năm trăm
sư Đại chú thuật,
守城四門。為遮難故。復有無數寶幢幡蓋。

thủ thành tứ môn 。 vi già nan cổ 。 phục hữu vô số bảo tràng phan cái 。
giữ bốn cửa thành cũng là để ngăn ngừa vậy. Lại có vô số bảo cái tràng phan,
微妙莊嚴大雉毛纛。於城四維儼然供養。為標式故。

vi diệu trang nghiêm Đại trí mao đạo 。 ư thành tứ duy nghiêm nhiên cúng dường 。
vi tiêu thức cổ 。

cờ lớn làm bằng lông chim trí thật trang nghiêm vi diệu, uy nghi bốn góc thành
để cúng dường。

爾時城內一切士女天人大眾。復大悲哀。

Nhĩ thời thành nội nhất thiết sĩ nữ Thiên Nhơn Đại chúng 。 phục Đại bi ai 。
Lúc bấy giờ tất cả Đại chúng sĩ nữ trời người trong thành lại rất buồn rầu
各將所持深心供養。

các tướng sở trì thâm tâm cúng dường 。

đem sở trì thâm tâm cúng dường。
其舍利壇置師子座經于七日。於七日中一切大眾。日夜悲號哀聲不斷。

Kỳ xá-lợi đàm trí Sư-tử tọa Kinh vu thất nhật 。 ư thất nhật trung nhất thiết Đại
chúng 。 nhật dạ bi hiệu ai thanh bất đoạn 。

Đàm xá lợi đó được để vào tòa sư tử trải qua bảy ngày. Trong bảy ngày kia tất cả
đại chúng, ngày đêm khóc lóc thét gào tiếng kêu không dứt
盡以所持深心供養。其八師子七寶之座。

tận dĩ sở trì thâm tâm cúng dường 。 kỳ bát sư tử thất bảo chi tọa 。

đều đem sở trì thâm tâm cúng dường, tám tòa sư tử bảy báu kia
各有五百大呪術師各共持之。

các hữu ngũ bách Đại chú thuật sư các cộng trì chi 。

đều có năm trăm Thầy Đại chú thuật đều cùng bảo vệ,

遮有天龍夜叉神鬼來欺奪故。經七日間。

già hữu Thiên Long dạ xoa Thần quỷ lai khi đoạt cố 。 Kinh thất nhật gian 。
ngăn trời rồng, dạ xoa, thần quỷ đến cướp đoạt, trải qua bảy ngày như vậy.
爾時如來本生眷屬。迦毘羅國王諸釋種等。

Nhĩ thời Như Lai bốn sanh quyến thuộc。Ca tì la Quốc Vương chư Thích chủng đẳng 。
Lúc bấy giờ bà con, quyến thuộc của Như Lai, Vua nước Ca-tỳ-la các dòng họ
Thích,

佛神力故都不覺知佛入涅槃。佛涅槃後經三七日爾乃方知。

Phật Thần lực cố đô bất giác tri Phật nhập Niết-Bàn 。 Phật Niết-Bàn hậu Kinh tam
thất nhật nhĩ nãi phương tri 。

do thần lực của Phật nên họ đều không biết được Phật nhập Niết-bàn. Sau khi đức
Phật Niết-bàn, trải qua hai mươi một ngày họ mới biết được.

時彼國王諸釋種等。

Thời bị Quốc Vương chư thích chủng đẳng 。

Khi quốc vương, con cái dòng họ Thích

悲哭號泣即共疾來至拘尸城。見諸兵眾無數千人圍繞城外。

bi khóc hiệu khắp tức cộng tập lai chí Câu-thi thành 。

kiến chư binh chúng vô số thiên nhân vây quanh thành ngoại 。

buồn rầu khóc lóc liền cùng đi nhanh đến thành Câu-thi, thấy các binh chúng vô

số ngàn người vây quanh ngoài thành,
復見寶幢幡蓋列城四維映蔽國界。

復見大呪術師守城四門。王及釋等問呪師言。佛涅槃耶。

Phục kiến Đại chú thuật sư thủ thành tứ môn 。

Wang cập Thích đẳng vấn chú sư ngôn 。

Phật Niết-Bàn da 。

Lại thấy đại sư chú thuật giữ bốn cửa thành, Vua cùng dòng tộc Thích-ca v.v..

hỏi Thầy chú thuật rằng: Đức Phật Niết-bàn sao?

答云。佛涅槃來過四七日。

Đáp vân 。

Đáp rằng: Phật Niết-bàn đến nay quá bốn tuần,
茶毘已竟將分舍利。王言。我等是佛所生眷屬。

Trà tỳ dĩ cánh tướng phân Xá-lợi 。

ngã đẳng thị Phật sở sanh quyến thuộc。

trà tỳ xong rồi lại đem xá lợi phân chia. Vua nói: Chúng tôi là bà con đức Phật ở sanh thế,

佛神力故令我不知如來涅槃。我今欲見如來舍利。

Phật Thần lực cố linh ngã bất tri Như-Lai Niết-bàn 。

ngã kim dục kiến Như Lai Xá-lợi 。

thần lực của Phật khiến con không biết Như Lai Niết-bàn, tôi nay muốn thấy xá lợi Như Lai,

卿可開路令我得入。呪師兵眾聞是語已即聽入城。

Khanh khả khai lộ lệnh ngã đắc nhập 。

chú sư binh chúng văn thị ngữ dĩ tức thỉnh nhập thành 。

khanh có thể mở đường khiến ta được vào, binh chúng chú sư nghe lời ấy xong liền cho vào thành.

王及釋種得入城已。見佛舍利在師子座。

Wang cập Thích chủng đắc nhập thành dĩ 。

kiến Phật Xá-lợi tại Sư-tử tọa 。

Vua cùng dòng họ Thích vào thành rồi, thấy xá lợi của đức Phật ở tòa sư tử, 悲號哽咽涕淚交流右邊七匝。

bi hiệu ngạnh yết thế lệ giao lưu hữu nhiều thất tấp 。

buồn rầu gào khóc nện ngào rơi lệ giao nhiều bên phải bảy vòng

遶七匝已收淚而言。我今欲請如來舍利一分將還供養。

nhiều thất tạt dĩ thu lệ nhi ngôn 。 Ngã kim dục thỉnh Như-Lai Xá-lợi nhất phân tướng hoàn cúng dường 。

đi quanh bảy vòng rồi lau nước mắt mà thưa rằng: Tôi nay muốn thỉnh một phần xá lợi của Như Lai sẽ đem về cúng dường.

大眾答曰。雖知汝是釋種眷屬。

Đại chúng đáp viết 。 tuy tri nữ thị thích chủng quyền thuộc 。

Đại chúng đáp rằng: Mặc dù biết ngài là bà con của dòng họ Thích,

然佛世尊先已有言。分布舍利未見及汝。各有請主。

nhiên Phật Thế tôn tiên dĩ hữu ngôn 。 phân bố Xá-lợi vị kiến cập nữ 。 các hữu thỉnh chủ 。

nhưng Phật Thế Tôn trước đã có dạy phân bố xá lợi chưa thấy phần của ngài. Tất cả đều có thỉnh chủ rồi,

汝如何得汝可還耶。爾時王及釋種不果所請。

Nhữ như hà đắc nữ khả hoàn da 。 Nhi thời Vương cập Thích chủng bất quả sở thỉnh 。

nếu như ngài muốn được xá lợi thì làm sao mà có đây? Lúc bấy giờ Vua cùng con cháu dòng dõi Thích-ca không có thỉnh được,

號哭悲哀悶絕躋地。良久乃醒。悲不自勝。

hiệu khóc bi ai muộn tuyệt tích địa 。 lương cửu nãi tỉnh 。 bi bất tự thắng 。

liên khóc lóc kêu gào ngất xỉu xuống đất, rất lâu mới tỉnh buồn không tự kiểm chế mà

語眾人言。如來世尊是我釋種。愍汝等故於此涅槃。

Ngữ chúng nhân ngôn 。 Như Lai Thế Tôn thị ngã Thích chủng 。 mẫn nữ đẳng cố u thù Niết-Bàn 。

nói với mọi người rằng: Như Lai Thế Tôn là dòng họ Thích-ca của ta, vì thương chúng ta nên ở Niết-bàn đây.

汝等如何見有欺忽。乃不分我一分舍利。

Nhữ đẳng như hà kiến hữu khi hốt 。 nãi bất phân ngã nhất phân Xá-lợi 。

Các ông thế nào thấy có xem thường mà không để ý, cho đến không phân một phần xá lợi cho ta!

作是語訖。各禮舍利。右遶七匝悲泣流淚。

Tác thị ngữ cật 。 các lễ Xá-lợi 。 hữu nhiều thất tạt bi khắp lưu lệ 。

Nói lời ấy xong đều đánh lễ xá lợi, nhiều phải bảy vòng buồn rầu khóc lóc rơi lệ, sinh忿恨心慨悼還家。

sinh phần hận tâm khái điệu hoàn gia 。

sinh tâm giận dữ khảng khái xúc động trở về nhà。

爾時摩迦陀主阿闍世王。害父王已。

Nhi thời Ma Ca Đà chủ A Xà thế Vương 。 hại phụ Vương dĩ 。

Lúc bấy giờ chủ nước Ma-ca-đà là Vua A-xà-thế đã hại Vua cha,

深生悔恨身生惡瘡。既遇世尊月愛光觸身瘡漸愈。

thâm sinh hồi hận thân sinh ác sang 。 ký ngộ Thế tôn nguyệt ái quang xúc thân sang tiệm dĩ 。

thân sanh lở loét nên sanh tâm hồi hận sâu sắc, đã gặp được Thế Tôn kính trọng nên vết thương thân thể càng lành,

來詣佛所求哀懺悔。世尊大悲。

lai nghê Phật sở cầu ai sám hồi 。 Thế Tôn Đại bi 。

đến chỗ đức Phật cầu xin sám hối. Đại bi Thế Tôn!

即以甘露微妙法藥洗蕩身瘡。極重罪滅即還本宮。

tức dĩ cam lộ vi điệu Pháp dược tẩy đặng thân sang 。 cực trọng tội diệt tức hoàn bản cung 。

liền dùng cam lồ pháp dược vi diệu tắm rửa vết thương, rất gấp tội diệt liền trở về bản cung,
都不覺知如來涅槃。

đô bất giác tri Như Lai Niết-bàn 。

đều không biết Như Lai Niết-bàn.

於涅槃夜夢見月落日從地出。星宿雲雨繽紛而隕。復有煙氣從地而出。

Ư Niết-bàn dạ mộng kiến nguyệt lạc nhật tùng địa xuất 。

nhĩ vân 。

見七彗星現於天上。

kiến thất tuệ tinh hiện ư Thiên thượng 。

thấy bảy sao chổi hiện ở trên trời.

復夢天上有大火聚遍空熾然一時墮地。夢已尋覺心大驚戰。

Phục mộng Thiên thượng hữu Đại hỏa tụ biến không sí nhiên nhất thời đọa địa 。

mộng dĩ tâm giác tâm Đại kinh chiến 。

Lại chiêm bao thấy có đồng lửa lớn trên trời cháy khắp hư không một lúc rơi xuống đất, mộng thấy xong rồi tâm liền tỉnh ngộ lo sợ chiến tranh,

即召諸臣。具陳斯夢。此何祥耶。臣答王言。

túc triệu chư Thần 。

liền mời các thần, trình bày đầy đủ giấc mộng đó. Đây là điềm gì? Thần trả lời

Vua rằng:

是佛涅槃不祥之相。佛滅度後。三界眾生六道有識。

Thị Phật Niết-bàn bất tường chi tướng 。

Chính Phật Niết-bàn là điềm không lành, sau khi đức Phật diệt độ, chúng sanh trong ba cõi sáu đường

煩惱橫起。故現大火從天落地。

phiền não hoạnh khởi 。

phiền não ngang khởi nên hiện lửa lớn từ trời rơi xuống đất.

佛入滅度月愛慈光慧雲普潤。悉皆滅沒即雲月落。

Phật nhập diệt độ nguyệt ái từ quang tuệ vân phổ nhuận 。

Phật nhập diệt độ, trăng ái ánh từ, mây huệ thấm khắpp. Thấy đều bị diệt tức là trăng mây tan biến,

星落地者。佛涅槃後。八萬律儀一切戒法。

tinh lạc địa giả 。

sao rơi xuống đất, sau Phật Niết-bàn thì tám vạn luật nghi, tất cả giới pháp 眾生違反不依佛教。乃行邪法墮於地獄。

chúng sanh vi phản bất y Phật giáo 。

chúng sanh sai trái, không y vào lời dạy đức Phật, lại hành tà pháp sẽ đọa vào địa ngục,

日出地者。

nhật xuất địa giả 。

ví như mặt trời mọc ra từ đất.

佛涅槃後三塗惡道苦聚日光出現世間。故感斯夢。王聞是語。

Phật Niết-bàn hậu tam đồ ác đạo khổ tụ nhật quang xuất hiện thế gian 。

Sau khi đức Phật Niết-bàn ác đạo tam đồ khổ tụ nhật quang xuất hiện thế gian,

將諸臣從夜半即來至拘尸城。見諸無數四兵之眾。

tướng chư Thần tòng dạ bán túc lai chí Câu-thi thành 。

đem các tướng thần từ nửa đêm lại đến thành Câu-thi, thấy các chúng của bốn binh vô số,

防衛拘尸無量重數。復見城門有呪術師防止外難。

phòng vệ Câu-thi vô lượng trọng số 。 phục kiến thành môn hữu chú thuật sư phòng chỉ ngoại nan 。

phòng vệ Câu-thi vô lượng số lớp. Lại thấy cửa thành có những nhà chú thuật phòng giữ bên ngoài.

王見是已即問呪師。佛涅槃耶。呪師答言。

Vương kiến thị dĩ tức vấn chú sư 。

Phật Niết-bàn da 。

chú sư đáp ngôn 。

Vua thấy đó rồi liền hỏi nhà chú thuật rằng: Phật Niết-bàn u? Nhà chú thuật đáp rằng:

佛涅槃來已經四七。當今大眾將分舍利。王言。

Phật Niết-bàn lai dĩ Kinh tứ thất 。

đương kim Đại chúng tướng phân Xá-lợi 。

Vương ngôn 。

Đức Phật Niết-bàn đến nay đã trải qua bốn tuần, Đại chúng nay sẽ đem phân xá lợi.

Vua nói:

佛入涅槃我都不知。我於夜夢見不祥事。

Phật nhập Niết-Bàn ngã đô bất tri 。

ngã u dạ mộng kiến bất tường sự 。

Phật nhập Niết-bàn ta đều không biết, ta ở trong đêm dài mộng thấy việc không vui,

以問諸臣。方知如來入大涅槃。

dĩ vấn chư Thần 。

phương tri Như Lai nhập Đại Niết-Bàn 。

liền hỏi chư thần mới biết Như Lai nhập Đại Niết-bàn,

我欲入城禮拜如來金剛舍利。汝為通路。呪師聞已即聽前入。

Ngã dục nhập thành lễ bái Như Lai Kim cương Xá-lợi 。

nhữ vi thông lộ 。

chú sư văn dĩ tức thỉnh tiền nhập 。

ta muốn vào thành lễ bái xá lợi kim cương Như Lai. Xin người làm thông lộ. Nhà chú thuật nghe xong liền cho vào trước.

王至城內四衢道中。見師子座舍利金壇。

Vương chí thành nội tứ cù đạo trung 。

kiến Sư-tử tọa Xá-lợi kim đàn 。

Vua đến trong thành bằng bốn đường lớn, thấy tòa sư tử kim đàn xá lợi,復觀大眾悲哀供養。

phục đồ Đại chúng bi ai cúng dường 。

lại thấy Đại chúng khóc lóc cúng dường.

王與徒眾一時禮拜悲泣流淚。右邊七匝哀慘供養。爾時王就大眾。

Vương dữ đồ chúng nhất thời lễ bái bi khắp lưu lệ 。

hữu nhiều thất tạp ai thâm cung dưỡng 。

nhĩ thời Vương tựu Đại chúng 。

Vua cùng đồ chúng lễ bái một lúc buồn rầu khóc lóc rơi lụy, nhiều phải bảy vòng buồn thâm cúng dường. Lúc bấy giờ Vua cùng Đại chúng, 請求如來一分舍利還國供養。大眾答言。

thỉnh cầu Như-Lai nhất phân Xá-lợi hoàn quốc cung dưỡng 。

Đại chúng đáp ngôn 。

thỉnh cầu một phần xá lợi Như Lai trở về nước cúng dường. Đại chúng thưa rằng: 何晚至耶。佛已先說分布方法。

Hà văn chí da 。

Phật dĩ tiên thuyết phân bố phương Pháp 。

Đến trễ thế u! Phật trước đã dạy phương pháp phân bố

舍利皆已各有所請。無有仁分。仁可還宮。阿闍世王不果所請。

Xá-lợi giai dĩ các hữu sở thỉnh 。

vô hữu nhân phân 。

nhân khả hoàn cung 。

A đồ thế Vương bất quả sở thỉnh 。

Xá lợi đã xong đều thỉnh hết rồi, không có phần Ngài, Ngài có thể trở về cung.

Vua A-xà-thế không có thỉnh được

愁憂不樂即禮舍利惆悵而還。

sầu ưu bất lạc tức lễ Xá-lợi trừ trưởng nhi hoàn 。

nên buồn rầu không vui, liền lễ xá lợi thương cảm mà trở về.

爾時毘離外道名王。

Nhĩ thời tì ly ngoại đạo danh Vương 。

Lúc bấy giờ Tỳ-ly danh vương ngoại đạo,

佛涅槃後經三七已爾乃方知。即將臣從疾往拘尸。

Phật Niết-bàn hậu kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

túc tướng Thần tòng tậ vãng Câu-thi 。

sau khi Phật Niết-bàn, trải qua ba tuần rồi như thế mới biết, liền đem chv thân

nhanh chóng đến Câu-thi。

既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。

Ký chí Câu-thi tức kiến vô số tứ binh chi chúng 。

phòng vệ Câu-thi nhiều vô lượng trọng 。

Đến Câu-thi liền thấy chúng của bốn binh vô số, phòng vệ Câu-thi bao quanh vô lượng lớp。

爾時阿勒伽羅王。佛涅槃後經三七已爾乃方知。

Nhĩ thời A Lặc Đà La Vương 。

Phật Niết-bàn hậu kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

Bấy giờ Vua A-lặc-già-la, sau khi Phật nhập Niết-bàn trải qua ba tuần rồi như thế mới biết,

即將臣從疾往拘尸。

túc tướng Thần tòng tậ vãng Câu-thi 。

liền đem tướng thân nhanh đến Câu-thi。

既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。

ký chí Câu-thi tức kiến vô số tứ binh chi chúng 。

phòng vệ Câu-thi nhiều vô lượng trọng 。

Đã đến Câu-thi liền thấy chúng của bốn binh vô số, phòng hộ Câu-thi bao quanh vô lượng lớp。

爾時毘耨隊不畏王。佛入涅槃經三七已爾乃方知。

Nhĩ thời tì nậu đội bất úy Vương 。

Phật nhập Niết bàn kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

Lúc bấy giờ Tỳ Nậu Đội Bất Úy Vương, Phật nhập Niết-bàn trải qua ba tuần rồi như thế mới biết。

爾時遮羅伽羅國王。

Nhĩ thời Giá la già la Quốc Vương 。

Lúc bấy giờ Vua nước Giá-la-già-la,

佛入涅槃經三七已爾乃方知。爾時師伽那王。

Phật nhập Niết bàn kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

Nhĩ thời Sư dà na Vương 。

Phật nhập Niết-bàn trải qua ba tuần rồi như thế mới biết。Lúc đó Sư-già-na vương,佛入涅槃經三七已爾乃方知。爾時波肩羅外道名王。

Phật nhập Niết bàn kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

Nhĩ thời Ba kiên la ngoại đạo danh Vương 。

trải qua ba tuần rồi như thế mới biết Phật vào Niết-bàn。Lúc đó Ba-kiên-la ngoại đạo danh vương

佛入涅槃經三七已爾乃方知。即將臣從疾往拘尸。

Phật nhập Niết bàn kinh tam thất dĩ nhĩ nãi phương tri 。

túc tướng Thần tòng tậ vãng Câu-thi 。

trải qua bảy tuần rồi như thế mới biết Phật vào Niết-bàn, tức thì cùng tướng thân theo nhanh đến Câu-thi,

既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。

ký chí Câu-thi tức kiến vô số tứ binh chi chúng 。

phòng vệ Câu-thi nhiều vô lượng trọng 。

đã đến Câu-thi liền thấy chúng của bốn binh vô số, phòng hộ Câu-thi bao quanh vô lượng lớp.

復見城門有大呪師防止外難。王問呪師。

Phục kiến thành môn hữu Đại chú sư phòng chỉ ngoại nan 。 Vương vấn chú sư 。

Lại thấy cửa thành có đại chú sư phòng hộ bên ngoài, Vua hỏi chú sư:

佛涅槃耶。答言。佛涅槃來已經四七。

Phật Niết-bàn da 。 đáp ngôn 。 Phật Niết-bàn lai dĩ Kinh tứ thất 。

Phật Niết-bàn chẳng? Đáp rằng: Phật Niết-bàn đến nay đã trải qua bốn tuần.

當今大眾將分舍利。王語呪師。佛入涅槃我都不知。

Đương kim Đại chúng tướng phân Xá-lợi 。 Vương ngữ chú sư 。 Phật nhập Niết-bàn ngã đô bất tri 。

Đại chúng nay sẽ đem phân xá lợi, Vua nói chú sư: Phật vào Niết-bàn ta đều không biết.

故今晚至。我欲入城禮拜供養如來舍利。

cố kim văn chí 。 ngã dục nhập thành lễ bái cúng dường Như Lai Xá-lợi 。

nên nay đến muện, ta muốn vào thành lễ bái xá lợi cúng dường Như Lai,

汝可開路。呪師聞已即聽前入。

Nhữ khả khai lộ 。 chú sư văn dĩ tức thỉnh tiền nhập 。

xin ông có thể mở đường. Nhà chú thuật nghe rồi liền cho vào trước,

至四衢道見師子座七寶莊嚴。安置七寶舍利金壇。

chí tứ cù đạo kiến Sư-tử tọa thất bảo trang nghiêm 。 an trí thất bảo Xá-lợi kim đàn 。

đến bốn đường chính thấy tòa sư tử trang nghiêm bảy báu, sắp đặt kim đàn xá lợi bảy báu,

復見大眾悲哀供養。

phục kiến Đại chúng bi ai cúng dường 。

lại thấy Đại chúng đau buồn cúng dường 。

王將從眾一時禮拜悲哀流淚。右邊七匝各以所持悽慘供養。

Wương tương tùng chúng nhất thời lễ bái bi ai lưu lệ 。 hữu nhiều thất tạp các dĩ sở trì thê thâm cúng dường 。

Vua đem chúng tùy tùng vào lễ bái đau buồn rơi lệ, nhiều quanh phải bảy vòng và đem lễ phẩm cúng dường mà lòng đau thê thảm.

王語眾言。佛入涅槃我都不知。一何苦哉。不得見佛。

Wương ngữ chúng ngôn 。 Phật nhập Niết-bàn ngã đô bất tri 。 nhất hà khổ tai 。 bất đắc kiến Phật 。

Vua nói với mọi người rằng: Phật nhập Niết-bàn chúng ta đều không biết, thật là điều buồn khổ vì không được nhìn Phật,

請眾與我一分舍利還國供養。眾言。

thỉnh chúng dữ ngã nhất phân Xá-lợi hoàn quốc cúng dường 。

xin thỉnh Đại chúng cho tôi một phần xá lợi cùng ta đem về bốn quốc để cúng dường. Đại chúng nói rằng:

汝何來晚。佛已先說分布法軌。舍利皆已各有所請。

Nhữ hà lai văn 。 Phật dĩ tiên thuyết phân bố Pháp quỹ 。 Xá-lợi giai dĩ các hữu sở thỉnh 。

Sao ngài đến muện vậy? Đức Phật trước đã nói quy tắc phương pháp phân bố xá lợi, nay đều có người thỉnh cả rồi,

無有仁分。仁可還宮。王及臣眾不果所請。

vô hữu nhân phân 。 nhân khả hoàn cung 。

Wương cập Thần chúng bắt quả sở thỉnh 。

không có phần của ngài, xin ngài có thể trở về cung. Vua cùng chúng thần không có thỉnh được xá lợi nên

愁憂不樂。即禮舍利悲戀而還。

sầu ưu bất lạc 。

buồn rầu không vui, liền lễ xá lợi lưu luyện mà trở về.

爾時諸菩薩及聲聞眾。天人龍鬼國王長者大臣人民。

Nhĩ thời chư Bồ Tát cập Thanh văn chúng 。 Thiên Nhơn long quý Quốc Vương Trưởng-
Già Đại Thần nhân dân 。

Lúc bấy giờ các Bồ-tát cùng chúng Thanh văn, trời người, quý rồng, Quốc vương
Trưởng già, Đại thần, nhân dân,

一切大眾悲號涕泣搥胸大哭。

nhất thiết Đại chúng bi hiệu thê khắp trùy hung đại khóc 。

tất cả Đại chúng buồn rầu kêu gào khóc lóc vỡ ngực la lớn,
五體投地作禮而去。

ngũ thể đầu địa tác lễ nhi khứ 。

năm vóc sát đất làm lễ mà đi.

大般涅槃經後分卷下

Đại bát Niết bàn Kinh hậu phần quyển hạ

Kinh Đại-bát Niết-bàn, phần sau quyển hạ.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:30:05 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====